

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN QUÝ

**CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ
CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM
THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN QUÝ

**CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ
CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM
THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 62 38 01 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. PHẠM HỒNG THÁI

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Trần Văn Quý

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	7
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến cải cách tư pháp	7
1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng thực hành quyền công tố	14
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	29
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP	36
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp	36
2.2. Tiêu chí đánh giá và các yếu tố bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm	60
2.3. Yêu cầu của cải cách tư pháp đối với việc bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm	71
Chương 3: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM	81
3.1. Khái quát thực trạng đội ngũ Kiểm sát viên	81
3.2. Thực trạng chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm	85
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	113
4.1. Quan điểm bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay	113
4.2. Giải pháp bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp	122
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
KSND	: Kiểm sát nhân dân
THQCT	: Thực hành quyền công tố
VKSND	: Viện Kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
XXST	: Xét xử sơ thẩm

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Thực hành quyền công tố là một trong hai chức năng của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) đã được hiến định. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận “VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp” (Điều 107). Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, do VKSND thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; đồng thời, không để người bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam bị hạn chế quyền con người, quyền công dân.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, Kiểm sát viên tham gia với tư cách là người đại diện VKSND thay mặt Nhà nước để thực hành quyền công tố nhằm buộc tội bị cáo. Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, Kiểm sát viên có các nhiệm vụ và quyền hạn như công bố cáo trạng, quyết định của VKSND liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; tham gia xét hỏi, thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm. Thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nhằm truy tố, buộc tội người có hành vi phạm tội ra trước Toà án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm không để lọt kẻ phạm tội và làm oan người vô tội.

Thời gian qua Đảng đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng

tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã nêu rõ: “Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội... Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng khóa X đặt ra yêu cầu đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 phải bảo đảm các điều kiện cho VKSND thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố. Những quan điểm đó đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Triển khai thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát, thời gian qua, nhìn chung VKSND đã thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, góp phần to lớn trong đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn tồn tại nhiều thiếu sót, hạn chế. Tình trạng oan, sai trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án vẫn diễn ra. Nhiều vụ án sơ thẩm hình sự Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung do truy tố chưa đúng người, đúng tội. Một số vụ án phán quyết của Tòa án khác với những nội dung thực hành quyền công tố, hay Viện kiểm sát truy tố bị cáo nhưng Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội. Điều đó cho thấy chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại một số phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự chưa thật sự bảo đảm.

Trên phương diện nghiên cứu, chủ đề chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự không phải hoàn toàn mới. Tuy nhiên, những vấn đề lý luận căn bản của chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đều

chưa được nhìn nhận một cách toàn diện và giải quyết thấu đáo; do đó, hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm chưa được nhận diện thật rõ nét. Thực trạng hoạt động lập pháp gần đây cho thấy, một số đạo luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra chưa thể hiện đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về chức năng của các cơ quan tổ tụng. Tương tự, việc định ra hay luật hóa những tiêu chí để đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa chưa được quan tâm.

Cải cách tư pháp ở Việt Nam đang đặt ra những yêu cầu mới. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố góp phần bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Bối cảnh này đòi hỏi công tác thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải không ngừng nâng cao chất lượng, bảo đảm chính xác, đúng pháp luật. Do vậy, nghiên cứu vấn đề chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm lại càng có ý nghĩa hết sức cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Từ những lý do trên đây, nghiên cứu sinh chọn đề tài “*Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam*” làm luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng thực hành quyền công tố (THQCT) của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam, tác giả đề xuất các quan điểm, đưa ra những giải pháp nhằm bảo đảm chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để thực hiện mục đích nêu trên, luận án có nhiệm vụ là:

- Phân tích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, tiêu chí đánh giá, những yếu tố bảo đảm và yêu cầu của cải cách tư pháp.

- Phân tích thực trạng chất lượng đội ngũ kiểm sát viên và rút ra những ưu điểm, thuận lợi và khó khăn vướng mắc.

- Đánh giá thực trạng chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp.

- Phân tích và đề xuất các quan điểm và đưa ra những giải pháp bảo đảm chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về đối tượng:* Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Không nghiên cứu chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Luận án cũng không đề cập đến hoạt động thực tiễn của viện kiểm sát quân sự.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm trên phạm vi toàn quốc.

- *Về thời gian:* Những số liệu thống kê làm cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự tác giả sử dụng từ năm 2010 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận: Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách bộ máy nhà nước nói chung và cải cách tư pháp nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu: Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó chú trọng các phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, lịch sử cụ thể. Ngoài ra luận văn còn sử dụng một số phương pháp của các bộ môn khoa học khác như thống kê, so sánh, lý thuyết hệ thống...

Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở chương 1 nhằm phân tích, đánh giá các công trình khoa học có liên quan đến đề tài.

Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở chương 2 nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài.

Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, lý thuyết hệ thống được sử dụng ở chương 3 trên cơ sở phương pháp luận của Triết học Mác-Lênin, nhằm đánh giá đúng thực trạng chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp - diễn dịch được sử dụng ở chương 4, để đề xuất các quan điểm, giải pháp phù hợp thực tế, khả thi nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự.

5. Những điểm mới của luận án

Luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu toàn diện và hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát

viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam; vì vậy, luận án có một số điểm mới về mặt khoa học như sau:

1) Luận án đã xây dựng khái niệm, phân tích đặc điểm và vai trò chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

2) Luận án xây dựng được các tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

3) Luận án phân tích, chỉ ra được những kết quả, hạn chế và nguyên nhân thực trạng chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

4) Luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- *Về lý luận*: Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm phong phú thêm lý luận về chất lượng THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

- *Về thực tiễn*: Những kết quả của luận án sẽ góp phần nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Đồng thời, luận án là nguồn tư liệu tham khảo tốt cho công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Vấn đề THQCT nói chung và chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng được nhiều nhà khoa học trong giới luật học quan tâm nghiên cứu từ lâu. Khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh cải cách tư pháp, vấn đề này càng được quan tâm đặc biệt. Trong thời gian này, có khá nhiều công trình mà chủ yếu là các sách chuyên khảo, luận án, luận văn thạc sĩ luật, chuyên đề tại các hội thảo, đề tài khoa học, các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành... liên quan đến đối tượng đề tài luận án nghiên cứu. Có thể nêu một số công trình nghiên cứu tiêu biểu sau:

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CẢI CÁCH TƯ PHÁP

- Đào Trí Úc, *"Chiến lược cải cách tư pháp: những vấn đề lý luận và thực tiễn"* [108].

Tác giả khẳng định: "Nhiệm vụ không ngừng hoàn thiện hệ thống tư pháp luôn được Đảng và Nhà nước ta đặt trong quỹ đạo chung của nhiệm vụ xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Đặc biệt, kể từ khi Đảng ta khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và khi nhiệm vụ đó trở thành một yêu cầu chiến lược và mang tính hiến định, công tác tư pháp đã được Đảng ta đặc biệt coi trọng" [108]. Tác giả đã nêu ra hàng loạt câu hỏi để xác định khâu trọng tâm, khâu đột phá của chiến lược cải cách tư pháp như: làm thế nào để có được một thứ tự ưu tiên trong việc triển khai cải cách để bước trước làm tiền đề cho bước sau và bước sau là sự kế thừa có logic những gì đã đạt được trước đó; làm thế nào để các giải pháp cải cách là một thể thống nhất, đồng bộ, tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược"; làm thế nào để các giải pháp cải cách tư pháp thực sự khả thi... Để trả lời cho các câu hỏi trên, tác giả đã phân tích làm rõ hàng loạt các vấn đề khác nhau liên quan đến tất cả các khâu và các mặt hoạt động của các cơ quan tư pháp như nội dung, tính chất và tầm quan trọng của hệ thống tư pháp. Đây là

những vấn đề cần phải giải quyết một cách triệt để và thỏa đáng. Và để chiến lược cải cách tư pháp có tính liên kết và liên tục, tác giả khẳng định: các khâu của hệ thống tư pháp và các mặt hoạt động của các cơ quan tư pháp phải nằm trong mối liên hệ có tính hệ thống, phụ thuộc vào nhau, bổ sung cho nhau. Chỉ khi xác định được như vậy, chúng ta mới đưa ra được giải pháp đúng đắn. Bên cạnh đó, tác giả cũng khẳng định: Hệ thống tư pháp trong tổng thể của nó cũng như từng bộ phận hợp thành có mối liên hệ với các yếu tố nằm ngoài hệ thống tư pháp như: các yếu tố kinh tế - xã hội, chính trị, tư tưởng. Từ nhận thức về mối liên hệ khách quan này, tác giả cho rằng, cải cách tư pháp nhất thiết phải được nhìn nhận ở tầm chiến lược với các yêu cầu sau: các yếu tố kinh tế - xã hội, các quá trình và diễn biến trong xã hội có ý nghĩa quyết định đối với tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải được xác định trên cơ sở yêu cầu về khả năng thích ứng với các điều kiện và tình hình mới; các cơ quan tư pháp phải được đặt trong mối liên hệ với xã hội xuất phát từ đòi hỏi về năng lực phục vụ các nhu cầu của xã hội; vị trí, vai trò của các cơ quan tư pháp phải thích ứng với vị trí, vai trò của các thiết chế chính trị và thiết chế nhà nước.

- Nguyễn Trần Bạt, "*Cải cách và sự phát triển*" [1].

Trong cuốn sách này, tác giả đã xây dựng khái niệm cải cách: "Cải cách là biện pháp con người chủ động đưa ra các chương trình uốn nắn các hành động xã hội, nhằm thúc đẩy một nhịp điệu phát triển phù hợp với quy luật cuộc sống" [1, tr.27]. Các chương trình cải cách có hai nhiệm vụ rõ ràng: *Thứ nhất*, là uốn nắn những sai trái trong các chương trình hành động xã hội được phát hiện bởi trạng thái tiến bộ về nhận thức của xã hội. *Thứ hai*, là bổ sung vào các chương trình hành động xã hội những yếu tố mới xuất hiện do đòi hỏi của sự phát triển tự nhiên hoặc phát triển mới của cuộc sống.

Bên cạnh đó, tác giả cũng phân biệt cải cách với đổi mới: "Đổi mới là quá trình mang tính chủ động, nằm trong quy luật vận động và phát triển của sự vật. Khác với đổi mới, cải cách là một biện pháp được thực hiện để giải

quyết những đòi hỏi của thực tiễn với mục tiêu rõ ràng, chương trình cụ thể và yêu cầu phải hoàn tất trong một thời gian nhất định" [1, tr.17].

- Ngô Huy Cương, *"Góp phần bàn về cải cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay"* [29].

Tại chương 12, Luật Tố tụng hình sự, tác giả khẳng định: "Tố tụng hình sự của Việt Nam không có các đặc trưng quan trọng của tố tụng tranh tụng và cả tố tụng thẩm vấn. Thực chất, theo tôi, đây là hệ thống tố tụng riêng biệt có thể gọi là "tố tụng buộc tội" [29, tr.588].

Về các mô hình tố tụng hình sự, tác giả nhận xét:

Thứ nhất, bất kể hệ thống tố tụng nào, dù là tố tụng tranh tụng hay tố tụng thẩm vấn, đều có những ưu điểm và khuyết điểm nhất định mà cần phải đánh giá chính xác, rõ ràng.

Thứ hai, đổi mới hoạt động xét xử theo hướng tranh tụng không có nghĩa là chỉ quan tâm đến giai đoạn xét xử [29, tr.589].

Sau khi phân tích thực trạng tố tụng hình sự của Việt Nam, tác giả kết luận: Đổi mới hoạt động xét xử theo hướng tranh tụng cần phải chú ý tới các vấn đề sau:

Phải chú trọng đến quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự; tăng cường chế định luật sư, cho họ tham gia từ đầu của quy trình tố tụng với quyền được thu thập chứng cứ; công tố viên và luật sư phải được phép tranh luận tự do tại phiên tòa; đào tạo lại thẩm phán theo hướng tranh tụng; cơ quan điều tra không được quyền giam giữ bị can mà quyền này được giao cho tòa án; xem xét việc bỏ quyền kiểm sát tư pháp của Kiểm sát viên; thiết lập cơ chế bồi thẩm đoàn đối với một số loại tội; không thể không nghĩ đến việc nâng cấp toàn bộ hệ thống giữ quyền công tố; bị can, bị cáo hoặc người bị tình nghi là phạm tội phải được thông báo về các quyền và lợi ích liên quan và có quyền giữ im lặng; tòa án khi xét xử phải nhân danh công lý hoặc nhân dân, không thể nhân dân nhà nước [29, tr.597].

- Lê Văn Cẩm, "*Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*" [26].

Trong công trình nghiên cứu này, tác giả đã đề cập đến rất nhiều nội dung, đáng chú ý là tác giả đưa ra năm vai trò của hệ thống tư pháp hình thức trong Nhà nước pháp quyền đó là:

Góp phần khẳng định trong thực tiễn nguyên tắc phân công quyền lực; khẳng định trên thực tiễn nguyên tắc tính tối thượng của pháp luật; khẳng định trên thực tiễn nguyên tắc về sự ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; góp phần khẳng định một loạt các tư tưởng pháp lý cao cả và tiên bộ được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại - công bằng, nhân đạo, dân chủ và pháp chế; khẳng định thắng lợi huy hoàng của chính nghĩa đối với tàn bạo, của công lý đối với bất công, của cái thiện đối với cái ác [26, tr.166].

Bên cạnh đó tác giả cũng nêu ra 5 yếu tố bảo đảm cho hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự đó là:

Hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm; các chuyên ngành khoa học pháp lý về đấu tranh chống tội phạm; đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực tư pháp hình sự của các cơ quan nhà nước; thực tiễn sáng tạo pháp luật về đấu tranh chống tội phạm; thực tiễn áp dụng pháp luật về đấu tranh chống tội phạm [26, tr.168].

Khi bàn về hiệu quả hoạt động tư pháp hình sự, tác giả đã đưa ra 6 tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả hoạt động tư pháp hình sự đó là: "Hiệu quả hoạt động điều tra án hình sự; hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát án hình sự; hiệu quả hoạt động xét xử; hiệu quả hoạt động thi hành án hình sự; hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý về tư pháp hình sự và hiệu quả việc bảo vệ một cách vững chắc chế độ hiến định, nhân thân, các quyền tự do của con người và của công dân, cũng như hòa bình, an ninh của nhân loại, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm" [26, tr.185].

- Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Dương và Nguyễn Thị Thủy, *"Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp"* [96].

Nhóm tác giả đã phân tích những tiền đề, thách thức đặt ra đối với việc hoàn thiện thủ tục tố tụng hình sự ở nước ta theo yêu cầu cải cách tư pháp. Những tiền đề, thách thức đó là: "Cải cách kinh tế; sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ; cải cách hành chính; công cuộc hội nhập quốc tế; đổi mới văn hóa xã hội" [96, tr.125-129]. Đây là những vấn đề đặt ra, tác động rất lớn đến việc hoàn thiện thủ tục tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, nhóm tác giả đã xây dựng được khái niệm về mô hình tố tụng hình sự: "là cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự tìm đến sự thật khách quan của vụ án. Cách thức tổ chức này quyết định địa vị tố tụng, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc thực hiện các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự và cả trình tự, thủ tục và các điều kiện để tiến hành các hành vi tố tụng cụ thể trong quá trình giải quyết vụ án hình sự" [96, tr.89].

Đặc biệt, công trình nghiên cứu đã đưa ra đặc điểm của mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng tranh tụng.

Đối với mô hình tố tụng thẩm vấn, nhóm tác giả nêu ra và phân tích những đặc điểm sau: "Các cơ quan tiến hành tố tụng, bao gồm cả tòa án có nghĩa vụ chứng minh tội phạm; khi hồ sơ vụ án chuyển sang Viện Kiểm sát (Viện công tố) đề nghị truy tố, chủ thể này tiếp tục kiểm tra, bổ sung các chứng cứ; đề cao tính tích cực, chủ động của thẩm phán; chỉ những người tiến hành tố tụng mới được thu thập chứng cứ, chứng minh sự thật vụ án" [96, tr.94-97].

Đối với mô hình tố tụng tranh tụng, tác giả đưa ra các đặc điểm: "Có sự phân định rành mạch quyền với nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự; ba hệ quy tắc rất phức tạp, chi phối toàn bộ hoạt động tố tụng đó là: quy tắc tố tụng; quy tắc chứng cứ và quy tắc về ứng xử của luật sư; vai trò của công tố mờ nhạt trong hoạt động điều tra; yếu tố thú tội và mặc cả thú tội được ghi nhận; đề cao vai trò của luật sư bào chữa;

có sự thỏa thuận để bị cáo nhận tội; tòa án tách khỏi lập pháp và hành pháp" [96, tr.101-108].

- Đào Trí Úc, Vũ Công Giao, *"Cải cách tư pháp về một nền tư pháp liêm chính"* [110].

Công trình nghiên cứu đã phân tích và đưa ra định nghĩa về cải cách tư pháp (theo nghĩa rộng) như sau: "Cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền là việc đổi mới toàn bộ hệ thống cơ quan tư pháp (Tòa án), hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật và hệ thống các cơ quan hỗ trợ tư pháp, cũng như hoạt động thực tiễn và đội ngũ cán bộ của ba hệ thống các cơ quan này, đồng thời hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan nhằm đạt được kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lý và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại trong Nhà nước pháp quyền" [110, tr.144].

Cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay cần phải được quán triệt theo các nguyên tắc cơ bản sau đây [110, tr.145-161]:

Một là, cải cách tư pháp cần phải bảo đảm được tính độc lập thực sự của nhánh quyền tư pháp;

Hai là, cải cách tư pháp cần phải dựa trên các tư tưởng pháp lý tiên bộ được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại;

Ba là, cải cách tư pháp cần phải nhằm hướng tới việc bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu các quyền và tự do của con người và của công dân;

Bốn là, cải cách tư pháp ở Việt Nam cần phải được tiến hành bằng các cơ chế dân chủ, công khai và minh bạch để bảo đảm sự thể hiện cao nhất, đầy đủ nhất ý chí và chủ quyền của nhân dân;

Năm là, cải cách tư pháp cần phải dựa trên sự phân tích một cách khách quan, có căn cứ vào bảo đảm rằng các quan hệ xã hội đang tồn tại và sẽ phát triển trong xã hội, cũng như hiệu quả xã hội của các quy phạm pháp luật được lĩnh vực tư pháp, được các cơ quan tư pháp áp dụng trong thực tiễn;

Sáu là, cải cách tư pháp cần phải dựa trên những luận chứng khoa học thể hiện sự kết hợp hài hòa các luận điểm khoa học pháp lý về tư pháp của

Việt Nam với các thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý về tư pháp trên thế giới;

Bảy là, cải cách tư pháp cần phải dựa trên các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với các nguyên tắc và quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực tư pháp;

Tám là, cải cách tư pháp ở Việt Nam cần phải bảo đảm ở mức cao nhất cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bằng sự phối hợp, kiểm tra và cân bằng nhau giữa các nhánh quyền lực nhà nước.

- Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, *"Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền"* [22]. Trong công trình này, tại phần II có các bài viết:

+ Tổ tụng tranh tụng và vấn đề cải cách tư pháp ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, tác giả Nguyễn Ngọc Chí. Với 15 trang viết, tác giả đã đề cập đến đặc điểm của tố tụng tranh tụng, có sự phân tích những ưu điểm và hạn chế của loại hình tố tụng này; phân tích một số nội dung có thể tiếp thu phù hợp với tố tụng hình sự nước ta để cải cách nền tư pháp nước ta đạt hiệu quả.

+ Cải cách Luật tố tụng hình sự với việc hoàn thiện nguyên tắc suy đoán vô tội, tác giả Trịnh Quốc Toàn. Trong bài viết gồm 10 trang, tác giả đã trình bày vị trí vai trò quan trọng của nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự và đề xuất quy định nguyên tắc này trong một điều luật. Mặc dù không đưa ra những vấn đề về nguyên tắc tranh tụng, nhưng trong phần nhận định bất cập của pháp luật tố tụng hiện hành, tác giả cho rằng đó là những mâu thuẫn gây hại cho nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc tranh tụng; khẳng định yêu cầu cải cách lại trình tự, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa hình sự chính là đòi hỏi của cả nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc tranh tụng.

- Đào Trí Úc, *"Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng, chống oan, sai"* [109]. Ở đây, sau khi tác giả đưa ra và phân tích khái niệm oan, sai trong tư pháp

hình sự; các tình huống oan, sai thì tác giả đã đưa ra 5 nguyên nhân dẫn đến oan, sai là:

Oan, sai do cố ý vi phạm một cách thô bạo các nguyên tắc quan trọng của Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự; oan, sai xảy ra do thiên hướng buộc tội trong phong cách và tư duy hoạt động của các cán bộ tiến hành tố tụng; oan, sai xảy ra do thái độ, phong cách làm việc quan liêu của những người tiến hành tố tụng; oan, sai xảy ra do kiến thức pháp luật và năng lực chuyên môn, nghề nghiệp thấp kém của một số người tiến hành tố tụng; oan, sai xảy ra xuất phát từ việc chưa đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc độc lập của Tòa án và các cơ quan và người tiến hành tố tụng khác.

Cuối cùng tác giả đưa ra những phương hướng phòng chống oan, sai:

- + Làm trong sạch bộ máy các cơ quan tư pháp hình sự và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Đảng và Nhà nước;
- + Các cơ quan tư pháp phải kiên trì giáo dục cho cán bộ ý thức pháp luật đúng đắn, trong đó vấn đề giáo dục lương tâm và ý thức về uy tín nghề nghiệp phải được đặt lên hàng đầu;
- + Dân chủ hóa hoạt động tố tụng hình sự;
- + Nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ tư pháp, phát huy, đề cao vai trò sáng tạo của Tòa án trong việc tổng kết thực tiễn xét xử;
- + Đề cao bản lĩnh chính trị và nghiệp vụ của cán bộ tư pháp.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ

- Trương Thị Hồng Hà, "*Vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng*" [46].

Trong công trình này, tập thể tác giả đã trình bày một số vấn đề lý luận về vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng (chương 1), trong đó có nghiên cứu hoạt động tranh tụng của luật sư trong mô hình tố tụng tranh tụng; mô hình tố tụng thẩm vấn. Khi nghiên cứu về vai trò của Luật sư trong hoạt động tranh tụng ở Việt Nam, các tác giả cho rằng: Sự thật khách quan của vụ án phụ thuộc nhiều

vào hoạt động tranh tụng của luật sư và Kiểm sát viên; việc phát huy vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng không cần thiết gắn với việc chuyển đổi mô hình tố tụng nước ta mà vấn đề là cần đưa các hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng để luật sư có thể phát huy vai trò của mình. Bàn về quá trình tranh tụng, các tác giả cho rằng, quá trình diễn ra hoạt động tranh tụng được bắt đầu từ khi khai mạc phiên tòa và kết thúc sau khi Tòa án công bố phán quyết; hoạt động tranh tụng của luật sư được diễn ra theo bốn giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị tranh tụng gắn với các thủ tục bắt đầu phiên tòa; giai đoạn thứ hai là luật sư tham gia vào quá trình xét hỏi tại phiên tòa; giai đoạn thứ ba - tranh tụng giữa các bên; giai đoạn thứ tư là công bố kết quả tranh tụng - công bố phán quyết. Về vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng, các tác giả trình bày thực trạng pháp luật và thực trạng về thực hiện pháp luật bảo đảm vai trò của luật sư qua các thời kỳ. Bên cạnh việc khẳng định đã có đổi mới trong quy định về luật sư trong tranh tụng, nhưng vẫn còn những hạn chế như việc chưa có quy định pháp lý bảo đảm cho luật sư tham gia tranh tụng một cách khách quan và độc lập; quy định của pháp luật chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, việc phát huy vai trò của luật sư chưa được đảm bảo và cũng khẳng định chất lượng tham gia tranh tụng của luật sư chưa đáp ứng được mục đích, vai trò của luật sư. Xuất phát từ các nguyên nhân khách quan là cơ chế kinh tế quan liêu bao cấp và từ chính mô hình tố tụng thẩm vấn dẫn đến hệ quả là vấn đề tranh tụng trong các phiên xét xử và đội ngũ cũng như địa vị của luật sư chưa được coi trọng. Về các nguyên nhân chủ quan, các tác giả nhận thấy, bên cạnh hạn chế của pháp luật, kiến thức kỹ năng tranh tụng của luật sư, nhận thức của nhân dân còn thấp, cơ chế nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa có, bên cạnh đó còn có nguyên nhân từ đạo đức nghề nghiệp luật sư chưa được đảm bảo khi mục đích tham gia tranh tụng là yếu tố kinh tế mà không xuất phát từ chính vai trò của luật sư trong tranh tụng.

Tác giả khẳng định phát huy vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng nhằm đảm bảo yêu cầu của việc thực hiện cơ chế dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải luôn gắn liền với nhiệm vụ cải cách tư pháp được nhận thức theo hướng tăng

cường yếu tố tranh tụng trong mô hình tố tụng thẩm vấn ở Việt Nam để từ đó đưa ra các giải pháp: Nâng cao nhận thức về vai trò của luật sư; hoàn thiện pháp luật theo hướng sửa đổi một số quy định liên quan đến luật sư trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, quy định bắt buộc luật sư tham gia tất cả các phiên tòa hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động; các giải pháp liên quan đến tổ chức hành nghề luật sư. Trình bày kinh nghiệm quốc tế trong chương 3, các tác giả nêu cao nội dung liên quan đến luật sư ở Mỹ, Vương quốc Anh và Trung Quốc, có điểm qua về một vài nét tương đồng hoặc khác biệt giữa luật sư ở các nước nêu trên với luật sư ở Việt Nam.

Trong kết luận, các tác giả khẳng định "Luật sư và vấn đề tranh tụng được đặt ra trong thực tiễn hoạt động tố tụng hiện nay đòi hỏi phải có sự nghiên cứu một cách thấu đáo để có được cái nhìn toàn diện về tranh tụng trong tố tụng hiện nay và vai trò của luật sư trong tranh tụng"... "Tăng cường hoạt động tranh tụng phải gắn liền với việc phát huy vai trò của luật sư trong tranh tụng" [46, tr.181].

- Lê Hữu Thê, *"Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra"* [95].

Trong cuốn sách này, tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề như:

- + Những vấn đề lý luận về quyền công tố và THQCT;
- + Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự;
- + Các quy định pháp luật về vai trò của Viện kiểm sát trong hoạt động THQCT và kiểm sát tư pháp ở giai đoạn điều tra;
- + Tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra;
- + Khái quát về cơ quan công tố của một số nước trên thế giới.

Có thể nói, đây là cuốn sách nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống những vấn đề về THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Tác giả đã nêu ra được các quan niệm khác nhau về quyền công tố và THQCT. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra quan điểm của riêng mình về vấn

đề này. Đặc biệt, tác giả đã đưa ra được 7 nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra:

Đổi mới công tác cán bộ; quán triệt đầy đủ tư tưởng, quan điểm của Đảng trong quá trình THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự; nắm vững và thực hiện đúng, đầy đủ vai trò, nhiệm vụ, chức năng của ngành; chú trọng việc giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên; tăng cường vai trò lãnh đạo của viện trưởng các cấp, kết hợp với tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm sát viên; xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong mỗi cấp kiểm sát và với các cơ quan, tổ chức và công dân; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Dương Thanh Biểu, *"Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm"* [2]. Tác giả đã tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

Khái niệm, bản chất tranh luận tại phiên tòa; quan điểm của Đảng về tranh luận trong tố tụng hình sự; các quy định của pháp luật về tranh luận và trách nhiệm THQCT của Kiểm sát viên tại các phiên tòa sơ thẩm; kỹ năng chuẩn bị THQCT tại phiên tòa sơ thẩm gồm: nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên tắc ủy quyền THQCT; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị THQCT gồm: Phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án; kỹ năng nghiên cứu các thủ tục tố tụng; kỹ năng xây dựng các văn bản pháp luật; kỹ năng xây dựng bản luận tội; kỹ năng xây dựng đề cương xét hỏi, kế hoạch đối đáp; kỹ năng THQCT tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, gồm: Kỹ năng đọc cáo trạng; kỹ năng xét hỏi của Kiểm sát viên tại phiên tòa; kỹ năng tranh luận tại phiên tòa của Kiểm sát viên; kỹ năng đối đáp của Kiểm sát viên.

Đặc biệt, tác giả đã tập hợp được một số vụ án đã xét xử trong thời gian qua và chỉ ra được những ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế của Kiểm sát viên trong quá trình THQCT như: viết cáo trạng, xây dựng bản luận tội, xây dựng đề cương xét hỏi, kỹ năng xét hỏi, kỹ năng tranh luận và kỹ năng đối đáp... Có thể khẳng định đây là cuốn sách có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, cần được phổ biến rộng rãi trong đội ngũ Kiểm sát viên nói riêng và cán bộ ngành kiểm sát nói chung.

- Dương Thanh Biểu *"Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm"* [3]. Tác giả đã tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

Xét xử phúc thẩm và vị trí, vai trò của VKSND trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Khái niệm, bản chất pháp lý của THQCT và kiểm sát xét xử phúc thẩm; tính chất của giai đoạn xét xử phúc thẩm; vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; quan điểm của một số nước trên thế giới về xét xử phúc thẩm; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị tham gia phiên tòa phúc thẩm: Phân loại hồ sơ vụ án; kỹ năng nghiên cứu kháng cáo, kháng nghị; kỹ năng nghiên cứu bản án sơ thẩm, biên bản phiên tòa và biên bản nghị án; kỹ năng nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; kỹ năng nghiên cứu dư luận báo chí; kỹ năng nghiên cứu quan điểm của luật sư và việc bào chữa của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tới vụ án; kỹ năng xác minh ở cấp phúc thẩm; kỹ năng nghiên cứu các quy định của pháp luật; kỹ năng tổng hợp báo cáo án phúc thẩm; kỹ năng chuẩn bị đề cương xét hỏi và dự kiến những tình huống đối đáp; THQCT và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phúc thẩm: Kỹ năng xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm; kỹ năng tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; kỹ năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong xét xử phúc thẩm.

Đặc biệt, tác giả đã tập hợp được một số vụ án đã xét xử trong thời gian qua và chỉ ra được những ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế của Kiểm sát viên trong quá trình THQCT.

- Đỗ Thị Ngọc Tuyết, *"Kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự"* [107].

Tại chương 1: Một số vấn đề chung về tranh tụng tại phiên tòa hình sự, trong phần khái niệm tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nêu ra các quan điểm khác nhau về thế nào là tranh tụng, tác giả đồng nhất với quan điểm không cần thiết phải quy định tranh tụng là một nguyên tắc của tố tụng hình sự, mà "Tranh tụng thực chất là tranh luận trong tố tụng", và để thực hiện tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị thì "Tranh tụng có thể được hiểu là nâng cao chất lượng tranh luận tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự, coi trọng hoạt động tranh luận tại phiên tòa, lấy kết quả tranh luận và kết quả xét hỏi để Tòa án

ra bản án và quyết định" [39]. Trong chương 2, phần trình bày về phạm vi tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự đã xác định có 4 giai đoạn của quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự là: giai đoạn chuẩn bị tranh tụng; giai đoạn kiểm tra công khai các chứng cứ về vụ án; giai đoạn tranh luận giữa các bên; giai đoạn đánh giá và công bố kết quả tranh tụng. Trong phần kỹ năng hoạt động tranh tụng tại phiên tòa còn nhiều bất cập như: Bản luận tội hoặc kết luận của Kiểm sát viên không bám sát kết quả xét hỏi, không dựa vào các chứng cứ đã được kiểm tra, xác minh tại phiên tòa mà thường dựa vào hồ sơ vụ án... Tìm hiểu nguyên nhân và tác giả đưa ra một số giải pháp sửa đổi quy định trình tự phát biểu tại phần tranh luận, còn lại chủ yếu là các giải pháp về đào tạo, cơ sở vật chất... Công trình đã giải quyết vấn đề tranh tụng ở mức khái quát theo đúng nhận định của tác giả "chỉ có thể thực hiện tại phiên tòa, trong thời gian diễn ra phiên tòa" [107, tr.8].

- Lê Minh Thắng, *"Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn"* [92].

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quyền con người và bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự nêu rõ sự cần thiết bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, các nguyên tắc của tố tụng hình sự với việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự. Chương 2, công trình nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về quyền con người trong tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay trong đó có nghiên cứu vấn đề oan và sai trong tố tụng hình sự. Nêu 7 nguyên nhân dẫn đến tình trạng oan, sai, tác giả đặt vị trí thứ nhất là sự thiếu đồng bộ và bất cập của pháp luật tố tụng, nguyên nhân thứ hai là "xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa còn nhiều thiếu sót, phiến diện, không đầy đủ dẫn đến việc ra bản án trái pháp luật". Trong chương 3: Những giải pháp bảo đảm thực hiện quyền con người trong tố tụng hình sự. Trong đề xuất hoàn thiện pháp luật, nguyên tắc tranh tụng được đưa lên vị trí đầu tiên "Sự tồn tại của nguyên tắc tranh tụng là sự phản ánh khách quan trong hoạt động tố tụng hình sự và cần thiết phải được bổ sung vào hệ thống các nguyên tắc của tố tụng hình sự" [92, tr.61]. Như vậy, mặc dù không trực tiếp nghiên cứu về vấn đề tranh tụng trong tố

tụng hình sự, nhưng ở góc độ nghiên cứu của công trình, các tác giả đã xác định được vị trí và vai trò của nguyên tắc tranh tụng trong việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *"Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ 1945 đến nay"* [118].

Đề tài đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền công tố, THQCT như khái niệm, bản chất, đặc điểm, nội dung, phạm vi; đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của VKSND từ 1945 đến nay; đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động THQCT.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *"Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp"* [120]. Đề tài đã triển khai nghiên cứu những nội dung sau:

Lý luận về quyền công tố; lý luận về thực hành quyền công tố; lý luận về kiểm sát các hoạt động tư pháp; thực trạng hoạt động THQCT; thực trạng công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp; giải pháp nâng cao chất lượng THQCT; giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *"Vai trò của Kiểm sát viên trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị"* [121]. Đề tài đã tập trung nghiên cứu những vấn đề:

Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm sát viên; thực trạng hoạt động THQCT của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra; thực trạng công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra; phương hướng, giải pháp nâng cao trách nhiệm, vai trò của Kiểm sát viên trong THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *"Viện kiểm sát nhân dân trong tiến trình cải cách tư pháp"* [114]. Hội thảo tập trung bàn về những vấn đề lý luận về tổ chức hệ thống VKSND theo yêu cầu cải cách tư pháp; nghiên cứu việc chuyển VKSND thành Viện công tố...

- Nguyễn Tường Vi, *"Thực hiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, bị cáo ở Việt Nam"* [112].

Luận văn được trình bày với 3 chương, tại chương 1: Cơ sở lý luận của việc thực hiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Sau khi phân tích các quan điểm khác nhau về quyền bào chữa, tác giả đưa ra khái niệm "Quyền bào chữa là tổng thể các quyền mà pháp luật quy định, cho phép bị can, bị cáo có thể sử dụng nhằm bác bỏ một phần hay toàn bộ sự buộc tội và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự", "Bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo là việc cơ quan và những người có thẩm quyền tạo điều kiện để quyền bào chữa của bị can, bị cáo được thực thi trong thực tế theo quy định của pháp luật". Sau khi phân tích những bảo đảm về thực tế việc thực hiện quyền bào chữa theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, thực trạng thực hiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, bị cáo ở Việt Nam qua các thời kỳ (chương 2), tác giả nêu những tồn tại và phân tích nguyên nhân của những tồn tại trong pháp luật cũng như trong thực tế áp dụng pháp luật. Trong phần quan điểm và các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, bị cáo, tác giả có phần trình bày quan điểm về việc thực hiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, bị cáo phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Tuy toàn bộ nội dung của luận văn không đề cập đến vấn đề buộc tội và vai trò trọng tài của Tòa án, vấn đề quyền bào chữa trong tranh tụng, nhưng trong phần giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền bào chữa của bị cáo trong giai đoạn xét xử, tác giả đã đề xuất "Thứ nhất: Tranh tụng phải được ghi nhận là một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, giữ vai trò chi phối và định hướng cho hoạt động và hành vi tố tụng của tất cả các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự phù hợp với chức năng tố tụng của các chủ thể đó theo quy định của pháp luật; quy định đầy đủ các điều kiện bảo đảm cần thiết để các chủ thể thuộc bên buộc tội và bên bào chữa bình đẳng với nhau trong tranh tụng"; tuy chưa phân tích rõ và đầy đủ, nhưng tác giả đã có đề xuất thứ năm tại phần sửa đổi bổ sung quyền bào chữa trong phiên tòa "Cần sửa đổi, bổ sung các quy định về điều kiện bảo đảm sự bình

đăng của các bên tranh tụng: Trong tố tụng hình sự, bên bào chữa và các bên buộc tội chỉ được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện có hiệu quả chức năng của mình theo quy định của pháp luật. Các điều kiện này không chỉ bao gồm bảo đảm về mặt pháp lý (các quyền và nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật giành cho các chủ thể) mà còn cả các bảo đảm khác". Với một số đề xuất trình bày trong luận văn, ở một góc độ nhất định, tác giả đã thể hiện việc nhận thức được vai trò tích cực của nguyên tắc tranh tụng trong thực hiện pháp luật về quyền bào chữa, nhưng đề là nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự thì lại là sự không hợp lý vì "tranh tụng" không thể là sự chỉ đạo trong một loạt việc làm ở giai đoạn thi hành án hình sự - một giai đoạn của tố tụng hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự hiện hành ở Việt Nam.

- Nguyễn Mạnh Tiến, *"Tranh tụng tại phiên tòa - một số vấn đề lý luận và thực tiễn"* [100].

Tại chương 1: Tranh tụng tại phiên tòa trước yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về tranh tụng của nhiều tác giả, nhà nghiên cứu khác nhau, luận văn đã nêu được sáu đặc điểm của tố tụng tranh tụng. Từ những đặc điểm đó của tố tụng tranh tụng tác giả đã so sánh sự khác biệt với tố tụng xét hỏi. Trên cơ sở những nghiên cứu về hệ thống tố tụng tranh tụng và hệ thống tố tụng xét hỏi, tác giả đã có nhận thức về tranh tụng tại phiên tòa: Tranh tụng tại phiên tòa là quá trình đấu tụng diễn ra giữa hai bên buộc tội và bên gỡ tội xung quanh việc bảo vệ quan điểm giải quyết vụ án của mình trong quá trình xét xử từ khi mở phiên tòa cho đến khi kết thúc phiên tòa. Theo đó, dưới sự chủ trì của chủ tọa phiên tòa các bên đưa ra những lý lẽ và chứng cứ nhằm bảo vệ quan điểm của mình. Việc tranh luận được diễn ra công khai trực tiếp, liên tục và bằng lời nói. Kết quả của việc đấu tụng đó có ý nghĩa quyết định đến việc giải quyết vụ án. Từ các đặc điểm của phiên tòa trong hệ tố tụng tranh tụng tác giả đưa ra những điều kiện của tranh tụng tại phiên tòa:

Trước hết, tham gia vào quá trình tranh tụng bao giờ cũng phải có hai chủ thể của quan hệ tranh tụng.

Thứ hai, để việc tranh tụng đạt kết quả cao thì các bên buộc tội và gỡ tội phải có trình độ năng lực, đạo đức nghề nghiệp, có sự chuẩn bị kỹ càng.

Thứ ba, để quá trình tranh tụng đạt kết quả tốt thì cần có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo.

Luận văn cũng nêu ra những yêu cầu, mục đích và nội dung của tranh tụng tại phiên tòa.

Trên quan điểm đổi mới về pháp luật trước yêu cầu hội nhập quốc tế; Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị và vấn đề tranh tụng tại phiên tòa và nội dung tại chương 2: Thực trạng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và tranh tụng tại phiên tòa, tác giả cho rằng, pháp luật tố tụng hình sự còn có những hạn chế của thủ tục tố tụng xét hỏi mà yếu tố tranh tụng tại phiên tòa vẫn quá ít. Xác định trong 5 nguyên nhân của những hạn chế thì nguyên nhân đặt lên hàng đầu là "trong Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành chưa quy định tranh tụng là một nguyên tắc của hoạt động xét xử". Tại chương 3, trong các giải pháp nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa, ngoài các giải pháp như cơ chế đảm bảo thực hiện tranh tụng tại phiên tòa; chế độ chính sách, thì giải pháp hoàn thiện pháp luật được tác giả đưa lên đầu tiên với hai nội dung: Chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện Kiểm sát đối với Tòa án cần phải loại bỏ và tranh tụng phải được đưa lên thành một nguyên tắc trong hoạt động xét xử với lý do: Từ việc thừa nhận là một nguyên tắc của xét xử thì tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và các chủ thể khác tham gia vào quá trình tố tụng đều phải ý thức và hướng mọi hoạt động của họ theo nguyên tắc ấy, đồng thời trong mọi điều luật cụ thể cũng sẽ chi tiết hóa tinh thần của nó tạo ra một cơ chế khách quan và đồng bộ cho hoạt động tranh tụng. Như vậy, luận văn đã giải quyết được một số vấn đề của tranh tụng và yêu cầu đưa nguyên tắc tranh tụng trở thành một nguyên tắc của xét xử là chưa đề cập toàn diện đến nguyên tắc tranh tụng và chưa thấy hết được vai trò quan trọng của nguyên tắc này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự chứ không phải chỉ riêng với một giai đoạn của tố tụng hình sự là xét xử.

- Nguyễn Văn Hiến, *"Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"* [51].

Luận án gồm 3 chương. Trong chương 1: Những vấn đề chung của nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự, tác giả khẳng định: Không phải là một thủ tục, một giai đoạn và đồng nhất với tranh luận tại phiên tòa; không phải là một quá trình trong tố tụng hình sự và cũng không phải là mô hình tố tụng như một số ý kiến khác, mà tranh tụng là một nguyên tắc của tố tụng hình sự với "Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự là những tư tưởng chỉ đạo và định hướng cho hoạt động tố tụng hình sự, tồn tại khách quan và chi phối toàn bộ quá trình tố tụng (từ khi xuất hiện chức năng buộc tội cho đến khi có phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa án) nhằm đảm bảo công bằng, dân chủ khách quan trong hoạt động tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Trong đó, các chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử là độc lập với nhau. Bên buộc tội và bên gỡ tội là bình đẳng trước Tòa án; bên buộc tội và bên gỡ tội có quyền bình đẳng trong việc thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu, xét hỏi và tranh tụng dân chủ trước Tòa án; nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về bên buộc tội, bên gỡ tội có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình. Tòa án giữ vai trò trọng tài bảo đảm cho các bên buộc tội và gỡ tội tranh tụng bình đẳng với nhau để tìm ra sự thật khách quan của vụ án; bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa". Nghiên cứu phạm vi, nội dung, các chủ thể tham gia tranh tụng và các điều kiện bảo đảm tranh tụng, tác giả nêu ý nghĩa và vị trí, mối quan hệ của nguyên tắc tranh tụng với một số nguyên tắc khác của tố tụng hình sự cũng như sự thể hiện nguyên tắc này trong mô hình tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi. Trong nội dung chương 2: Sự thể hiện của nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam được tác giả trình bày theo các mốc thời gian và lịch sử hình thành các cơ quan tiến hành tố tụng, chế định luật sư qua các thời kỳ và trong thực tiễn hiện nay. Với năm vấn đề được nêu trong phần những hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, chủ yếu tác giả nêu những bất cập trong quy định về tổ chức và chức năng của cơ quan tiến hành tố tụng. Chương 3: Phương hướng xây dựng và áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình

sự Việt Nam, tác giả phân tích yêu cầu và đề xuất thể chế hóa nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và biện pháp bảo đảm việc thể chế và áp dụng nguyên tắc này.

- Lê Thị Tuyết Hoa, *"Quyền công tố ở Việt Nam"* [53]. Luận án đã nghiên cứu một số nội dung sau:

Những vấn đề lý luận chung về công tố và quyền công tố; quyền công tố trong tố tụng hình sự; thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự; khái quát về việc tổ chức thực hành quyền công tố ở một số nước trên thế giới; chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự; nội dung và thực trạng thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát trong giai đoạn điều tra tội phạm; nội dung và thực trạng thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự; nhu cầu và phương hướng đổi mới tổ chức thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự; đổi mới nội dung và phương pháp thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự; một số kiến nghị góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tổ chức thực hiện quyền công tố.

- Hà Thị Minh Hạnh, *"Chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội"* [50]. Luận văn đã nghiên cứu những nội dung sau:

Khái niệm quyền công tố và THQCT; chất lượng THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự; điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội và ảnh hưởng của nó đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND cấp huyện trên địa bàn; thực trạng hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra của VKSND cấp huyện ở thành phố Hà Nội; nêu ra các quan điểm của Đảng về công tác THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự của VKSND; đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này của VKSND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Nguyễn Hữu Phương, *"Chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên"* [74]. Tác giả đã phân tích những nội dung sau:

Vị trí, vai trò của VKSND cấp huyện và của đội ngũ Kiểm sát viên cấp huyện; khái niệm, tiêu chí đánh giá và điều kiện bảo đảm chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên cấp huyện; thực trạng chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên VKSND cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên; quan điểm bảo đảm chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên VKSND cấp huyện; đưa ra một số giải pháp và kiến nghị để bảo đảm chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên VKSND cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.

- Phan Thị Bình, *"Cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở tỉnh Thanh Hóa"* [5]. Luận văn đã nghiên cứu những nội dung sau:

Khái niệm, đặc điểm, nội dung THQCT trong xét xử sơ thẩm án hình sự của VKSND; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động THQCT trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của VKSND; tính tất yếu khách quan của hoạt động THQCT trong xét xử sơ thẩm hình sự; tình hình tội phạm và thực trạng THQCT trong xét xử sơ thẩm hình sự của VKSND tỉnh Thanh Hóa; đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động này.

- Mai Thị Nam, *"Chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa"* [63]. Tác giả đã nghiên cứu những nội dung sau:

Khái niệm, đặc điểm, nội dung tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự; khái niệm và tiêu chí đánh giá chất lượng tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự của Kiểm sát viên; tranh tụng tại phiên tòa một số nước trên thế giới; ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự của Kiểm sát viên tỉnh Thanh Hóa; nêu ra các quan điểm bảo đảm chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự; những yêu cầu nghiệp vụ và giải pháp bảo đảm chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự ở tỉnh Thanh Hóa.

- Trần Đình Tú, *"Chất lượng thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các quận ở thành phố Hà Nội"* [106]. Tác giả đã nghiên cứu những nội dung chủ yếu sau:

Khái niệm, tiêu chí đánh giá, các yếu tố bảo đảm chất lượng THQCT trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Kiểm sát viên VKSND cấp quận ở thành phố Hà Nội; thực trạng tổ chức, hoạt động của VKSND cấp huyện ở thành phố Hà Nội; thực trạng chất lượng THQCT trong xét xử sơ thẩm của Kiểm sát viên VKSND cấp quận ở thành phố Hà Nội; quan điểm bảo đảm chất lượng của hoạt động này; đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động này.

- Lê Hồng Phong, *"Chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội"* [69]. Tác giả tập trung phân tích một số nội dung sau:

Khái niệm, đặc điểm, tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; các yếu tố bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; thực trạng tổ chức, cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; thực trạng chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; yêu cầu cấp thiết của việc bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; các giải pháp bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Nguyễn Thái Phúc, *"Dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi) và nguyên tắc tranh tụng"* [73].

Trong bài viết gồm 9 trang, tác giả đồng tình với nhận định "ngày nay nguyên tắc tranh tụng được thừa nhận phổ biến và được ghi nhận với những mức độ và nội dung khác nhau trong pháp luật tố tụng hình sự của đa số các nước hiện đại thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa cũng như hệ thống pháp luật án lệ Anh - Mỹ". Sau khi nêu tính khách quan, tính chủ quan, phạm vi và nội

dung của nguyên tắc tranh tụng, thủ tục tranh luận tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra kiến nghị "chính thức ghi nhận sự hiện diện của nguyên tắc này và hoàn thiện những nội dung của nó".

- Hồ Sỹ Sơn, *"Hoàn thiện mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự"* [87].

Tác giả đã phân tích những bất cập trong các quy định pháp luật liên quan đến mối quan hệ giữa Tòa án với Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự. Tác giả đã đưa ra giải pháp nhằm khắc phục tình trạng này đó là: Hoàn thiện mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát theo hướng bảo đảm tính độc lập của mỗi cơ quan này trong sự phối hợp chung để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Cụ thể: Cần xem lại thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án; cần quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự thủ tục giải quyết trường hợp Tòa án xét thấy việc rút truy tố của Viện kiểm sát không có căn cứ; cần quy định lại giới hạn xét xử sơ thẩm.

- Hoàng Thị Quỳnh Chi, *"Làm tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là thiết thực góp phần vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa"* [27]. Tác giả đã phân tích khái niệm quyền công tố và THQCT. Đánh giá thực trạng hoạt động THQCT của VKSND từ năm 1960-2005. Qua đó tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này:

Phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành; VKSND cần chủ động phối hợp với các cơ quan công an, tòa án và các cơ quan chức năng của Chính phủ trong quá trình đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm; VKSNDTC phối hợp với các cơ quan tư pháp Trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật. tăng cường công tác kiểm tra đối với hoạt động THQCT.

- Nguyễn Tiến Long, *"Một số giải pháp để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người bào chữa khi tranh tụng trong phiên tòa xét xử hình sự"* [56]. Tác giả đã đưa ra 4 giải pháp sau:

Nhà nước cần có chính sách hợp lý về tổ chức luật sư, hoàn thiện pháp luật về luật sư; sửa đổi một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự liên quan đến luật sư; đổi mới chính sách đào tạo luật sư; quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa.

- Trần Quyết, *"Người cán bộ kiểm sát phải có bản lĩnh và ý chí chiến đấu để bảo vệ công lý và pháp luật"* [86]. Tác giả nguyên là Viện trưởng VKSNDTC, đã căn dặn: "Là cán bộ kiểm sát thì điểm quan trọng là phải giữ vững cán cân công lý, phải có thái độ kiên quyết và rất công bằng, người có tội thì trị tội, người bị oan thì phải tha. Cán bộ kiểm sát chỉ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, không chịu bất cứ một sự áp lực nào".

- Vũ Quang Chính, *"Cần có một đội ngũ cán bộ kiểm sát vững mạnh để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao"* [28]. Tác giả đưa ra 4 nhóm giải pháp:

Cần quán triệt nguyên tắc tập trung, thống nhất trong ngành; chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau; cần xây dựng và thực hiện điều đặn chế độ định kỳ sinh hoạt giữa Viện trưởng với các Kiểm sát viên cùng cấp; VKSNDTC cần quan tâm công tác tổng kết thực tiễn.

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, *"Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân từ năm 2002 đến nay"* [115], Chuyên đề này đã nghiên cứu những nội dung:

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài

Qua sự mô tả, liệt kê trên đây, có thể khái quát những nội dung chủ yếu mà các công trình nêu trên đã đề cập.

Có thể khẳng định, do mục tiêu và yêu cầu của từng công trình nghiên cứu trên đây là khác nhau, do đó, sự đầu tư nghiên cứu của từng tác giả với từng nội dung là hoàn toàn khác.

Thứ nhất, về khái niệm "quyền công tố" và "THQCT".

Đây là nội dung được nhiều tác giả đề cập đến trong các công trình nghiên cứu của mình. Chẳng hạn Lê Hữu Thế, *"Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra"*, trước khi đưa ra quan niệm của mình về hai khái niệm này thì tác giả đã phân tích 8 quan điểm khác nhau và phân tích những hạt nhân hợp lý và không hợp lý của từng quan điểm. Cuối cùng tác giả kết luận: Quyền công tố là quyền nhân danh nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử [95, tr.40-57]. Tuy nhiên, theo tác giả Phan Thị Bình, *"Cơ sở lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở tỉnh Thanh Hóa"*, thì lại quan niệm quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho Viện kiểm sát đưa vụ án ra tòa án xét xử để bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích chung và lợi ích của công dân được thực hiện trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và trong các lĩnh vực tố tụng tư pháp khác [5, tr.13]. Ngoài ra, các tác giả khác cũng có quan điểm riêng của mình trong quá trình phân tích lập luận về hai khái niệm này, nhưng tựu chung lại cũng chỉ xoay quanh với hai quan điểm: 1. Coi quyền công tố và THQCT có trong tất cả các loại tố tụng: hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính; 2. Coi quyền công tố và THQCT chỉ có trong tố tụng hình sự.

Sở dĩ có những quan niệm khác nhau về cùng một vấn đề nghiên cứu như vậy là vì trong khoa học pháp lý của chúng ta chưa đưa ra được khái niệm chính thống về vấn đề này. Do đó, đây là những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu.

Thứ hai, về khái niệm "chất lượng THQCT".

Đây cũng là nội dung được nhiều tác giả đề cập đến. Các tác giả đều xuất phát từ khái niệm chính thống được ghi nhận trong cuốn Đại từ điển tiếng Việt, do Nguyễn Như Ý: "Cái tạo nên phẩm chất, giá trị của con người, sự vật, sự

việc" hoặc "Cải tạo nên bản chất sự vật, làm cho sự vật này khác sự vật kia" [123]. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích, không phải tác giả nào cũng gắn với thực tiễn của hoạt động THQCT. Trần Đình Tú: *"Chất lượng thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp quận ở thành phố Hà Nội"* [106], mới chỉ đưa ra được định nghĩa chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự mà không phân tích được với chất lượng đó thì hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự phải thỏa mãn những điều kiện gì, đạt được những chuẩn mực nào. Do đó, trong phần đánh giá thực trạng hoạt động này, tác giả cũng chỉ đánh giá chung chung những việc làm được và những việc chưa làm được và nguyên nhân của nó, chưa phân tích một cách lôgic, chặt chẽ theo những yêu cầu, tiêu chí của khái niệm chất lượng. Chính vì vậy mà luận văn của tác giả thiếu đi tính lôgic và hệ thống.

Tác giả Hà Thị Minh Hạnh, mặc dù nghiên cứu đề tài về chất lượng THQCT nhưng lại không xây dựng được khái niệm chất lượng THQCT là gì. Chính vì vậy, phần giải pháp và kiến nghị tác giả đưa ra rất chung chung, không sát thực.

Thứ ba, về thực trạng hoạt động THQCT và chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự.

Chưa có công trình nào đánh giá thực trạng hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự của toàn ngành kiểm sát. Các tác giả chỉ giới hạn phạm vi đánh giá ở một địa phương cụ thể nào đó: Trần Đình Tú, đánh giá hoạt động này ở các quận của thành phố Hà Nội. Nguyễn Hồng Quân, đánh giá hoạt động này ở tỉnh Vĩnh Phú. Phan Thị Bình, đánh giá hoạt động này ở tỉnh Thanh Hóa. Trần Văn Nam, đánh giá hoạt động này ở thành phố Hồ Chí Minh. Hoàng Tùng, đánh giá thực trạng này ở tỉnh Bắc Giang... Lê Hữu Thế, đánh giá trong toàn ngành nhưng chỉ trong giai đoạn điều tra. Qua tìm hiểu những tài liệu nêu trên, tôi thấy, đa số các tác giả chỉ tập trung đánh giá thực trạng THQCT của

Kiểm sát viên mà không đánh giá các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề này, cũng như không đánh giá thực trạng đội ngũ Kiểm sát viên cũng như những yếu tố bảo đảm cho Kiểm sát viên hoạt động. Có tác giả chỉ dựa vào những số liệu báo cáo rồi so sánh, đưa ra kết luận, không chỉ ra được một cách thực chất nguyên nhân của những ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế của hoạt động này. Nếu có đưa ra được nguyên nhân thì cũng rất chung chung, thiếu cơ sở. Ví dụ, khi chúng ta thực hiện việc tăng thẩm quyền cho cơ quan tư pháp cấp huyện thì đương nhiên số vụ do cấp huyện xử lý sẽ tăng, nhưng biên chế cấp huyện lại không tăng tương xứng với tỷ lệ tăng công việc. Do đó, dẫn đến tình trạng tồn đọng án. Nguyên nhân chính của tình trạng này là thiếu cán bộ chứ không phải do năng lực yếu kém của Kiểm sát viên. Có tác giả đánh giá chỉ dựa vào số liệu của 2 năm (Trần Đình Thắng - Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp theo yêu cầu của Nhà nước pháp quyền) là thiếu cơ sở, không phản ánh đúng bản chất của hoạt động này.

Đặc biệt, khi bàn về chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, nhiều công trình không đưa ra được tiêu chí để đánh giá chất lượng nên tác giả chỉ đánh giá thực trạng THQCT, trong khi vấn đề cần đánh giá là thực trạng chất lượng THQCT lại không được đề cập. Cũng có những luận văn xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng THQCT: sự tuân thủ các quy định pháp luật; sự tuân thủ các chỉ đạo, hướng dẫn của Viện Kiểm sát cấp trên, lãnh đạo đơn vị; sự tuân thủ các chuẩn mực văn hóa chung của xã hội (tác giả Lê Hồng Phong). Nhưng khi đánh giá thực trạng lại không theo những tiêu chí đã được xây dựng.

Chính từ sự đánh giá hời hợt, không chỉ ra được nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp của vấn đề cho nên những giải pháp đưa ra cũng hình thức, thiếu khả thi.

Thứ tư, về giải pháp và kiến nghị.

Đây là nội dung được tất cả các công trình trên quan tâm đề xuất. Tuy nhiên, do yêu cầu và phạm vi nghiên cứu của mỗi công trình là khác nhau. Do

đó, giải pháp đưa ra cũng khác nhau. Có những giải pháp đưa ra mang tính định hướng và bao quát cho cả hệ thống cơ quan tư pháp như Đào Trí Úc - Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng, chống oan, sai. Có những giải pháp chỉ cho quá trình điều tra như Lê Hữu Thế - Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra. Đa số các tác giả đưa ra giải pháp, kiến nghị chỉ áp dụng đối với địa phương cụ thể.

Chưa có công trình nào đưa ra được những giải pháp, kiến nghị mang tính toàn diện, hệ thống cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự của toàn ngành. Do đó, việc nghiên cứu đề tài "Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam" là cần thiết, vừa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn là góp phần hoàn thiện những vấn đề lý luận về chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này, nhằm thực hiện tốt các nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài luận án

Từ việc nghiên cứu, khái quát các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài *Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam* cho thấy, nhìn chung ở những cấp độ và khía cạnh khác nhau, các tác giả đã phân tích, lập luận và xây dựng được những vấn đề lý luận cơ bản về THQCT, chất lượng THQCT, cũng như đánh giá thực trạng và đưa ra nguyên nhân; đề xuất những quan điểm, giải pháp bảo đảm chất lượng cho hoạt động này. Tuy nhiên, do mục đích và phạm vi nghiên cứu của các công trình có khác nhau nên kết quả đạt được còn ở mức độ nhất định. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống trên phạm vi toàn quốc về chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại

phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam. Do đó, tiếp thu, phát triển những kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan, tác giả tập trung nghiên cứu những nội dung sau:

- Về lý luận, luận án tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ:

+ Trên cơ sở phân tích một số khái niệm công cụ như quyền công tố, THQCT, luận án sẽ làm rõ khái niệm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

+ Tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

+ Yếu tố bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

+ Yêu cầu của cải cách tư pháp đối với việc bảo đảm chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

- Về mặt thực tiễn, luận án tập trung phân tích:

+ Thực trạng đội ngũ Kiểm sát viên.

+ Thực trạng chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

+ Nguyên nhân của những thực trạng đó.

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đối tượng nghiên cứu, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp.

Tiểu kết chương 1

Cải cách tư pháp, trong đó có VKSND là một trong những nội dung quan trọng trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách bảo đảm cho hoạt động tư pháp thể hiện tính dân chủ và hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Hai nghị quyết của Bộ Chính trị là những cơ sở lý luận quan trọng định hướng cho quá trình cải cách đó là Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49...

Từ khi Nghị quyết số 08 và số 49 ra đời đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của các cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học pháp lý nghiên cứu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của VKSND, cũng như vai trò, vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, tuyển chọn, bổ nhiệm Kiểm sát viên... Đó là những sách chuyên khảo; đề tài khoa học; luận án, luận văn và các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành Luật. Các công trình nghiên cứu này, do tác giả xác định phạm vi, mục đích nghiên cứu khác nhau nên kết quả nghiên cứu cũng khác nhau, phù hợp với phạm vi, mục đích của mỗi tác giả. Thông qua việc phân tích khái quát các công trình nghiên cứu có liên quan, tác giả nhận thấy, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về hệ thống vấn đề chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm. Nhưng những kết quả của các công trình nghiên cứu đó có giá trị tham khảo quan trọng cho việc hoàn thành luận án của tác giả.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP

Để làm rõ khái niệm chất lượng THQCT trong XXST các vụ án hình sự của Kiểm sát viên VKSND, trước hết chúng ta phải tìm hiểu những vấn đề có liên quan như: quyền công tố là gì? THQCT là gì? Chất lượng là gì? Đây là những nội dung quan trọng, liên quan trực tiếp đến khái niệm chất lượng THQCT tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên VKSND.

2.1.1. Khái niệm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Khái niệm "công tố", "quyền công tố" đã được khá nhiều người làm công tác nghiên cứu khoa học luật học, xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật ở nước ta quan tâm nghiên cứu từ rất sớm. Về mặt lập pháp, chúng tôi không đồng ý với một số người cho rằng thuật ngữ "công tố", "quyền công tố", "thực hành quyền công tố" lần đầu tiên xuất hiện là trong Hiến pháp 1980. Qua tìm hiểu, chúng tôi thấy rằng thuật ngữ "công tố", "quyền công tố" đã xuất hiện từ thời Pháp thuộc và tiếp tục được sử dụng trong khá nhiều văn bản pháp luật mà chủ yếu là các sắc lệnh vào giai đoạn đầu của chính thể Việt Nam Dân chủ cộng hòa (khoảng từ năm 1945 đến năm 1960). Khi đó, có một cơ quan nhà nước là Viện Công tố. Thời gian đầu, tiếp thu mô hình của chế độ cũ (chịu ảnh hưởng của Pháp), Viện Công tố nằm trong hệ thống Tòa án nhưng đến năm 1958 thì tách ra thành một hệ thống độc lập (Ngày 29/4/1958, Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Đề án của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập hệ thống Viện Công tố) [8, tr.581] và đến năm 1960 mới chuyển thành Viện Kiểm sát nhân dân. Vào những năm đầu của thiên niên kỷ này khi mà chúng ta nghiên cứu để sửa đổi

chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp và Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, khái niệm "công tố", "quyền công tố" lại được tập trung nghiên cứu.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, công tố có nghĩa là "điều tra, truy tố và buộc tội kẻ phạm pháp trước Tòa án" [123, tr.204]. Theo nghĩa này, công tố bao gồm cả hoạt động điều tra tội phạm và truy tố, buộc tội kẻ phạm tội trước Tòa án.

Theo Từ điển Luật học, công tố "là quyền của nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội" [11, tr.188]. Nghĩa này không rõ ràng, bởi khái niệm "truy cứu trách nhiệm hình sự" còn bao gồm cả hoạt động xét xử của Tòa án.

Dưới góc độ nghiên cứu, trước đây đã có khá nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm "công tố", "quyền công tố" [95, tr.21-42]. Khái quát lại, có một số quan điểm cơ bản sau đây:

- *Loại quan điểm thứ nhất* đánh đồng quyền công tố với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện Kiểm sát.

- *Loại quan điểm thứ hai* coi quyền công tố chỉ là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện Kiểm sát trong tố tụng hình sự.

- *Loại quan điểm thứ ba* coi quyền công tố là quyền của Viện Kiểm sát truy tố kẻ phạm tội ra tòa và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Quan điểm thứ hai nêu trên là quan điểm chính thống trong ngành Kiểm sát nhân dân, được viết thành giáo trình và được giảng dạy trong các trung tâm đào tạo của ngành.

Sau đó, trong giai đoạn nghiên cứu, sửa đổi Hiến pháp 1992 và Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 1992 (khoảng từ năm 1998 đến năm 2002), khái niệm "công tố", "quyền công tố" lại một lần nữa được đặt ra. Lần này, các quan điểm tập trung vào vấn đề phạm vi quyền công tố. Có thể nói phạm vi

quyền công tố là vấn đề cho đến nay vẫn còn rất nhiều quan điểm khác nhau. Nhưng chung quy lại, chúng tôi nhận thấy có hai nhóm quan điểm chính:

Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng quyền công tố không chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự mà còn cả trong các lĩnh vực tư pháp khác như tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động.

Nhóm quan điểm thứ hai (chiếm đa số) cho rằng, quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự, không thể có trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động.

Xuất phát từ quan điểm coi quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, chúng tôi cho rằng, quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Những ý kiến cho rằng quyền công tố có trong tất cả các lĩnh vực tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động là xuất phát từ các quan điểm coi quyền công tố là quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với người có hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích chung; là quyền Nhà nước cáo buộc một người, một tổ chức đã có những hành vi vi phạm pháp luật (nói chung); hoặc là một nội dung của hoạt động thực hiện chức năng của Viện Kiểm sát trong các lĩnh vực tư pháp khác nhau. Những người khẳng định quyền công tố có trong mọi lĩnh vực tố tụng nêu trên đều xuất phát từ hai dấu hiệu hoạt động của Viện Kiểm sát:

Thứ nhất, họ cho rằng Viện Kiểm sát có bốn phận (nhân danh công quyền) đưa các vụ án (vụ vi phạm pháp luật nói chung) ra Tòa để xét xử và Viện Kiểm sát luôn luôn có quyền tham gia vào các hoạt động tố tụng (hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động) khi xét thấy cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước và xã hội, duy trì trật tự xã hội trong vòng pháp luật.

Thứ hai, ngoài các vụ án hình sự, Viện Kiểm sát có quyền khởi tố đối với các vụ án dân sự, hành chính, lao động. Và họ coi việc khởi tố một vụ án như vậy, bất luận đó là loại án gì, cũng đều là dấu hiệu khởi động đầu tiên của quyền công tố.

Theo ý kiến chúng tôi, bốn phận của Viện Kiểm sát là đưa các vụ án nói chung ra Tòa để xét xử và quyền tham gia tố tụng của Viện Kiểm sát không thể được coi là căn cứ, tiêu chí để xác định phạm vi quyền công tố. Một trong hai chức năng hiến định của Viện Kiểm sát là chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật với mục đích bảo đảm cho pháp luật được chấp hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất. Khi phát hiện ra các vi phạm pháp luật, Viện Kiểm sát tiến hành xử lý không chỉ bằng cách đưa vụ việc ra Tòa để xét xử mà còn bằng nhiều cách khác nữa như kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu đối tượng vi phạm sửa chữa, chấn chỉnh... Còn nếu quan niệm quyền tham gia tố tụng (nói chung) của Viện Kiểm sát là quyền công tố thì lại càng không chính xác, bởi như vậy đã nhầm lẫn quyền công tố (quyền buộc tội nhân danh công quyền) sang quyền kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện Kiểm sát (quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp). Hai quyền này có mục đích, đối tượng, nội dung và phạm vi hoàn toàn khác nhau, và Viện Kiểm sát tham dự vào hoạt động tố tụng hình sự với tư cách hoàn toàn khác so với khi tham dự vào các hoạt động tố tụng khác (người buộc tội nhân danh Nhà nước và giám sát hoạt động tư pháp). Quan niệm cho rằng, do Viện Kiểm sát có quyền khởi tố đối với các vụ án dân sự, hành chính, lao động nên quyền công tố cũng có trong các lĩnh vực tố tụng này là không thuyết phục. Quyền khởi tố một vụ án hình sự là quyền của Viện Kiểm sát đứng ra để tiến hành hoạt động buộc tội nhân danh công quyền đối với người có hành vi phạm tội. Còn quyền khởi tố của Viện Kiểm sát đối với một vụ án dân sự, hành chính, lao động là quyền đứng ra để đề nghị, yêu cầu Tòa án xét xử, phán xét một vụ việc nào đó về các lĩnh vực trên để bảo vệ lẽ công bằng (quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân), mà lẽ công bằng ấy nếu bị vi phạm sẽ ảnh hưởng đến trật tự xã hội chung hoặc đến lợi ích chung. Khi khởi tố một vụ án dân sự, hành chính, lao động và tham gia vào các hoạt động tố tụng này, Viện Kiểm sát hành động với tư cách như là một "luật sư công", đại diện cho công quyền đứng ra bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, duy trì trật tự xã hội chung.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng, sẽ là không phù hợp nếu quy tất cả các lĩnh vực hoạt động, các nhiệm vụ và thẩm quyền mà pháp luật giao cho Viện Kiểm sát vào khái niệm "công tố", "quyền công tố". Không phải mọi thẩm quyền, mọi lĩnh vực hoạt động của Viện Kiểm sát nói riêng và của các cơ quan nhà nước nói chung đều xuất phát từ chức năng với nghĩa là *hoạt động đặc trưng* của cơ quan đó. Ngoài lĩnh vực hoạt động chính, đặc trưng, các cơ quan còn có thể có những thẩm quyền khác, lĩnh vực hoạt động khác. Những thẩm quyền, lĩnh vực hoạt động này thường liên quan hoặc gần gũi với chức năng nhưng đôi khi chẳng có liên quan gì đến chức năng của cơ quan đó cả. Ở Pháp, Viện Công tố được giao nhiệm vụ giám sát hộ tịch, một nhiệm vụ chẳng có liên quan gì đến chức năng công tố cả. Ở Việt Nam, Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nhưng điều đó không có nghĩa là mọi thẩm quyền, mọi lĩnh vực hoạt động của Viện Kiểm sát đều thuộc khái niệm "công tố", "quyền công tố" (ví dụ như Viện Kiểm sát có nhiệm vụ thống kê tội phạm nhưng không thể coi thống kê tội phạm cũng thuộc phạm vi của "quyền công tố" được). Trong tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân có thẩm quyền khởi tố các vụ án dân sự nhưng không có nghĩa là phạm vi thực hành quyền công tố bao gồm cả hoạt động này. Đây chỉ là một thẩm quyền mà pháp luật nước ta và một số nước khác giao cho Viện Kiểm sát mà thôi, nó hoàn toàn không thuộc chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Điều đó có nghĩa là ngoài nhiệm vụ chính (mà không có nhiệm vụ này thì không còn là cơ quan công tố nữa) là truy tố và buộc tội kẻ phạm tội trước tòa, Viện Kiểm sát hoặc Viện Công tố còn có thể được giao những nhiệm vụ khác nữa và ở mỗi quốc gia, trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, những nhiệm vụ này là rất khác nhau.

Tóm lại, theo chúng tôi, *quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho cơ quan công tố (ở nước ta là Viện Kiểm sát) thực hiện việc đưa người phạm tội (truy tố) ra tòa án để xét xử và buộc tội kẻ phạm tội đó tại phiên tòa*. Như vậy, quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực hình sự.

Về khái niệm THQCT

Khái niệm thực hành quyền công tố cũng như những nội dung, phạm vi của nó, mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố với thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp còn ít được đề cập và nếu có thì cũng chưa đầy đủ, rõ ràng. Một số công trình nghiên cứu khoa học gần đây khi đề cập đến hoạt động thực hành quyền công tố cũng chỉ mới đưa ra được một số biện pháp pháp lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát hình sự như kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự, kiểm sát giam, giữ và cải tạo, kiểm sát thi hành án. Các công trình nghiên cứu này lấy những nguyên lý của V.I.Lênin về pháp chế xã hội chủ nghĩa và vai trò của Viện Kiểm sát, về vai trò và bổn phận của ủy viên công tố làm cơ sở lý luận và lấy các quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân từ năm 1960 đến 1992 làm cơ sở pháp lý. Bởi vậy, trong nhận thức của không ít người làm công tác nghiên cứu và thực tiễn trong cũng như ngoài ngành Kiểm sát đã nhầm lẫn giữa quyền công tố và hoạt động thực hành quyền công tố trên nhiều phương diện như đối tượng, nội dung, phạm vi. Đồng thời, các công trình nghiên cứu này luôn gắn quyền công tố chỉ với Viện Kiểm sát, coi đó là quyền của Viện Kiểm sát. Do đó đã không lý giải được vấn đề là khi một số cơ quan khác (Cơ quan điều tra, Tòa án...) sử dụng một số biện pháp như khởi tố vụ án, khởi tố bị can... thì có phải các cơ quan này cũng thực hành quyền công tố hay không.

Một bộ phận khác trong giới luật học khi đề cập đến thực hành quyền công tố lại xảy ra hai khuynh hướng:

Thứ nhất, họ gắn việc thực hành quyền công tố với việc thực hiện những nhiệm vụ khác của công tố viên trong tố tụng hình sự. Cơ sở lý luận mà họ dựa vào là việc tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố ở nước ngoài, căn cứ pháp lý mà họ đưa ra là các quy định pháp luật hiện hành ở nước ta, nhưng chỉ bó hẹp trong phạm vi truy tố hoặc buộc tội của Viện Kiểm sát trước Tòa án (vốn là những nét hoạt động công tố tương đồng ở Việt Nam và một số nước trên thế giới). Một số khác thì lại mở rộng phạm vi thực hành quyền công tố ra mọi giai đoạn tố tụng hình sự, bao gồm cả điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Thứ hai, họ chỉ nêu ra một số biện pháp pháp lý như lập cáo trạng và luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm và coi đó là thực hành quyền công tố, thậm chí có người còn cho rằng thực hành quyền công tố chỉ là sự buộc tội trước phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Như đã trình bày ở phần trên, chúng tôi quan niệm quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước truy tố và buộc tội kẻ phạm tội trước tòa. Và như vậy, quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Phạm vi của quyền này bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị. Để bảo đảm thực hiện quyền công tố trong thực tế đấu tranh chống tội phạm thì Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó quy định các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố. Các quyền năng pháp lý đó Nhà nước giao cho cơ quan nhà nước nào thực hiện để phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, thì cơ quan ấy được gọi là cơ quan có trách nhiệm thực hành quyền công tố.

Theo nhận thức của chúng tôi, để thực hiện quyền lực nhà nước trên một lĩnh vực cụ thể thì Nhà nước tổ chức ra một hệ thống các cơ quan nhất định để thực hiện quyền lực đó. Hệ thống cơ quan này đóng vai trò chính trong sự phối hợp cùng các cơ quan nhà nước khác để thực hiện quyền lực nhà nước đã được xác định, ở Việt Nam, căn cứ vào các quy định pháp luật của Nhà nước ta từ năm 1960 đến nay, Viện Kiểm sát chính thức là cơ quan được giao chức năng thực hành quyền công tố. Thực tiễn hoạt động công tố mấy chục năm qua của Viện Kiểm sát cho thấy 100% các vụ án hình sự là do Viện Kiểm sát truy tố và thực hiện sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm, đưa ra lời kết luận của mình tại phiên tòa theo các trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Cùng với những hoạt động đó, Viện Kiểm sát các cấp còn có trách nhiệm xem xét, bảo đảm cho việc áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đúng pháp luật; có quyền khởi tố, yêu cầu khởi tố, xem xét việc khởi tố của cơ quan điều tra và Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân được áp dụng "các biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội" (Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự).

Thực tiễn hoạt động điều tra và xét xử ở nước ta mấy chục năm qua cho thấy rằng, cơ quan điều tra và Tòa án các cấp cũng khởi tố vụ án hình sự. Thậm chí số vụ án do các cơ quan điều tra thực hiện việc khởi tố chiếm tới khoảng hơn 95%. Số vụ án mà Viện Kiểm sát khởi tố và yêu cầu khởi tố chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với tổng số án mà cơ quan điều tra khởi tố. Cơ quan điều tra có quyền bắt người phạm tội, điều tra thu thập chứng cứ v.v... Nhưng đây chỉ là những hoạt động hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động công tố. Trên cơ sở kết quả điều tra, lời luận tội của Kiểm sát viên và kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Tòa án áp dụng pháp luật quy kết trách nhiệm đối với bị cáo. Bản án kết tội bị cáo có hiệu lực pháp luật chính là sự chấp nhận lời buộc tội của Viện Kiểm sát đối với người phạm tội. Hoạt động xét xử của Tòa án là hoạt động để bảo đảm thực hiện mục đích của quyền công tố. Viện Kiểm sát đưa vụ án ra Tòa với mục đích là Tòa tuyên một hình phạt đối với người phạm tội. Mọi phán quyết của Tòa án nếu thiếu sự có mặt của Kiểm sát viên đều trở lên vô hiệu.

Từ những nội dung trình bày trên, chúng tôi cho rằng, *thực hành quyền công tố là thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để đưa người phạm tội ra tòa án xét xử và buộc tội người phạm tội tại phiên tòa.*

Việc xác định rõ quyền công tố và theo đó là thực hành quyền công tố có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng, nó không chỉ giúp phân định rõ ràng, đúng chức năng nhiệm vụ, vị trí vai trò của Viện Kiểm sát trong hệ thống cơ quan nhà nước nói chung, trong mối quan hệ với cơ quan tư pháp nói riêng mà còn giúp cho nhận thức thống nhất từ đó làm cho hoạt động thực tiễn có hiệu quả hơn. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay khi chúng ta đang tích cực triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp.

Một vấn đề nữa cần đặt ra để giải quyết là phạm vi thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Nói cách khác, hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự chỉ có trong thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hay có cả trong thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm? Theo quy định của pháp luật Việt Nam (Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm

2014) thì cơ quan Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố trong tất cả giai đoạn từ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử vụ án hình sự (Điều 3, khoản 1). Trong giai đoạn xét xử, thực hành quyền công tố được thực hiện ở tất cả các thủ tục, từ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đến giám đốc thẩm, tái thẩm. Chúng tôi cho rằng, phạm vi thực hành quyền công tố có cả trong giai đoạn giám đốc thẩm và tái thẩm như quy định của pháp luật nước ta. Tuy nhiên cần lưu ý là, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015), thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm là thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án hoặc phát hiện có tình tiết mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Nói cách khác, giám đốc thẩm và tái thẩm không được coi là hoạt động xét xử và vì vậy, luận án này chỉ nghiên cứu hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nước ta (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015), nhiệm vụ của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự bao gồm:

- Công bố bản cáo trạng hoặc quyết định của Viện Kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa (quyết định truy tố trong trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn);
- Tham gia xét hỏi bị cáo, nhân chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người giám định và những người khác theo quy định của pháp luật;
- Luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm (bao gồm cả việc rút một phần hoặc toàn bộ cáo trạng);
- Tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, theo chúng tôi, *thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm là thực hiện các hành vi tố tụng: công bố bản cáo trạng hoặc quyết định của Viện Kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, tham gia xét hỏi, tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.*

Về khái niệm chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Chất lượng là khái niệm quen thuộc được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày và xuất hiện từ thời cổ đại. Tuy nhiên, tùy theo góc độ và đối tượng nghiên cứu mà người ta có những cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau.

- Dưới góc độ triết học, chất lượng được xem là tính quy định bản chất của sự vật, nó giúp chúng ta phân biệt sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. Chất lượng được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với số lượng. Sự tương tác giữa chất lượng - số lượng tạo cho sự vật tồn tại, vận động và phát triển không ngừng.

- Dưới góc độ kinh tế học, chất lượng được xem là tập hợp những tính chất của sản phẩm, thể hiện mức độ thỏa mãn những yêu cầu định trước cho nó, trong điều kiện xác định về kỹ thuật, kinh tế, xã hội.

Dù xem xét dưới các góc độ, lĩnh vực khác nhau và có những quan niệm khác nhau; phương pháp, tiêu chí đánh giá khác nhau, nhưng tựu chung lại chúng đều có điểm chung: chất lượng là tổng hợp các yếu tố liên quan đến đối tượng, làm nên tác dụng, giá trị của đối tượng.

Còn theo Đại từ điển Tiếng Việt, khái niệm "chất lượng" được hiểu theo hai nghĩa: "Cái tạo nên phẩm chất, giá trị của con người, sự vật, sự việc" hoặc "cái tạo nên bản chất sự vật, làm cho sự vật này khác với sự vật kia" [123, tr.249]. Chất lượng là các mối quan hệ bản chất bên trong của sự vật, hiện tượng, được biểu hiện ra bên ngoài bằng các thuộc tính bản chất của nó. Nói đến chất lượng là phải nói đến hai yếu tố:

(1) Đó là sự tổng hợp những phẩm chất, tính chất (thuộc tính) tạo nên các giá trị của một con người, một sự vật, một hiện tượng;

(2) Đó là khả năng những phẩm chất đó đáp ứng đến đâu trước những yêu cầu đặt ra.

Bất kỳ một hoạt động nào của con người cũng đòi hỏi phải đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của con người đặt ra. Hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự là một hoạt động nhà nước, cũng giống như mọi hoạt động nhà nước khác, trước hết phải thỏa mãn yêu cầu hợp pháp và hợp lý (có nghĩa phải phù hợp với pháp luật, khách quan, phù hợp với thực tiễn tồn tại khách quan của sự vật, hiện tượng... tức là phù hợp với quy luật tự nhiên và xã hội).

Chất lượng của hoạt động chính là sự đáp ứng yêu cầu, mục đích đã đặt ra đối với hoạt động đó. Một hoạt động không đúng với yêu cầu, mục đích đã được đặt ra thì hoạt động đó không có chất lượng. Với cách tiếp cận như vậy cho phép cung cấp một hình mẫu để xác định các tiêu chí mà một sự vật hay một hoạt động cần có. Chất lượng là một khái niệm động, phát triển theo thời gian, tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tùy thuộc vào từng loại hoạt động, để có thể phân tích chất lượng ở các cấp độ khác nhau. Với quan niệm như vậy, có thể hiểu, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự là cái tạo nên những phẩm chất, giá trị của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự. Vậy, cái gì tạo nên phẩm chất, giá trị của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự?

Một là, sự phù hợp của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự với các quy định, yêu cầu và đòi hỏi của pháp luật.

Như đã trình bày ở phần trên, THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm là thực hiện các hành vi tố tụng: công bố bản cáo trạng hoặc quyết định của Viện Kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, tham gia xét hỏi bị cáo, nhân chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp

pháp của họ, người giám định và những người khác theo quy định của pháp luật, luận tội đối với bị cáo và tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tốt khác tại phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật. Điều đó có nghĩa là mọi hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đều phải do pháp luật quy định và phải tuân theo các quy định đó. Như vậy, yếu tố đầu tiên tạo nên "phẩm chất", "giá trị" của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm chính là sự tuân thủ đầy đủ, chính xác, đúng đắn các quy định của pháp luật.

Trên thực tế, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự được quy định khá đầy đủ và cụ thể. Ví dụ: việc tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự được Điều 217 BLTTHS quy định:

Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Như vậy, Khoản 1 Điều 217 BLTTHS đã quy định về những vấn đề sau đây:

- Thời điểm trình bày lời luận tội: sau khi kết thúc việc xét hỏi.
- Nội dung luận tội:
 - + Kết tội theo toàn bộ nội dung cáo trạng.
 - + Kết tội theo một phần nội dung cáo trạng.
 - + Kết luận về tội nhẹ hơn tội mà cáo trạng đã truy tố.
 - + Rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo không phạm tội.

- Căn cứ luận tội:

+ Những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa.

+ Ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Khi tiến hành luận tội, đương nhiên Kiểm sát viên phải tuân thủ tất cả quy định trên đây. Tuy nhiên, dù điều luật trên đã quy định khá cụ thể nhưng chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy còn một số nội dung cần quy định cụ thể hơn. Những nội dung này hoặc là bổ sung chi tiết hoặc là quy định thêm những hoạt động mà Kiểm sát viên cần phải tiến hành để việc luận tội tại phiên tòa đạt chất lượng. Vì vậy, Điều 23 Quy chế công tác THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (sau đây gọi tắt là Quy chế số 960) ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSND tối cao quy định:

1. Trước khi tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên phải viết bản dự thảo luận tội theo mẫu hướng dẫn của VKSND tối cao. Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, bản dự thảo luận tội của Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo Viện duyệt và cho ý kiến.

2. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải ghi chép những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để bổ sung và sửa chữa bản dự thảo luận tội.

...

3. Bản luận tội phải đạt các yêu cầu sau đây:

a) Phải phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, hậu quả gây ra, vai trò, trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận dụng chính sách xử lý cho phù hợp; khi nêu hành vi phạm tội phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh, bảo đảm logic và sắc bén.

b) Phải phân tích, phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo; phân tích, bác bỏ những quan điểm không phù hợp với vụ án của những người tham gia tố tụng khác để làm sáng tỏ sự thật, bảo vệ chính sách pháp luật, thể hiện tính đấu tranh và tính thuyết phục của luận tội.

Khi phân tích, bác bỏ các quan điểm không phù hợp, phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh.

c) Phải xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, tuyên truyền, giáo dục pháp luật góp phần đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật.

4. Việc đề nghị áp dụng về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại (nếu có) phải chính xác theo điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự.

5. Sau phiên tòa, bản luận tội của Kiểm sát viên phải được lưu hồ sơ kiểm sát án hình sự.

Ngoài các quy định của Quy chế số 960, VKSND tối cao còn có nhiều chỉ thị, hướng dẫn, rút kinh nghiệm... về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự. Như vậy, ngoài việc tuân thủ đúng, đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật, "phẩm chất", "giá trị" của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm còn được xác định bằng việc tuân theo các hướng dẫn, chỉ đạo của ngành. Các chỉ thị, hướng dẫn, rút kinh nghiệm... thường cụ thể hóa các quy định của pháp luật, bổ sung những quy định còn thiếu hoặc chỉ đạo việc thực hiện trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, nhằm đạt được những đòi hỏi và những yêu cầu đề ra.

Hai là, khi THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự, Kiểm sát viên còn phải tuân theo những chuẩn mực văn hóa chung của xã hội như cách trình bày, phát biểu phải đồng dục, rõ ràng, mạch lạc, không nói lắp, nói ngọng, thái độ khi đối đáp, tranh luận phải bình tĩnh, tự tin, không nóng vội, "đao to, búa lớn" dọa nạt, mặt sát... Sự bình tĩnh, tự tin, chủ động, điềm đạm, "có lý, có tình"... sẽ dễ dàng thuyết phục HĐXX, thuyết phục những người tham dự phiên tòa, khiến mọi

người "tâm phục, khẩu phục". Đây không phải là các quy định của pháp luật nhưng cũng là yếu tố quan trọng tạo nên "phẩm chất", "giá trị" để đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự của Kiểm sát viên.

Ba là, sự thuần thực các kỹ năng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự cũng là yếu tố quan trọng đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động này. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hình sự với tư cách thay mặt Viện kiểm sát thực hiện chức năng THQCT. Để thực hiện tốt chức năng THQCT, Kiểm sát viên phải thực hiện rất nhiều các hoạt động cụ thể như: xây dựng bản cáo trạng, xây dựng bản luận tội, xây dựng đề cương xét hỏi, tiến hành xét hỏi, tranh luận... Mỗi hoạt động cụ thể đó của Kiểm sát viên cần phải được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tổng kết thực tiễn để tạo thành kỹ năng nghiệp vụ, tránh làm việc theo thói quen, kinh nghiệm, thiếu tính chuyên nghiệp.

Bốn là, một nội dung quan trọng phản ánh "phẩm chất, giá trị" của chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đó là quan điểm đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với phán quyết của Tòa án. Cụ thể là tội danh, điều khoản áp dụng, loại hình phạt và mức hình phạt, mức độ trách nhiệm dân sự... Đây là chỉ số rất quan trọng, có thể định lượng được để đánh giá. Nếu sự chấp nhận của Tòa án càng cao, chứng tỏ sự tận tâm, trách nhiệm với công việc, sự am hiểu về pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức xã hội của Kiểm sát viên càng lớn và ngược lại.

Qua sự phân tích trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa như sau: *Thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp là hoạt động đưa người phạm tội ra Tòa án sơ thẩm để xét xử và buộc tội người phạm tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên theo đúng các quy định pháp luật, thể hiện sự thuần thực về kỹ năng nghiệp vụ, hạn chế thấp nhất tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tránh làm oan người vô tội, nhằm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm hiệu quả và chất lượng.*

2.1.2. Đặc điểm của chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Khi nghiên cứu chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, chúng tôi thấy có một số đặc điểm sau:

Một là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm là một khái niệm mang tính lịch sử, cụ thể. Tính lịch sử, cụ thể của chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự thể hiện ở những khía cạnh sau đây:

- Hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là một hoạt động mang tính chính trị - pháp lý - xã hội. Hoạt động này tuân theo pháp luật và những chuẩn mực xã hội của mỗi quốc gia. Vì vậy, không có tiêu chuẩn chung cho chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự ở tất cả các quốc gia. Thậm chí, trong mỗi vùng, mỗi địa phương (nhất là những quốc gia liên bang, những vùng tự trị...) lại có những "phẩm chất", "giá trị" khác nhau.

- Ở mỗi quốc gia thì trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định có một hệ thống pháp luật khác nhau. Hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự trong mỗi giai đoạn ấy phải tuân theo những quy định của pháp luật và cả những chuẩn mực xã hội hiện hành.

Vì vậy, khi đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, mỗi giai đoạn nhất định. Có như vậy, hoạt động của Viện Kiểm sát nói chung và hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự mới đáp ứng yêu cầu "phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương".

Hai là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm là một khái niệm mang tính tổng hợp.

Như đã phân tích ở phần trên, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự theo quy định của pháp luật bao gồm nhiều hoạt động

như: công bố cáo trạng hoặc quyết định của Viện Kiểm sát, tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và đối đáp... nên chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là tổng hợp chất lượng của từng hoạt động tố tụng riêng lẻ của Kiểm sát viên. Hơn nữa, tính tổng hợp của chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự của mỗi cấp, mỗi huyện, tỉnh... còn được xác định bằng sự tổng hợp của chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự của mỗi Kiểm sát viên ở những đơn vị hợp thành. Vì vậy, khi đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ, tránh tình trạng chỉ đánh giá từng hoạt động hoặc từng bộ phận riêng lẻ.

Ba là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự được thể hiện bằng những chỉ số, chỉ tiêu nhất định, có thể đo, đếm, so sánh được.

Như đã phân tích, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên là một hoạt động mang tính chính trị - pháp lý - xã hội, vì vậy, rất khó để đánh giá chính xác chất lượng của hoạt động này. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là không có những chỉ số, chỉ tiêu để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Qua nghiên cứu, cũng như qua thực tiễn, chúng tôi thấy rằng có thể đánh giá THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự của một Kiểm sát viên của Viện Kiểm sát một huyện, một tỉnh... qua những chỉ số, chỉ tiêu cơ bản sau đây (so với tổng số đã xét xử):

- Tỷ lệ số bị cáo mà Viện Kiểm sát truy tố nhưng Tòa án tuyên không phạm tội.
- Tỷ lệ số vụ hoặc số bị cáo Tòa án xét xử theo tội danh hoặc khung hình phạt khác với tội danh hoặc khung hình phạt Viện Kiểm sát đã truy tố.
- Mức độ (đầy đủ, cụ thể, chi tiết, đúng quy định...) chuẩn bị đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội của Kiểm sát viên.
- Kỹ năng tham gia xét hỏi, tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Mức độ chấp nhận của HĐXX đối với kết luận của Kiểm sát viên (tội danh, điều khoản áp dụng, loại hình phạt và mức hình phạt, mức độ trách nhiệm dân sự...).

- Đánh giá (dự luận) của những người dự phiên tòa, của quần chúng thể hiện qua sự đồng tình hay phản đối, mức độ đồng tình hay phản đối...

Nhìn các chỉ số, chỉ tiêu trên chúng ta thấy có một số chỉ số, chỉ tiêu có tính khách quan cao như: tỷ lệ Tòa án tuyên không phạm tội, tuyên khác tội danh, hình phạt, dự luận quần chúng... Tuy nhiên, trên thực tế không hẳn bao giờ cũng như vậy, bởi vì hoạt động xét xử là một hoạt động phức tạp, chịu sự chi phối của nhiều yếu tố nên không hẳn lúc nào cũng chính xác. Vì vậy mới có các thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm để khắc phục những thiếu sót, sai lầm đó. Dự luận quần chúng lại càng như vậy, phụ thuộc vào ý thức pháp luật, vào ý muốn chủ quan của những người đó. Vì vậy, mặc dù thoạt nhìn chúng ta thấy đây là những chỉ số mang tính khách quan nhưng khi dùng những chỉ số này để đánh giá phải hết sức thận trọng. Ngược lại, các chỉ số về mức độ chuẩn bị đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội, mức độ tham gia xét hỏi, kỹ năng tranh luận, đối đáp... thường mang nặng tính cảm quan (phụ thuộc nhiều vào khả năng chuyên môn, sự vô tư, khách quan người đánh giá, khó đo đếm...) nhưng trên thực tế, lại khá tin cậy. Vì vậy, khi dùng những chỉ số này để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên nói chung và chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng cần hết sức thận trọng, cân nhắc đến các yếu tố có thể tác động đến những chỉ số trên để có sự đánh giá khách quan, chính xác.

2.1.3. Vai trò chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp

Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự là việc cơ quan công tố sử dụng các biện pháp do pháp luật quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó; đảm bảo nguyên tắc mọi hành vi phạm tội đều được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không

để lọt người phạm tội và tội phạm, không làm oan người vô tội. Trong cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân là một trong những thiết chế cấu thành của bộ máy nhà nước, đóng một vai trò rất quan trọng trong việc duy trì trật tự pháp luật, bảo vệ pháp chế. Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, vì:

Một là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm góp phần đảm bảo các quyền con người, quyền công dân trong quá trình cải cách tư pháp.

Trong hệ thống tổ chức quyền lực nhà nước, tư pháp là nhánh quyền lực giữ vị trí hết sức quan trọng trong đảm bảo các quyền con người, quyền công dân. Tư pháp là lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo nền an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quyền tự do của con người, do đó vấn đề cải cách tư pháp luôn là ưu tiên hàng đầu trong quá trình hoàn thiện bộ máy nhà nước theo hướng dân chủ, minh bạch, hiệu quả và hiệu lực. Nhận thức được vấn đề này, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước, Đảng và Nhà nước luôn giành sự quan tâm đặc biệt đến công tác cải cách tư pháp. Ngay từ khi giành được độc lập, chúng ta đã bắt tay vào xây dựng bộ máy tư pháp với tiêu biên bộ máy đó thành “một cơ quan trọng yếu của chính quyền” (Hồ Chí Minh), và chỉ sau một thời gian ngắn, bộ máy tư pháp đã được thiết lập trên phạm vi cả nước. Tư pháp đã giữ một vị trí quan trọng đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là công cụ đảm bảo trật tự, công bằng xã hội, bảo vệ quyền con người. Nâng cao chất lượng THQCT nói chung và của Kiểm sát viên trong các vụ án hình sự là một yêu cầu hết sức quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp hiện nay. Đây được xem như là một trong những giải pháp quan trọng cần phải cải cách để hoạt động có hiệu lực, hiệu quả nhằm đảm bảo các quyền tự do của công dân.

Trong đời sống chính trị - xã hội, để tồn tại và phát triển với tư cách là con người thì các cá nhân phải được đảm bảo đầy đủ các quyền tự do cơ bản trong tất cả các lĩnh vực vốn là môi trường sống và hoạt động của mình. Theo Công

ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị các quyền này bao gồm: quyền sống, quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được đối xử nhân đạo của người bị giam giữ, quyền tự do đi lại và cư trú của công dân, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở và bí mật thư tín, quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo, quyền tự do ngôn luận, quyền tham gia quản lý công việc nhà nước và xã hội. Trong lĩnh vực tư pháp, quyền con người gắn liền với sự tự do thân thể, nó liên quan trực tiếp với hệ thống pháp luật tổ tụng hình sự và hoạt động của những người tham gia tố tụng. Hiện nay, Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập hầu hết các điều ước quốc tế quan trọng về nhân quyền hoặc liên quan đến nhân quyền và đã “nội luật” hóa các cam kết quốc tế về quyền con người trong lĩnh vực tư pháp. Những cam kết này được thể hiện đầy đủ trong Hiến pháp năm 2013 và nhất là BLTTHS và các quy định pháp luật liên quan. Cho đến nay, tất cả các tư tưởng tiến bộ về quyền con người tuyên bố tại Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền, Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị cũng như các văn kiện quốc tế khác liên quan mà Việt Nam đã cam kết thực hiện, đều đã được thể chế hoá một cách đầy đủ, sâu sắc. Những quy định này nhằm ngăn ngừa sự vi phạm quyền con người, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của công dân từ phía các cơ quan, cán bộ nhà nước. Đây cũng là các qui định làm cơ sở để xây dựng các đạo luật để bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong thực tiễn hoạt động tư pháp

Với hệ thống các quy định pháp luật hiện hành tương đối hoàn thiện, vấn đề đặt ra ở đây là việc thực hiện trong thực tế của đội ngũ thừa hành pháp luật. Lý luận và thực tiễn chỉ ra rằng, quyền được sống, quyền tự do là những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của con người. Việc bắt người, tạm giữ, tạm giam người là những biện pháp cưỡng chế cần thiết do các cơ quan tư pháp áp dụng đối với bị can, bị cáo. Bắt người, tạm giữ, tạm giam, điều tra, truy tố, xét xử là các biện pháp ngăn chặn nhằm hạn chế một số quyền của công dân, quyền con người. Mục đích của các biện pháp này là để đảm bảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu

tranh chống và phòng ngừa tội phạm, đảm bảo trật tự pháp luật và pháp chế. Khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm bảo vệ các quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng rất dễ tạo nên những ảnh hưởng tiêu cực, có tác động đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Bởi vì, một số hoạt động tố tụng có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được thông tin... của người bị bắt. Do đó, việc nắm vững các quy định pháp luật và vận dụng một cách đúng đắn sẽ bảo đảm cho Kiểm sát viên trong quá trình THQCT tránh được vi phạm trong quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đây là yêu cầu hết sức quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Hai là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm góp phần đảm bảo thực hiện dân chủ, đảm bảo công lý và quyền bình đẳng giữa các công dân trong quá trình tố tụng.

Nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm góp phần làm cho quyền lực nhà nước thực sự là của dân, đảm bảo nguyên tắc quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Chủ trương này được thể hiện trong Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 mà mục tiêu là "xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"; làm cho "các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người" [41]. Thông qua việc đảm bảo chất lượng THQCT thì các quyền dân chủ của người dân được đảm bảo bằng các cơ chế pháp lý hữu hiệu và đồng bộ, ngăn chặn được tình trạng lạm quyền, độc đoán và tùy tiện của các Kiểm sát viên trong quá trình tố tụng. Điều này được ghi nhận chính xác và đúng đắn về mặt lập pháp, được thi hành đầy đủ trong thực tế về mặt hành pháp và được đảm bảo thực hiện bằng các thể chế tư pháp.

Một trong những nguyên tắc quan trọng không thể thiếu trong hoạt động THQCT của Kiểm sát viên là đảm bảo dân chủ, khách quan, vô tư và công bằng. Nếu các Kiểm sát viên không tham gia tố tụng một cách khách quan, vô tư thì

các phán quyết, quyết định của họ đưa ra sẽ không công bằng, thậm chí vi phạm các quyền, lợi ích chính đáng của bị can, bị cáo. Điều này sẽ phát sinh các mâu thuẫn giữa các chủ thể, niềm tin vào công lý sẽ bị lung lay, họ không cần đến các chủ thể để đứng ra phán xử về các hành vi của mình. Do đó, nếu đã là tư pháp thì cho dù là “tư pháp tự nhiên” hay tư pháp nhà nước thì yếu tố quan trọng hàng đầu cần phải có là sự đảm bảo các quyền dân chủ, tuân thủ nguyên tắc vô tư, khách quan và công bằng. Đây là những nhân tố cần phải có của một nền tư pháp dân chủ, của những người đại diện công lý, bảo vệ công lý.

Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa là quá trình nhân danh Nhà nước để bảo vệ công lý, đây là một chức năng quan trọng. Nội dung THQCT là việc VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng tố tụng nhằm buộc tội nhân danh Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi hành vi phạm tội xảy ra và diễn ra trong suốt quá trình tố tụng cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Để duy trì điều này đòi hỏi phải có một nền tư pháp dân chủ, và ngược lại chỉ có một nền dân chủ mới đảm bảo cho công lý được thực thi. Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên sẽ là nhân tố quan trọng đảm bảo các quyền dân chủ và tạo dựng niềm tin công lý được duy trì và thực thi bình đẳng đối với tất cả mọi công dân trước nhà nước và pháp luật. Cho dù các đạo luật có tốt đến đâu nhưng nếu người Kiểm sát viên không có năng lực và sự công tâm thì vẫn tạo ra những nguy cơ xâm hại đến hoạt động tư pháp. Do đó, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên là nhân tố hết sức quan trọng đảm bảo cho việc công lý được thực thi, bảo vệ dân chủ, sự bình đẳng của công dân trước pháp luật.

Ba là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm góp phần đấu tranh có hiệu quả, kịp thời với các loại tội phạm phức tạp và đang có xu hướng gia tăng ở Việt Nam hiện nay.

Trong những năm vừa qua, tình hình tội phạm ở nước ta diễn biến hết sức tinh vi và phức tạp, với sự hình thành của nhiều loại tội phạm mới, tính chất và mức độ nguy hiểm ngày càng tăng. Trong bối cảnh đổi mới nền kinh tế và hội nhập quốc tế, việc đấu tranh với các loại tội phạm này nhằm tạo môi trường đầu

tư thuận lợi, đảm bảo an ninh chính trị, kinh tế và trật tự trị an đang đặt ra hết sức bức thiết. Nhiệm vụ này đang đặt ra nhiều thách thức cho các cơ quan tư pháp, trong đó có ngành KSND. Việc nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên trong các vụ án hình sự là nhân tố quan trọng để đấu tranh có hiệu quả, kịp thời với các loại tội phạm, đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, khắc phục, hạn chế tình trạng oan sai, quá tải các vụ án hình sự.

Bốn là, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm góp phần vào cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Bước vào thời kỳ đổi mới, trước yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường, đảm bảo các quyền tự do, dân chủ của công dân, đòi hỏi bộ máy tư pháp phải cải cách một cách triệt để và đồng bộ. Nhận thực được yêu cầu này, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng vấn đề cải cách tư pháp, trong các Văn kiện Đại hội Đảng, vấn đề xây dựng bộ máy nhà nước, trong đó, cải cách tư pháp được xem là một nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng nhà nước pháp quyền. Hơn thế nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cụ thể hoá các chủ trương này thành các nghị quyết chuyên đề về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp; đó là, Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24/5/2005 *Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị *Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 *Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*...

Đối với hoạt động THQCT, xác định được tầm quan trọng của vấn đề này và hệ thống cơ quan VKSND Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều biện pháp quan trọng nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 *Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới* đã đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp. Đến nay, sau nhiều năm triển khai thực hiện các nghị quyết trên của Đảng, thực hiện các quy định của Hiến pháp năm 2013 và

các quy định pháp luật về tố tụng hình sự, công tác THQCT đã tạo ra những kết quả cụ thể, đáng khích lệ, đánh dấu những biến chuyển tích cực trong cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền. Thông qua hoạt động THQCT, các Kiểm sát viên đã đấu tranh chống các loại tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, đã khắc phục một bước trong việc lạm dụng bắt khẩn cấp, bắt oan, sai; tỷ lệ bắt, giam, giữ đưa ra truy tố đạt cao; công tác giải quyết án trọng điểm và đấu tranh chống tội phạm đã được đẩy nhanh tiến độ và đạt kết quả tốt, đã và đang giải quyết được nhiều vụ án phức tạp.

Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, chức năng của VKSND ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Công tác THQCT trong các vụ án hình sự sơ thẩm là một trong những chức năng quan trọng của VKSND. Hiến pháp năm 2013 khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của VKSND trong việc bảo đảm pháp chế XHCN thông qua công tác thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra. Để thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền cho thấy hoạt động THQCT phải có những cải cách đáng kể nhằm nâng cao chất lượng. Vì vậy, việc tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra, nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ là yêu cầu quan trọng để xây dựng một nền tư pháp dân chủ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của nhà nước pháp quyền hiện nay. Thực tiễn cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền cho thấy, chỉ có xây dựng một nền công tố mạnh, phục vụ thiết thực và hiệu quả cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, vi phạm pháp luật, trong đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của THQCT thì mới có khả năng hạn chế khả năng xảy ra oan sai, khắc phục những vi phạm, tồn tại trong quá trình tố tụng, bảo đảm không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

2.2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC YẾU TỐ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

2.2.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Theo Từ điển Tiếng Việt, tiêu chí là *"tính chất, dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, xếp loại một sự vật, một khái niệm"* [104, tr.900]. Như vậy, tiêu chí đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là những tính chất, dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, phân loại, đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

Qua nghiên cứu, để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự có thể dựa vào những tiêu chí cơ bản sau đây:

- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Số lượng án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- Số lượng bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội.
- Sự tuân thủ các kỹ năng nghiệp vụ.

Sự tuân thủ các quy định của pháp luật là tiêu chí cơ bản, rất quan trọng để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Đây là hoạt động liên quan và góp phần quyết định đến sứ mệnh chính trị, kinh tế, quyền tự do, danh dự, nhân phẩm và đôi khi là cả tính mạng của con người. Vì vậy, cũng như các hoạt động tố tụng khác, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự được pháp luật quy định hết sức cụ thể, chặt chẽ và yêu cầu những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng phải tuyệt đối tuân theo. Sự chuẩn bị đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội của Kiểm sát viên có đầy đủ, kỹ lưỡng bao nhiêu, kỹ năng xét hỏi, tranh luận có tốt bao nhiêu, các ý kiến đề xuất về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự có phù hợp và được HĐXX chấp nhận bao nhiêu, được đông đảo quần chúng tham dự phiên tòa, các phương tiện thông tin đại chúng đồng tình ủng hộ bao nhiêu nhưng nếu hoạt động đó không tuân thủ các quy định của pháp luật, thậm chí còn vi phạm những quy định này thì không thể nói hoạt động THQCT của Kiểm sát viên đó là có chất

lượng tốt. Vì vậy, vấn đề cần quan tâm khi đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự chính là sự tuân thủ các quy định của pháp luật của Kiểm sát viên khi thực hiện hoạt động này.

Số lượng án Tòa án trả để điều tra bổ sung. Đây cũng là tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Tiêu chí này cũng đã được VKSNDTC quy định thành chỉ tiêu cơ bản để đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong Ngành kiểm sát. Quyết định số 297/QĐ-VKSNDTC quy định tỷ lệ án Tòa án trả để điều tra bổ sung là $\leq 6\%$ trên tổng số vụ án Tòa án thụ lý trong 1 năm. Như vậy, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sẽ tỷ lệ nghịch với số lượng án Tòa án trả để điều tra bổ sung. Số lượng án trả càng ít thì chất lượng càng cao, ngược lại số lượng án trả càng nhiều ($> 6\%$) thì chất lượng càng không được bảo đảm. Việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung sẽ làm kéo dài thời hạn giải quyết án, là nguyên nhân của tình trạng tồn đọng án vẫn xảy ra thường xuyên trong quá trình tố tụng hiện nay, ảnh hưởng đến việc bảo vệ một cách kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Số bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội. Cùng với tiêu chí số lượng án đã giải quyết và số lượng án Tòa án trả để điều tra bổ sung, số bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội cũng là tiêu chí đã được VKSNDTC quy định thành chỉ tiêu cơ bản để đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong Ngành kiểm sát. Quyết định số 297-QĐ/VKSNDTC quy định số bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội là 0%. Đây là chỉ tiêu rất cao và khắt khe của Ngành kiểm sát với mong muốn tránh làm oan người vô tội theo tinh thần cải cách tư pháp. Như vậy, để đảm bảo chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự thì nhất quyết không để oan, sai xảy ra.

Sự thuần tục các kỹ năng nghiệp vụ cũng là tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy, không ít Kiểm sát viên, kể cả Kiểm sát viên lâu năm, chưa hình thành cho mình kỹ năng làm việc. Họ chủ

yếu làm việc theo kinh nghiệm, thói quen, thiếu tính chuyên nghiệp, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc cũng như uy tín của toàn ngành.

Trên đây là các tiêu chí để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Dựa trên những tiêu chí này, tùy từng mục đích nhất định, có thể đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số cụ thể để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự theo từng nội dung, từng góc độ, từng cách thức đánh giá khác nhau. Ví dụ, đối với cơ quan thông tin đại chúng thì thường dựa nhiều vào các chỉ số liên quan đến sự tuân thủ các chuẩn mực văn hóa chung của xã hội của Kiểm sát viên như mức độ đồng tình của quần chúng, các hành vi cụ thể của Kiểm sát viên... Các cơ quan giám sát thì lại quan tâm nhiều đến các chỉ số liên quan đến số lượng án đã giải quyết, sự tuân thủ pháp luật như tỉ lệ bị cáo Viện Kiểm sát truy tố nhưng Tòa án tuyên không phạm tội, tỉ lệ những vụ án Tòa án áp dụng tội danh, điều khoản khác với đề nghị của Viện Kiểm sát... Còn đối với Viện Kiểm sát các cấp, khi đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự thường căn cứ vào tất cả các tiêu chí nêu trên để có sự đánh giá chính xác, toàn diện.

2.2.2. Các yếu tố bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Hoạt động của Kiểm sát viên nói chung và hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng là một hoạt động nghiệp vụ đặc thù nhưng cũng là một hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước. Ở một khía cạnh khác, đây còn là một hoạt động xã hội. Vì vậy, chất lượng của hoạt động này phụ thuộc vào hàng loạt các yếu tố như: điều kiện kinh tế - xã hội, nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, hệ thống các văn bản pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của ngành, điều kiện bảo đảm hoạt động của ngành... Trong phạm vi đề tài và trong khuôn khổ một luận án tiến sĩ Luật không thể đề cập đến tất cả những yếu tố đó, chúng tôi chỉ đề cập đến một số yếu tố cơ bản, trực tiếp bảo đảm chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự như: sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, trình độ, năng lực, phẩm

chất, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ này, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và của Viện Kiểm sát cấp trên, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng.

2.2.2.1. Sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan

Khi thực hành quyền công tố nói chung và THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng, Kiểm sát viên phải áp dụng các quy định của Hiến pháp, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và các ngành luật khác có liên quan như dân sự, tài chính, ngân hàng, đất đai, hành chính... nhằm đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Do vậy, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự của Viện Kiểm sát là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động THQCT của Kiểm sát viên. Khi các quy định của pháp luật về THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đầy đủ, phù hợp, thống nhất, cụ thể, rõ ràng thì việc hiểu, thực hiện, áp dụng các quy định của pháp luật để THQCT của Kiểm sát viên sẽ thống nhất, chính xác. Ngược lại, nếu các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự không đầy đủ, cụ thể hoặc mâu thuẫn, chồng chéo... sẽ tất yếu gây khó khăn cho hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động này. Nói cách khác, chất lượng của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phụ thuộc vào sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan.

Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng dựa trên nhiều tiêu chuẩn khác nhau, nhưng tựu chung có thể tập trung ở 4 tiêu chuẩn cơ bản là: tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp và kỹ thuật xây dựng văn bản.

Tính toàn diện của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi mọi hoạt động tố

tụng tại phiên tòa xét xử hình sự, nhất là hoạt động tố tụng của Kiểm sát viên đều phải được điều chỉnh bằng pháp luật, không có hoạt động tố tụng nào nằm ngoài sự điều chỉnh của pháp luật sẽ rất dễ đến tùy tiện, không hoặc khó kiểm soát. Sự toàn diện của hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự không những thể hiện ở sự đầy đủ của các nhóm văn bản trên mà còn thể hiện ở sự đầy đủ của từng văn bản, thậm chí là từng quy định của pháp luật.

Tính đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi hệ thống các văn bản pháp luật này thống nhất, không mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau. Sự đồng bộ này được thể hiện ở sự đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản pháp luật liên quan và sự đồng bộ, thống nhất ở ngay trong từng văn bản pháp luật, từng quy định của pháp luật, tạo nên sự logic, nhất quán trong việc điều chỉnh các hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự nói chung, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên nói riêng.

Tính phù hợp của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi hệ thống các văn bản pháp luật này phù hợp với trình độ phát triển của xã hội mà cụ thể ở đây là điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tố tụng (liên quan đến hoạt động chứng minh tại phiên tòa), ý thức pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa, trình độ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan... Đây là một đòi hỏi quan trọng đối với hệ thống pháp luật nói chung, hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng, bởi vì, hệ thống này dù có toàn diện, đầy đủ, thống nhất, không mâu thuẫn, chồng chéo nhưng lại không phù hợp thì cũng chỉ là duy ý chí, không thể thực hiện và không thể điều chỉnh được quan hệ xã hội.

Kỹ thuật xây dựng văn bản (kỹ thuật lập pháp) cũng ảnh hưởng quan trọng đến khả năng điều chỉnh của hệ thống văn bản pháp luật trên thực tế, tức là sự hoàn thiện của hệ thống văn bản pháp luật. Một văn bản pháp luật dù có toàn diện, đồng bộ, phù hợp đến mấy nhưng kỹ thuật xây dựng kém, không cụ

thể, không rõ ràng, khó hiểu, có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau... sẽ dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng và như vậy, chắc chắn không thể coi là một hệ thống văn bản pháp luật hoàn chỉnh. Vì vậy, dù chỉ là yếu tố mang tính kỹ thuật nhưng kỹ thuật xây dựng văn bản cũng là một yếu tố quan trọng xác định tính hoàn thiện của hệ thống văn bản pháp luật nói chung, hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng.

Dựa trên tính chất của hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, có thể chia hệ thống các văn bản này thành những nhóm cơ bản sau đây:

- Các văn bản pháp luật liên quan tới chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của VKSND như: Hiến pháp, Luật Tổ chức VKSND, Pháp lệnh Kiểm sát viên VKSND, Quy chế nghiệp vụ...

- Các văn bản pháp luật về tố tụng hình sự: BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành...

- Các văn bản pháp luật về nội dung: Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản pháp luật về dân sự, kinh doanh, thương mại, đất đai, lao động, môi trường... và các văn bản về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực khác.

Sự hoàn thiện của tất cả những văn bản pháp luật có liên quan đều ảnh hưởng đến chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các văn bản đó không giống nhau mà phụ thuộc vào tính chất, mức độ, tần suất... áp dụng của văn bản đó trong quá trình THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự.

Tóm lại, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phụ thuộc rất lớn vào sự hoàn thiện của các văn bản pháp luật điều chỉnh quan hệ của Kiểm sát viên trong quá trình THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự. Vì vậy, để nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, một trong những công việc quan trọng là phải hoàn thiện hệ thống các văn

bản pháp luật điều chỉnh các hoạt động này, bảo đảm cho hệ thống các văn bản này đầy đủ, thống nhất, cụ thể, rõ ràng.

2.2.2.2. Năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Thực tiễn đã khẳng định, cán bộ có vai trò cực kỳ quan trọng, nhiều khi là quyết định đến thành công hoặc thất bại của công việc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Cán bộ là cái gốc của mọi công việc; công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã khẳng định: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và của chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng.

Trong hoạt động tư pháp, cán bộ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh pháp lý, do đặc thù của hoạt động này đòi hỏi tính độc lập cao, càng đóng vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Tương tự như vậy, Kiểm sát viên hay đóng vai trò quyết định đến chất lượng hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng. Theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa XXST án hình sự, Kiểm sát viên tham gia với tư cách là người thay mặt Nhà nước để tiến hành truy tố người phạm tội ra tòa và buộc tội bị cáo. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể bao gồm: công bố cáo trạng, tham gia xét hỏi, thực hiện việc luận tội và phát biểu quan điểm tranh luận, đối đáp với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Như vậy, nhiệm vụ THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa XXST là rất nặng nề. Vụ án có được xét xử chính xác, dân chủ, khách quan hay không, có đúng người, đúng tội hay không, có bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội hay không, có được quần chúng nhân dân đồng tình hay không, phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, trình độ của Kiểm sát viên. Thực tế cho thấy, khá nhiều vụ án oan, sai hoặc có thiếu sót trong THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự trong thời gian qua có nguyên nhân từ sự yếu kém về năng lực, trình độ chuyên môn

của Kiểm sát viên trong hoạt động THQCT tại phiên tòa XXST các vụ án hình sự được thể hiện thông qua các thao tác nghiệp vụ như nghiên cứu hồ sơ vụ án, xây dựng cáo trạng, dự thảo đề cương luận tội, đề cương xét hỏi... Khi Kiểm sát viên nghiên cứu ký hồ sơ vụ án, chuẩn bị tốt các chứng cứ tài liệu phục vụ cho việc tranh luận, đối đáp; có năng lực xử lý các tình huống tại phiên tòa, với tinh thần công tâm, thận trọng và kiên quyết thì việc THQCT tại phiên tòa được thực hiện tốt, đảm bảo theo yêu cầu, không có tinh thần đấu tranh phòng chống tội phạm, thiên vị, đổ ky... thì cũng rất dễ dẫn đến sai lầm hoặc thiếu sót trong công việc. Thực tế cho thấy, không ít vụ án có sai lầm, thiếu sót hoặc yếu kém trong THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự xuất phát từ phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên. Trong điều kiện kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hóa hiện nay, có không ít những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong XXST án hình sự nói riêng. Những yếu tố tiêu cực đó đã luôn luôn tác động đến tinh thần, ý chí của Kiểm sát viên trong khi thực hiện nhiệm vụ. Khi Kiểm sát viên có lòng yêu nghề, say mê, hứng thú với công việc của mình thì khi thực hiện công việc sẽ toàn tâm, toàn ý, có sáng tạo.

Do vậy, người cán bộ kiểm sát nói chung và Kiểm sát viên làm công tác THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng phải luôn trau dồi phẩm chất chính trị, giữ vững lập trường quan điểm, không vi phạm kỷ luật nghiệp vụ, không làm những việc trái pháp luật khi làm nhiệm vụ. Thực hiện tốt cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy đối với người cán bộ kiểm sát. Ngoài ra, lòng yêu nghề của Kiểm sát viên cũng là yếu tố không nhỏ ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng của công tác THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự.

2.2.2.3. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là toàn bộ hoạt động của người cán bộ quản lý nhằm bảo đảm cho hoạt động của những người dưới quyền (người bị quản lý) đi theo một định hướng nhất định, đạt được mục tiêu nhất định.

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành có ý nghĩa, vai trò hết sức quan trọng đối với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Nó nhiều khi chi phối đến các yếu tố khác và quyết định đến chất lượng hoạt động của cơ quan đó. Đối với ngành Kiểm sát nhân dân - một ngành hoạt động đặc thù với nguyên tắc thủ trưởng chế, mọi hoạt động đều phải tuân theo pháp luật và tuân theo sự chỉ đạo của Viện trưởng cấp mình và của cấp trên nên hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành lại càng có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng hoạt động THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự.

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự bao gồm:

- Quản lý số lượng án thụ lý giải quyết theo những mốc thời gian nhất định (tuần, tháng, quý...). Cần đặc biệt chú ý đến những vụ án mà bị cáo kêu oan, chối tội, những vụ án mà dư luận quan tâm, những bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội, những trường hợp Viện Kiểm sát kháng nghị...

- Quản lý kết quả xét xử, trong đó chú ý những vụ án, bị cáo mà Tòa án tuyên không phạm tội, tuyên khác với tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt... mà Viện Kiểm sát đã truy tố, luận tội để có hướng xử lý tiếp theo.

- Quản lý chất lượng THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự của từng Kiểm sát viên, từng đơn vị.

- Chỉ đạo đường lối giải quyết đối với từng vụ án (cho ý kiến về điều, khoản áp dụng đối với từng bị cáo, loại hình phạt, mức hình phạt áp dụng, các trường hợp đình chỉ vụ án, hủy án sơ thẩm, thay đổi tội danh, thay đổi loại hình phạt, mức hình phạt... so với cấp sơ thẩm...), đặc biệt chú ý đối với những vụ án bị kêu oan, những vụ án mà Tòa án có thể tuyên bị cáo không phạm tội, những vụ án tham, những vụ án liên quan đến tôn giáo, những vụ án mà dư luận xã hội quan tâm...

- Chỉ đạo việc thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự cho cán bộ, Kiểm sát viên của những đơn vị thuộc thẩm quyền mình phụ trách.

- Hướng dẫn, trả lời thỉnh thị đối với những vụ án của Viện Kiểm sát cấp dưới thỉnh thị, nhất là đối với những vụ án mà Tòa án có thể tuyên bị cáo không phạm tội, những vụ án tham nhũng, những vụ án liên quan đến tôn giáo, những vụ án mà dư luận xã hội quan tâm...

- Điều hành, phân công Kiểm sát viên thụ lý, nghiên cứu hồ sơ vụ án và tham gia phiên tòa. Ở cấp sơ thẩm, nên phân công Kiểm sát viên đã trực tiếp THQCT và Kiểm sát viên điều tra vụ án tiếp tục THQCT tại phiên tòa, trừ trường hợp đặc biệt mới phân công Kiểm sát viên khác, bảo đảm để Kiểm sát viên nắm chắc hồ sơ vụ án. Điều hành việc thay thế Kiểm sát viên trong những trường hợp buộc phải thay thế Kiểm sát viên. Điều hành chung hoạt động THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp của cơ quan.

- Kiểm tra, tổ chức kiểm tra việc THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự của Kiểm sát viên của đơn vị và cấp dưới nhằm phát hiện những thiếu sót, vi phạm để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự trong phạm vi địa bàn phụ trách. Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan hữu quan (Tòa án, cảnh sát dẫn giải bị cáo là phạm nhân, bị cáo bị tạm giam, chính quyền địa phương nơi mở phiên tòa lưu động...) trong việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự...

Hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng được phân cấp cho lãnh đạo Viện (Viện trưởng, các Phó Viện trưởng), Trưởng, Phó phòng... thực hiện. Mỗi chức danh có một nhiệm vụ, thẩm quyền riêng nhưng tất cả phải tuân theo sự quản lý, chỉ đạo, điều hành thống nhất của Viện trưởng.

2.2.2.4. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Cơ sở vật chất của Viện Kiểm sát, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Kiểm sát viên... có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động

THQCT nói chung và chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng.

Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Kiểm sát viên bao gồm trụ sở làm việc, các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho việc phát hiện, cập nhật, lưu giữ các thông tin tội phạm, các thông tin phục vụ cho công tác nghiệp vụ, các phương tiện để quản lý hồ sơ án hình sự và các hoạt động nghiệp vụ khác, các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin...

Hiện nay, trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, bọn tội phạm đã biết khai thác những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho mục đích phạm tội. Những tội phạm liên quan đến khoa học, kỹ thuật, công nghệ như trộm cắp cước viễn thông, lừa đảo qua mạng, trộm cắp qua thẻ ATM, tội phạm liên quan đến tin học... có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, nếu không được trang bị phương tiện kỹ thuật, phương tiện thông tin, điều kiện làm việc... đầy đủ, hiện đại thì rất khó để các cơ quan tư pháp nói chung, Viện Kiểm sát nói riêng, hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự cũng vậy. Nếu có cơ sở vật chất và điều kiện làm việc tốt, đầy đủ, hiện đại... thì sẽ tạo điều kiện để Kiểm sát viên hoàn thành tốt nhiệm vụ THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự. Ngược lại, nếu cơ sở vật chất, điều kiện làm việc thiếu thốn, lạc hậu... sẽ gây khó khăn cho hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng và hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của Kiểm sát viên nói chung. Ngoài cơ sở vật chất và điều kiện làm việc chung, Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự còn cần thiết được trang bị kỹ thuật đặc thù như phương tiện (máy tính) để tra cứu cơ sở dữ liệu luật, các phương tiện cần thiết để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, phương tiện đi lại, thông tin... phục vụ cho hoạt động tại phiên tòa hình sự, nhất là những vụ án xử lưu động...

Ngoài cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng và hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung. Chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên và cán bộ kiểm sát bao gồm chế độ

tiền lương và các khoản phụ cấp (phụ cấp nghề nghiệp, phụ cấp thâm niên...), chế độ trang phục, chế độ khám, chữa bệnh, chế độ nghỉ ngơi, nghỉ dưỡng, chế độ khen thưởng... Nếu các chế độ này được bảo đảm thì Kiểm sát viên sẽ không phải lo đời sống của bản thân và gia đình, toàn tâm, toàn ý vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và như vậy sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự. Chế độ đãi ngộ tốt còn tạo điều kiện lôi kéo những người giỏi ngoài ngành vào phục vụ cho ngành Kiểm sát nhân dân.

Do vậy, để hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự của Viện Kiểm sát được đảm bảo theo yêu cầu theo tinh thần cải cách tư pháp hiện nay cần phải quan tâm đến việc bảo đảm cơ sở vật chất cho ngành Kiểm sát nhân dân, quan tâm đến chế độ chính sách đối với đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự.

2.3. YÊU CẦU CỦA CẢI CÁCH TƯ PHÁP ĐỐI VỚI VIỆC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

Mục đích của hoạt động tư pháp hình sự suy cho cùng là xây dựng và áp dụng những cơ chế, biện pháp đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm, đẩy lùi và hạn chế đến mức thấp nhất sự gia tăng của tình hình tội phạm. Để thực hiện được mục đích đó, các cơ quan trong hệ thống tư pháp hình sự, trong đó có VKSND phải tự đổi mới, hoàn thiện mình để xứng đáng là cơ quan nòng cốt, trụ cột trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chiến lược cải cách tư pháp đã đặt ra những yêu cầu sau, nhằm bảo đảm chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, sơ thẩm.

2.3.1. Yêu cầu về việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm trong tổ tụng hình sự

Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động tư pháp đã trở thành một hoạt động hết sức quan trọng của Nhà nước, thể hiện vai trò mới, những đòi hỏi và nhiều nhiệm vụ mới trong tổ chức và hoạt động tư pháp. Kể từ khi Bộ Chính trị ban hành hai nghị quyết chuyên đề về vấn đề cải cách tư pháp, đó là: Nghị quyết số

08-NQ/TW ngày 2/1/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005, chúng ta đã và đang chứng kiến một sự chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực của hoạt động tư pháp, đặc biệt trong việc xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của các cơ quan tư pháp.

Tổ tụng hình sự với ba chức năng chính yếu đó là buộc tội, bào chữa, xét xử. Ba chức năng này cũng như các mặt hoạt động của cơ quan tư pháp luôn luôn nằm trong mối liên hệ có tính hệ thống, phụ thuộc vào nhau, bổ sung cho nhau và tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Do đó, nếu chỉ xác định rõ một chức năng nào đó ví dụ chức năng xét xử: cơ quan thực hiện Tòa án nhân dân; phạm vi: xét xử mọi tranh chấp thuộc các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội; cán bộ thực hiện là đội ngũ thẩm phán... và tập trung mọi khả năng và nguồn lực để thực hiện tốt chức năng xét xử mà không đầu tư một cách tương xứng cho các chức năng khác thì chính hoạt động xét xử (chưa nói đến hoạt động tư pháp nói chung) cũng không thể bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Chính vì vậy, quá trình cải cách, đổi mới phải được thực hiện một cách đồng bộ và đây là yêu cầu của Đảng ta.

Thực tế quá trình tiến hành tổ tụng hiện nay vẫn còn nảy sinh nhiều vướng mắc, bất cập, mà nguyên nhân chính của sự bất cập, vướng mắc đó là nhiều bất cập, không rõ ràng trong các quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong tổ tụng. Việc phân định rành mạch chức năng công tố (buộc tội) của Viện Kiểm sát nhân dân và chức năng xét xử của Tòa án là một yêu cầu tối quan trọng của nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động tổ tụng hình sự. Vấn đề này đã được cả lý luận và thực tế tiến hành tổ tụng hình sự chứng minh: không thể có công lý, bình đẳng, khách quan, không thể có tranh tụng nếu cơ quan xét xử làm cả chức năng buộc tội. Tổ tụng hình sự của chúng ta xác định chức năng buộc tội thuộc Viện Kiểm sát nhân dân. Khoản 1 - Điều 2, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định: Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố... của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chức năng này chỉ giao cho một cơ quan duy nhất thực hiện đó là Viện Kiểm sát nhân dân. Để thực hiện

việc buộc tội người phạm tội trước tòa thì Viện Kiểm sát phải có công cụ pháp luật như những quy định về chứng minh tội phạm; tranh luận... Nhưng trên thực tế, việc chứng minh tội phạm lại được giao cho cả Tòa án nhân dân thực hiện. Điều 10 - Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định: Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Và đến Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quy định này vẫn không được sửa đổi. Điều 15 - Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bên cạnh đó, những quy định như: Tòa án khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do bộ luật quy định để xác định và xử lý người phạm tội (Điều 13 và Điều 104); Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi xét thấy hồ sơ chưa đầy đủ để kết tội bị cáo (Điều 179); Tòa án là chủ thể đầu tiên, chủ động và chủ đạo trong việc xét hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác (Điều 207, 209, 201, 211...). Những quy định này hoàn toàn xa lạ với pháp luật các nước trên thế giới dù theo mô hình tố tụng thẩm vấn hay tranh tụng hoặc pha trộn giữa thẩm vấn với tranh tụng, làm lu mờ hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Thực tế xét xử đã chứng minh, có những vụ án, hội đồng xét xử tham gia tranh luận thay cho Kiểm sát viên với bên gỡ tội (bào chữa) và khi hội đồng xét xử đã tham gia vào quá trình buộc tội và tranh luận thì rất khó để đưa ra phán quyết khách quan và vô tư được, kết quả phán quyết sẽ theo hướng buộc tội.

Chính vì vậy, để đảm bảo chất lượng hoạt động tư pháp hình sự nói chung và chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự nói riêng thì pháp luật phải quy định một cách rành mạch, rõ ràng ba chức năng cơ bản của tố tụng hình sự là: buộc tội; gỡ tội; xét xử và thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan trong việc thực hiện các chức năng đó, đúng như yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp đã được Đảng ta quy định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: "Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp" [41].

2.3.2. Yêu cầu về việc hoàn thiện các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự nước ta

Dân chủ hóa tố tụng hình sự, bảo đảm sự bình đẳng của các bên trong tố tụng hình sự, triệt để tôn trọng quyền con người, quyền công dân trong quá trình tiến hành tố tụng là mục tiêu của tố tụng hình sự trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn nảy sinh nhiều vướng mắc, bất cập. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến thực trạng đó, trong đó phải kể đến những bất cập trong các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, mà trước hết là những quy định về hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự nước ta. Điều đó được thể hiện:

Thứ nhất, đó là sự quy định tản mạn và trùng lặp về nội dung các nguyên tắc, gây khó khăn cho sự nhận thức mục đích, ý nghĩa, nội dung và cho việc áp dụng các nguyên tắc đó trong thực tiễn. Chính vì vậy, cần phải căn cứ vào nội dung các quy định đó để rà soát, sắp xếp và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Thứ hai, nội dung của một số nguyên tắc được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và kể cả Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chưa phù hợp với tính chất là những tư tưởng, quan điểm, yêu cầu đối với hoạt động tố tụng và quan hệ tố tụng, mà chỉ là những quy định có tầm khái quát ở những mức độ nhất định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, cần có những quy định cụ thể, rõ ràng, không tản mạn về từng nội dung của các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự. Chẳng hạn, nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 13 - Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không có tội.

Những quy định về nguyên tắc suy đoán vô tội trên đây vẫn còn rất chung chung, chưa cụ thể, chi tiết, do đó, sẽ rất khó được bảo đảm thực hiện trong thực

tế tiến hành tố tụng. Chúng ta phải xác định chính xác nội dung chính của nguyên tắc, từ đó có những quy định cụ thể cho từng nội dung. Nguyên tắc suy đoán vô tội với những nội dung đặt ra những đòi hỏi cụ thể hơn mà Bộ luật Tố tụng hình sự phải đảm bảo, đó là:

- Không một người vô tội nào phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt.

- Việc truy tố, xét xử một người phải được tiến hành theo một trình tự, thủ tục do luật định.

- Các tình tiết của vụ án phải được xác định và xem xét một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, làm rõ các căn cứ xác định có tội và những căn cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

- Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về người buộc tội.

- Bị can, bị cáo không có trách nhiệm chứng minh sự vô tội của mình.

- Nghiêm cấm mọi hình thức bức cung, nhục hình và các hình thức vi phạm pháp luật khác trong quá trình thu thập chứng cứ và thực hiện các hoạt động tố tụng khác.

- Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ được coi là chứng cứ nếu phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án; không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội.

- Bị can, bị cáo có quyền không trả lời các câu hỏi của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

- Mọi hoài nghi về lỗi của bị can, bị cáo cần được giải thích theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo.

Có thể nói, những nội dung cơ bản trên đây của nguyên tắc suy đoán vô tội đã được thể chế hóa thành những quy định và có mặt ở khắp nơi trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nhưng không thể thấy rõ ở đâu cả. Vì vậy, cần phải quy định cụ thể và tập trung để các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự Việt Nam, như nguyên tắc tranh tụng, suy đoán vô tội, dân chủ, công tố; bảo đảm quyền bào chữa... được hoàn thiện và bảo đảm thực hiện trong thực tế, góp

phần nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

2.3.3. Yêu cầu về việc xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh

Để hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự bảo đảm chất lượng, điều quan trọng nhất phải xây dựng được đội ngũ Kiểm sát viên đủ về số lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp và có trình độ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Đúng như vậy, nếu các điều kiện khác như hệ thống pháp luật có liên quan, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc đều được đảm bảo nhưng đội ngũ cán bộ lại thiếu về số lượng, yếu về trình độ, sa sút về phẩm chất đạo đức, tất yếu sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ như yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân. Hồ Chủ tịch đã từng dặn: Cán bộ là gốc của công việc, công việc thành hay bại đều do cán bộ tốt hay xấu. Trong thời gian qua, nhất là từ khi Đảng ta đẩy mạnh cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49, VKSND nói riêng và các cơ quan tư pháp nói chung rất chú trọng đến công tác cán bộ. Từ việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ... đã được chú trọng và có bước tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, trước sự gia tăng của tình hình tội phạm trong điều kiện mới, đã có lúc, có nơi, có Kiểm sát viên không theo kịp yêu cầu đấu tranh với sự gia tăng về số lượng tội phạm, tinh vi, xảo quyệt về thủ đoạn, phức tạp nghiêm trọng về hành vi... Như Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đánh giá: "Đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, truy tố, xét xử". Một trong những nguyên nhân chính xảy ra tình trạng oan, sai như Nghị quyết số 49 đánh giá đó là do tinh thần trách nhiệm và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ tư pháp, trong đó có đội ngũ Kiểm sát viên. Để giảm thiểu tình trạng này, yêu cầu đặt ra cần phải tôn trọng và bảo đảm thực hiện một cách dân chủ, công khai hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Kết quả của hoạt động này phản ánh rất rõ

trình thần trách nhiệm và chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên và luật sư vì chủ thể trọng tâm của hoạt động tranh tụng là bên buộc tội (Kiểm sát viên) với bên gỡ tội (luật sư). Để khắc phục những hạn chế, yếu kém đó, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị yêu cầu: "Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác". Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị *Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 lại tiếp tục nhấn mạnh: "Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp"*. Đây là những yêu cầu rất cụ thể, rõ ràng đối với ngành kiểm sát. VKSND tối cao cần phải tích cực, chủ động thể chế hóa những yêu cầu đó vào quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, Kiểm sát viên nói riêng, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay.

Học viện Tư pháp, Liên đoàn Luật sư phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo luật sư. Đặc biệt đẩy mạnh việc thực hiện các nội dung của Đề án 123 đã được Thủ tướng Chính phủ ký phê duyệt tháng 1 năm 2010 về xây dựng đội ngũ luật sư đến năm 2020 phục vụ thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm xây dựng được đội ngũ luật sư đủ về số lượng, giỏi về kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư pháp.

2.3.4. Yêu cầu về việc bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp

Cơ sở vật chất là điều kiện quan trọng cho sự hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và hoạt động tư pháp hình sự nói riêng. Đối với Viện Kiểm sát thì điều kiện về cơ sở vật chất lại càng trở nên quan trọng vì để thực hiện tốt chức năng THQCT, Viện Kiểm sát cần phải thực hiện rất nhiều các hoạt động tố tụng khác nhau. Một trong những hoạt động rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình giải quyết án đó là khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. Hai hoạt động này đòi hỏi tính kịp thời và tức thì. Nếu không đáp ứng được hai tiêu chí đó sẽ rất khó khăn cho quá trình thu thập chứng cứ. Do đó, phương tiện đi lại, các thiết bị hiện đại để phát hiện và lưu giữ chứng cứ là rất quan trọng. Bên cạnh đó, trụ sở làm việc, trang thiết bị về công nghệ thông tin, chính sách

tiền lương, chế độ đãi ngộ... vẫn chưa được đầu tư tương xứng với nhu cầu về nhiệm vụ, đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động của toàn Ngành kiểm sát nói chung và chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự nói riêng. Liên quan đến vấn đề này, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị có đánh giá: "Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều nơi trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và chức trách được giao" [39]. Đến Nghị quyết số 49 ngày 2/6/2005 lại tiếp tục khẳng định: "Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu" [41]. Như vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp nói chung và công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp nói riêng đã trở thành yêu cầu khách quan. Đảng ta đã chủ trương:

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm cho cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp [41].

Từ những chủ trương, yêu cầu trên đây của Đảng được thể hiện trong chiến lược cải cách tư pháp, các cơ quan trong hệ thống tư pháp nói chung, VKSND nói riêng cần phải chủ động xây dựng các đề án cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc và tổ chức thực hiện những đề án đó với những lộ trình cụ thể, để góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động tư pháp.

2.3.5. Yêu cầu về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự

Ngày nay, hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu, nhu cầu nội tại của mỗi quốc gia trong tiến trình phát triển. Tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, nảy sinh nhiều vấn đề mới như khủng bố, ô nhiễm môi trường, di cư tự do, tội phạm xuyên quốc gia... Những vấn đề này chỉ có thể giải quyết được khi có sự liên kết của các quốc gia lại với nhau. Không một quốc gia

nào có thể phát triển một cách biệt lập mà không có quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới và trong khu vực. Xu hướng hội nhập hiện nay đã và đang tạo động lực to lớn cho quá trình phát triển về mọi mặt của các quốc gia.

Trong lĩnh vực tư pháp hình sự đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều các loại tội phạm nguy hiểm, mang tính chất xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài ngày càng đa dạng và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội không chỉ trong phạm vi một quốc gia. Nhưng, mỗi quốc gia đều có nguyên tắc chủ quyền nên không thể giải quyết những loại tội phạm quốc tế vì không thể trực tiếp tiến hành các biện pháp đấu tranh như điều tra, truy bắt người phạm tội trên phạm vi lãnh thổ của quốc gia khác mà phải có sự hợp tác, giúp đỡ của các quốc gia có liên quan. Để đấu tranh phòng, chống loại tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm quốc tế đạt hiệu quả phải phát huy sức mạnh tổng hợp, sử dụng đồng bộ các biện pháp, trong đó hợp tác quốc tế trong tư pháp hình sự như một nhu cầu tất yếu khách quan.

Bên cạnh đó, Ngành kiểm sát cần tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác song phương, đa phương với Viện kiểm sát, Viện công tố và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, cũng như hợp tác về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ thông tin để xây dựng Ngành theo hướng hiện đại.

Tiểu kết chương 2

1. Dù còn có những ý kiến khác nhau nhưng đa số ý kiến đều cho rằng: quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho cơ quan công tố (ở nước ta là Viện Kiểm sát) thực hiện việc đưa người phạm tội (truy tố) ra tòa án để xét xử và buộc tội kẻ phạm tội đó tại phiên tòa. Như vậy quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực hình sự. Từ đó, theo chúng tôi, THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là thực hiện các hành vi tố tụng: công bố bản cáo trạng hoặc quyết định của Viện Kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, tham gia xét hỏi bị cáo, nhân chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn

dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người giám định và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật, luận tội đối với bị cáo và tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự chính là sự tuân thủ các quy định của pháp luật, các hướng dẫn, chỉ đạo của Ngành; số lượng của Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung; số lượng bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội và kỹ năng nghiệp vụ... khi thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để đưa người phạm tội ra tòa án xét xử và buộc người phạm tội tại phiên tòa.

Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là một khái niệm mang tính lịch sử, cụ thể, tổng hợp nhưng có thể đo, đếm, so sánh được bằng những chỉ số, chỉ tiêu nhất định. Tuy nhiên, khi đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự bằng các chỉ số, chỉ tiêu này cần hết sức thận trọng, cân nhắc đến các yếu tố có thể tác động đến những chỉ số, chỉ tiêu trên để có sự đánh giá khách quan, chính xác.

3. Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phụ thuộc vào hàng loạt các yếu tố như: điều kiện kinh tế - xã hội, nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, hệ thống các văn bản pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của ngành, điều kiện bảo đảm hoạt động của ngành... Trong khuôn khổ một luận án tiến sĩ Luật không thể đề cập đến tất cả những yếu tố đó, chúng tôi chỉ đề cập đến một số yếu tố cơ bản, trực tiếp bảo đảm chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự như: sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, trình độ, năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ này, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và của Viện Kiểm sát cấp trên, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng.

Chương 3

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

3.1. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ KIỂM SÁT VIÊN

Đề tài luận án chỉ nghiên cứu chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự, không nghiên cứu ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Theo quy định của pháp luật, xét xử sơ thẩm chỉ được thực hiện ở cấp huyện và cấp tỉnh. Do đó, trong mục này, luận án chỉ đánh giá khái quát thực trạng đội ngũ Kiểm sát viên thuộc biên chế ở VKSND cấp huyện và cấp tỉnh.

Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định Kiểm sát viên có 4 ngạch:

- Kiểm sát viên VKSNDTC
- Kiểm sát viên cao cấp
- Kiểm sát viên trung cấp
- Kiểm sát viên sơ cấp

Trong đó, VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện có thể được bố trí 3 ngạch Kiểm sát viên gồm: Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp.

Theo Nghị quyết số 522E-NQ/UBTVQH 13 ngày 16/8/2012 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội khóa 13, giao tổng số Kiểm sát viên cho Ngành kiểm sát nhân dân là 10.424 người (chiếm 65,73% tổng số biên chế), trong đó:

- Kiểm sát viên trung cấp: 4.039 người (chiếm 25,4% tổng biên chế).
- Kiểm sát viên sơ cấp: 6.215 người (chiếm 39,1% tổng biên chế).

Tính đến ngày 1/9/2016, số lượng Kiểm sát viên được bổ nhiệm là: 9.039 người, đạt chỉ tiêu giao 86,7%. Trong đó:

- Kiểm sát viên trung cấp: 3.356 người, đạt chỉ tiêu giao 83%
- Kiểm sát viên sơ cấp: 5.485 người, đạt chỉ tiêu giao 88,2% [121].

** Đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh*

Tính đến ngày 31/12/2016, biên chế của 63 VKSND cấp tỉnh đã thực hiện được 4.347/4.588 người, so với biên chế được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định còn thiếu 241 người. Cụ thể:

- 62/63 viện trưởng và 192 phó viện trưởng; 60/63 đồng chí lãnh đạo tham gia Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Thành ủy (trong đó có 50 viện trưởng và 10 phó viện trưởng).

- Kiểm sát viên các ngạch có 2.847 người, gồm: 49 Kiểm sát viên cao cấp, 2.145 Kiểm sát viên trung cấp, 653 Kiểm sát viên sơ cấp.

- Công chức khác có 1.493 người gồm: 23 kiểm tra viên chính, chuyên viên chính và tương đương; 395 kiểm tra viên; 866 chuyên viên và tương đương; 178 cán sự và tương đương; 31 nhân viên.

- Về trình độ:

- + Chuyên môn: 2 tiến sĩ; 329 thạc sĩ; 3.824 đại học

- + Lý luận chính trị: cử nhân và cao cấp có 965 người; trung cấp có 432 người

- + Quản lý nhà nước: chương trình chuyên viên cao cấp có 58 người, chương trình chuyên viên chính có 352 người.

- Về giới tính: Nam 2.386 người; nữ 2.012 người

- Dân tộc ít người: 306 người

** Đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện*

Tính đến ngày 31/12/2016, hiện tại 710 VKSND cấp huyện có 10.449/10.587 biên chế, so với biên chế được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao thì còn thiếu 138 biên chế. Trong đó:

- 700/710 viện trưởng; 1.247 phó viện trưởng. Có 614 viện trưởng và phó viện trưởng tham gia cấp ủy địa phương, đạt tỷ lệ 86,5%.

- Kiểm sát viên các ngạch có 6.988 người, gồm: 1.295 Kiểm sát viên trung cấp, 5.693 Kiểm sát viên sơ cấp.

- Công chức khác có: 1.067 kiểm tra viên; 2.014 chuyên viên và tương đương; 351 cán sự và tương đương; 29 nhân viên.

- Về trình độ: Chuyên môn: 316 thạc sĩ, 10.069 đại học; Lý luận chính trị: cao cấp và cử nhân có 1.665 người, trung cấp có 2.347 người.

- Về giới tính: Nam có 5.010 người; nữ có 3.982 người.

- Dân tộc ít người có 967 người [121].

** Đánh giá chung*

- Về ưu điểm, thuận lợi

Viện kiểm sát nhân dân nói chung và VKSND địa phương nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố cả về tổ chức, cán bộ và các điều kiện bảo đảm hoạt động nhằm xây dựng một thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động tư pháp, bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; cơ cấu đồng chí viện trưởng VKSND vào cấp ủy các cấp, tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của VKSND.

Căn cứ Luật Tổ chức VKSND, trên cơ sở rà soát, đánh giá đội ngũ công chức, viên chức, Ngành kiểm sát đã thực hiện đổi mới công tác quản lý tổ chức, biên chế; tuyển chọn, bổ nhiệm chức danh tư pháp thông qua thi tuyển, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; thông qua đó, tạo động lực cho đội ngũ Kiểm sát viên tự giác rèn luyện phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, tích cực học tập, nghiên cứu, không ngừng phấn đấu trong công tác, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của Ngành.

Việc thực hiện quy định về cơ cấu lãnh đạo, quản lý, cơ cấu công chức của VKSND các cấp đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành theo luật định. Trong đó công chức làm chuyên môn nghiệp vụ kiểm sát, tiêu chuẩn về trình độ để được tuyển dụng phải là cử nhân luật trở lên. Sau khi tuyển dụng được tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm sát.

- Về khó khăn, vướng mắc.

Biên chế hiện nay của VKSND được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao tại thời điểm tháng 8/2012 (theo Nghị quyết số 522e ngày 16/8/2012). Theo

đó, tổng biên chế của VKSND được giao dựa trên cơ sở chủ yếu là khối lượng công việc phải thụ lý giải quyết bình quân trong 3 năm 2009, 2010, 2011. Nhưng những năm qua (2012-2015), khối lượng công việc của Ngành phải thụ lý giải quyết đã tăng nhiều, năm sau cao hơn năm trước. Đồng thời quy định mới của luật đã bổ sung nhiều nhiệm vụ, hình thành tổ chức mới, yêu cầu trách nhiệm công chức trong công vụ ngày càng cao hơn. Trong những năm qua tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm diễn biến phức tạp đã trực tiếp tác động đến hoạt động của VKSND. Thống kê số vụ án hình sự khởi tố mới từ 2012 đến 2015 là 302.029 vụ, so với giai đoạn 2008 đến 2011 là 262.422 vụ, tăng 15,1% [122]. Trong đó, tính chất các vụ án ngày càng phức tạp, quy mô ngày càng lớn, yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đòi hỏi ngày càng cao. Tuy vậy, biên chế của VKSND vẫn giữ nguyên số lượng đã được giao, nên Ngành kiểm sát nhân dân đang gặp nhiều khó khăn về nhân lực (đặc biệt là đội ngũ Kiểm sát viên ở địa phương) đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

Việc xác định biên chế trong ngành kiểm sát trước đây mới chỉ căn cứ vào một số tiêu chí như: 1) Định mức công việc, chủ yếu là số lượng vụ án; 2) Biên chế tối thiểu cho VKSND các cấp. Qua thực tiễn công tác đã bộc lộ những hạn chế, bất cập như: thiếu biên chế, cơ cấu các chức danh tư pháp chưa hợp lý ở nhiều địa phương.

Chất lượng đội ngũ công chức, đặc biệt là đội ngũ Kiểm sát viên ở các địa phương còn chưa ngang tầm với yêu cầu của cải cách tư pháp, còn hạn chế về kiến thức xã hội, kinh tế thị trường, ngoại ngữ, pháp luật quốc tế, hành chính nhà nước, kỹ năng nghiệp vụ cũng như khả năng ứng dụng công nghệ trong công vụ... Đặc biệt còn thiếu những Kiểm sát viên có trình độ chuyên môn cao, thiếu chuyên gia trong Ngành để giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Từ trước tới nay, Ủy ban Thường vụ Quốc hội mới giao tổng biên chế cho ngành KSND và số lượng các chức danh tư pháp nhưng chưa quy định cơ cấu, tỷ lệ các chức danh tư pháp ở mỗi cấp Viện kiểm sát.

Những thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trên đây đã tác động (cả tích cực và tiêu cực) không nhỏ đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành.

3.2. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

3.2.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

3.2.1.1. Kết quả đạt được

** Về sự tuân thủ các quy định của pháp luật*

Trong những năm qua thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các chỉ thị của Viện trưởng VKSNDTC, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự đã bám sát các quy định của pháp luật nên chất lượng hoạt động nghiệp vụ đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực; hiệu quả hoạt động này đã được nâng lên đáng kể, góp phần bảo vệ pháp chế XHCN, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt chất lượng và hiệu quả.

Quán triệt các yêu cầu về cải cách tư pháp của Đảng, trong đó có nội dung "nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp", triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp đã chủ động chỉ đạo, điều hành và cho ý kiến đối với Kiểm sát viên trước khi tham gia phiên tòa như: xây dựng cáo trạng, chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi, tranh luận, dự kiến các tình huống có thể xảy ra để chủ động xử lý, đặc biệt đối với những trường hợp bị cáo chối tội, phản cung. Các dự thảo luận tội của Kiểm sát viên, về cơ bản đều được lãnh đạo Viện duyệt trước khi tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã chủ động tham gia xét hỏi, chú ý gắn kết giữa nội dung xét hỏi với nội dung trong bản dự thảo luận tội, làm cho lời luận tội có tính thuyết phục cao. Theo dõi, ghi chép đầy đủ những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm

tra công khai, cũng như những câu hỏi, câu trả lời của những người tiến hành tố tụng và của những người tham gia tố tụng để kịp thời bổ sung vào bản dự thảo luận tội cho phù hợp, nên đã hạn chế được việc Kiểm sát viên trình bày bản luận tội không phù hợp với diễn biến thực tế tại phiên tòa, cơ bản khắc phục được tình trạng luận tội "bỏ túi" như trước đây.

Về tranh luận đối đáp, các Kiểm sát viên đã dự kiến cơ bản được những nội dung mà bị cáo, người bào chữa đưa ra, nên khi tranh luận và đối đáp Kiểm sát viên đã bình tĩnh, chủ động lập luận để đối đáp từng vấn đề mà người bào chữa đưa ra; chất lượng tranh luận của Kiểm sát viên ngày được nâng lên.

Mặt khác, các Kiểm sát viên luôn quan tâm đến nhiều phương pháp xét hỏi, tranh luận, đối đáp tại phiên tòa; lời lẽ, thuật ngữ đúng mức dễ nghe, dễ hiểu nhưng đảm bảo chặt chẽ hơn, không "đao to búa lớn", chì triết, miệt thị... làm cho bản luận tội có tính thuyết phục cao.

Khi tham gia thẩm vấn, tranh luận, Kiểm sát viên luôn có thái độ tôn trọng ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác; không hỏi mang tính gợi ý, mớm cung; luôn có bản lĩnh chủ động vững vàng và nhạy bén, đối đáp linh hoạt. Tất cả những ý kiến có liên quan đến vụ án đều được Kiểm sát viên đối đáp thể hiện quan điểm bằng những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và những căn cứ pháp luật quy định, điều đó không những để bị cáo, người bào chữa nhận rõ hành vi phạm tội của bị cáo, mà còn để cho mọi người công dân đến dự phiên tòa nhận thức được Viện Kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội là đúng pháp luật quy định.

Trong phát biểu lời luận tội và khi tranh luận, Kiểm sát viên còn đề cập tốt đến việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân, liên hệ với tình hình thực tế địa phương tìm ra nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm để kiến nghị với cấp có thẩm quyền tăng cường công tác quản lý trật tự trị an khu vực; động viên, khuyến khích toàn dân tích cực tham gia vào hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Do có sự chuẩn bị chu đáo với tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của pháp luật, nên tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã giảm đáng kể. Nếu năm 2013 TAND trả 2.285 hồ sơ, năm 2014 là 2.161 hồ sơ, năm 2015 là 4.550, năm 2016 là 2.713 thì đến năm 2017 chỉ còn 2.093 hồ sơ [122]. Tình trạng Tòa án tuyên không tội cũng hạn chế đáng kể, năm sau giảm hơn năm trước. Năm 2013 là 15 trường hợp, năm 2014 là 22 trường hợp, năm 2015 là 22 trường hợp, năm 2016 là 14 trường hợp, năm 2017 là 12 trường hợp [122]. Bên cạnh đó, phán quyết của Tòa án khác quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, khoản, khung, mức hình phạt cũng có xu hướng giảm, năm sau ít hơn năm trước. Đây là những chỉ số quan trọng phản ánh chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm trong những năm qua.

Bên cạnh những việc đã đạt được ở giai đoạn trước và trong quá trình tham gia xét xử tại phiên tòa, VKSND còn quan tâm giai đoạn sau phiên tòa (sau khi tòa tuyên án) để xem xét bản án có vi phạm về thủ tục tố tụng hay không? Việc áp dụng pháp luật có đúng quy định hay không? hay quyết định của tòa án khác với quan điểm của Viện Kiểm sát (mà quan điểm đó cho là đúng)?... để từ đó có quyết định kháng nghị đúng, chính xác và được HĐXX chấp nhận với tỷ lệ cao.

Ngoài ra VKSND còn chủ động phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật như Công an, TAND để thường xuyên rút kinh nghiệm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, VKSND còn tập hợp những sai sót, vi phạm và qua đó thông báo cho các bộ phận nghiệp vụ, để rút kinh nghiệm sửa chữa. Đối với cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát kiến nghị để khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong quá trình điều tra như chứng cứ, vật chứng, các tình tiết và các vi phạm về tố tụng để khi truy tố và chuyển hồ sơ sang tòa án hạn chế đến mức thấp nhất việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Đối với tòa án cũng có những kiến nghị nhằm khắc phục những tình trạng vi phạm pháp luật. Đặc biệt, đối với những trường hợp tòa tuyên không phạm tội, bỏ lọt tội phạm và khác quan điểm với Viện Kiểm sát thì cũng mổ xẻ, phân tích để có những

quyết định chính xác. Hơn nữa, để nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn xét xử, VKSND còn xây dựng nhiều chuyên đề, nhiều đề tài khoa học, tổ chức nhiều Hội thảo khoa học, tập huấn nghiệp vụ... nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay về công tác THQCT.

Đánh giá chung: Trong thời gian qua, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự đã có sự chuyển biến tích cực về mọi mặt. Hầu hết các vụ án Viện kiểm sát truy tố đều có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vẫn diễn ra, nhưng có chiều hướng giảm, năm sau ít hơn năm trước. Số lượng bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội đã được hạn chế đáng kể, nhiều địa phương đã không để xảy ra tình trạng oan trong nhiều năm. Kiểm sát viên đã có sự trưởng thành trong công tác chuyên môn, chủ động hơn trong xét hỏi và tranh luận. Luận tội có căn cứ, có tính thuyết phục cao, góp phần bảo vệ quan điểm truy tố trong cáo trạng. Những ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản được Tòa án chấp nhận. Những kết quả đạt được trên đây, đã góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Ngành, về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của pháp luật và cải cách tư pháp.

** Về số lượng án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung*

Chế định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại Điều 179 - BLTTHS năm 2003 nhằm bảo đảm cho hoạt động xét xử được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành, Viện trưởng VKSNDTC đã ban hành Quyết định số 297-QĐ/VKSNDTC, ngày 13/6/2012 về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu có bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành kiểm sát nhân dân. Quyết định quy định tỷ lệ hồ sơ vụ án Tòa án trả để điều tra bổ sung hàng năm phải $\leq 6\%$. Đây là một trong những chỉ tiêu căn cứ cho công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật đối với Kiểm sát viên.

Được sự hướng dẫn, chỉ đạo, tiến hành kịp thời, sâu sát của lãnh đạo VKSND các cấp, sự nỗ lực cố gắng, làm nghiệp vụ với tinh thần trách nhiệm

cao của đại bộ phận đội ngũ Kiểm sát viên nên tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong 5 năm qua (2013-2017), về cơ bản đáp ứng được chỉ tiêu đề ra của Ngành là $\leq 6\%$. Cụ thể như sau:

Năm 2013: 2.285/66.107 vụ, đạt tỷ lệ 3,4%

Năm 2014: 2.161/65.848 vụ, đạt tỷ lệ 3,2%

Năm 2015: 4.550/59.196 vụ, đạt tỷ lệ 7,6%

Năm 2016: 2.713/61.551 vụ, đạt tỷ lệ 4,4%

Năm 2017: 2.039/57.471 vụ, đạt tỷ lệ 3,6%

Tổng số: 13.802/310.173 vụ, đạt tỷ lệ 4,4% [122]

Qua số liệu thống kê của VKSNDTC trên đây cho thấy, về cơ bản đều đáp ứng được chỉ tiêu đề ra của Ngành là $\leq 6\%$. Riêng chỉ có năm 2015, tỷ lệ này lớn hơn chỉ tiêu đề ra (7,6% so với $\leq 6\%$). Sở dĩ năm 2015, tỷ lệ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung tăng đột biến một phần khách quan do thực hiện thêm một số nhiệm vụ mới theo Luật Tổ chức VKSND năm 2014 (có hiệu lực năm 2015), như trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; mở rộng thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra VKSND từ 14 tội danh lên 38 tội danh; kiểm sát trực tiếp việc trả lại đơn khởi kiện, kiểm soát thụ lý án hành chính; phát biểu quan điểm giải quyết các vụ án dân sự tại các phiên tòa; thành lập mới VKSND cấp cao, trong khi số lượng biên chế không được bổ sung kịp thời tương xứng với nhiệm vụ mới, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết các vụ án hình sự.

Đạt được kết quả nêu trên, trước tiên do sự hướng dẫn, chỉ đạo điều hành kịp thời và sâu sát của lãnh đạo VKSND các cấp. Chủ động phối hợp với các cơ quan tố tụng (cơ quan điều tra, Tòa án) để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự. Quan trọng hơn, đó là sự cố gắng nỗ lực, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao của đại đa số đội ngũ Kiểm sát viên. Họ đã không ngừng phấn đấu rèn luyện cả về bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, vượt qua cám dỗ của mặt trái kinh tế thị trường, lẫn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp. Chủ

động bám sát tiến trình vụ án. Lập hồ sơ kiểm sát đối với từng vụ án, bảo đảm việc khởi tố, điều tra của cơ quan điều tra đúng các quy định của pháp luật. Kịp thời đề ra những yêu cầu điều tra, thu thập đầy đủ chứng cứ buộc tội, gỡ tội và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Dự kiến các tình huống phát sinh tại tòa như bị cáo phản cung, chối tội... để có phương án đấu tranh một cách hiệu quả. Những cố gắng trên đây của Kiểm sát viên đã bảo đảm cho hoạt động THQCT tại phiên tòa đạt chất lượng, hiệu quả, bảo đảm tiến độ giải quyết án, hạn chế tối đa tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

** Số lượng bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội*

Đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay. Mục đích cuối cùng của Hội đồng tư pháp hình sự là nhằm bảo vệ ngày càng tốt hơn quyền con người, quyền công dân, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng oan sai xảy ra. Nhưng, đây là hoạt động do con người thực hiện, cũng như bao hoạt động khác của con người, không thể không có sai sót. Trong lĩnh vực này, ngay cả những nước phát triển, có nền tư pháp mạnh cũng vẫn có oan sai xảy ra. Để hạn chế tối đa tình trạng oan sai xảy ra, Viện trưởng VKSNDTC đã ban hành Quyết định số 297-QĐ/VKSNTC ngày 13/6/2012 Về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành kiểm sát nhân dân. Quyết định quy định tỷ lệ oan sai là 0%. Với chỉ tiêu này thì không năm nào ngành kiểm sát thực hiện được. Tuy nhiên, với sự tận tâm và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ Kiểm sát viên nên số lượng oan sai xảy ra trong những năm qua rất ít và có xu hướng giảm dần, năm sau ít hơn năm trước. VKSNDTC đã thống kê số lượng bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội trong 5 năm (từ năm 2013 đến năm 2017) như sau:

- Năm 2013: 15/117.502 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,012%
- Năm 2014: 22/118.372 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,018%
- Năm 2015: 22/106.078 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,02%

- Năm 2016: 14/103.985 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,013%
- Năm 2017: 12/94.423 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,012%
- Bình quân: 85/540.360 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,015%

Qua số liệu thống kê trên đây cho thấy, mặc dù tình trạng oan sai vẫn xảy ra hàng năm, nhưng số lượng đã giảm đáng kể, tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số đối tượng phải đấu tranh xử lý. Tỷ lệ bình quân trong 5 năm chỉ xảy ra 0,015%. Nhiều địa phương trong nhiều năm không để xảy ra tình trạng án oan. Điều này chứng tỏ Kiểm sát viên đã rất thận trọng, tỷ trọng việc nghiên cứu hồ sơ, xác định chứng cứ, cương quyết không phê chuẩn kết quả điều tra của cơ quan điều tra nếu thấy chứng cứ còn thiếu và yếu. Những vụ án chứng cứ 50/50, Kiểm sát viên đã đấu tranh theo hướng có lợi cho bị cáo, bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội theo quan điểm của Đảng trong chiến lược cải cách tư pháp. Chủ động tranh tụng tại phiên tòa theo đúng tinh thần: Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Trong quá trình tranh tụng, Kiểm sát viên không chỉ chú trọng đến chứng cứ buộc tội mà còn quan tâm đến cả chứng cứ gỡ tội cho bị cáo. Đây là nguyên nhân chính giảm thiểu tối đa án oan xảy ra.

Sự thuần tục các kỹ năng nghiệp vụ

Thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, Kiểm sát viên không những phải nắm vững những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ mà còn phải xây dựng cho mình những kỹ năng và thực hiện nhuần nhuyễn những kỹ năng đó. Sự thuần thực các kỹ năng nghiệp vụ là một trong các tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Các kỹ năng đó là kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng quan sát, lắng nghe, phát biểu ý kiến; kỹ năng đối đáp, phản bác các quan điểm sai trái; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ...

Thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự cho thấy, ngoài việc tự trang bị cho mình những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ vững chắc, phần lớn các Kiểm sát viên

đã rèn luyện được những kỹ năng nghiệp vụ, không ngừng nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Khi thực hiện nhiệm vụ, các Kiểm sát viên đã đặt câu hỏi để hỏi bị cáo và người bào chữa ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, không vi phạm quyền riêng tư của những người được hỏi, không vi phạm những quy định cấm trong quy tắc ứng xử của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Ở các phiên tòa có nhiều bị cáo và nhiều người tham gia, các Kiểm sát viên đã lên kế hoạch xét hỏi cụ thể, chi tiết. Theo đó Kiểm sát viên đã cân nhắc hỏi những bị cáo nào trước, bị cáo nào sau chú ý đến những tình tiết quan trọng và có ý nghĩa đến vụ án. Kiểm sát viên hỏi người bào chữa, hỏi những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo trật tự hợp lý; đồng thời, phân tích, đấu tranh với những mâu thuẫn trong lời khai của những người được xét hỏi.

Cùng với việc thuần thực kỹ năng hỏi tại phiên tòa, các Kiểm sát viên đã chú ý quan sát, lắng nghe, tổng hợp những ý kiến được hỏi; so sánh đối chiếu ý kiến, quan điểm với những gì đã được nghiên cứu trước để phát hiện ra những thông tin còn thiếu hay có mâu thuẫn với những thông tin đã có về vụ án; ghi chép điểm chính của thông tin, đồng thời dự kiến những vấn đề cần hỏi thêm hay cần tranh luận, cần chứng minh hay bác bỏ. Nhiều Kiểm sát viên đã chuẩn bị đề cương xét hỏi chu đáo, chi tiết nên đã kịp thời sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện những luận điểm trong bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Không chỉ chú ý đến những nội dung, vấn đề được hỏi, các Kiểm sát viên đã quan sát và theo dõi diễn biến của phiên tòa, thái độ của Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như luật sư của các bên và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sự thuần thực kỹ năng, nghiệp vụ của Kiểm sát viên còn thể hiện ở khả năng và kỹ năng đối đáp, lập luận và phản bác ý kiến, quan điểm sai trái tại phiên tòa. Các Kiểm sát viên đã kịp thời phát hiện những luận điểm, quan điểm sai trái của những người tranh tụng với mình để bác bỏ và kiến nghị Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử ra phán quyết đúng đắn, khách quan về vụ án. Bằng những phương pháp suy luận logic, khoa học các Kiểm sát viên đã

bác bỏ và tìm ra tính chân thực, khách quan của những luận điểm cần chứng minh, qua đó bác bỏ những lập luận, quan điểm của những người trả lời.

Quan sát diễn biến của các phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự cho thấy, các Kiểm sát viên đã sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, văn phong mạch lạc rõ ràng, các số liệu, dẫn liệu dùng để hỏi, tranh luận tại phiên tòa dễ hiểu, thuyết phục người nghe. Kiểm sát viên sử dụng ngôn ngữ hợp lý, có văn hóa, không tạo sức ép, không đe dọa, hay miệt thị bị cáo, không tự coi Kiểm sát viên là người có địa vị cao hơn bị cáo. Các Kiểm sát viên đều thể hiện sự nghiêm minh, dân chủ, đúng pháp luật, tôn trọng người tranh luận. Trong nhiều phiên tòa, hầu hết các Kiểm sát viên làm nhiệm vụ đều nghiên cứu kỹ hồ sơ, nghiên cứu kỹ căn cứ pháp luật, ghi chép đầy đủ và kịp thời diễn biến và những vấn đề, những tình tiết mới xuất hiện tại phiên tòa nên Kiểm sát viên đối đáp và làm rõ từng vấn đề luật sư đưa ra với lập luận sắc bén, có căn cứ, phản bác lại quan điểm của luật sư. Không chỉ ý trọng đến các kỹ năng nghề nghiệp tại phiên tòa, nhiều Kiểm sát viên có thái độ nghiêm túc, cầu thị, sẵn sàng tiếp thu các quan điểm, luận cứ và luận chứng của người tranh luận đối lập khi thấy có lý, hợp pháp. Kiểm sát viên tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo như tiếp thu các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết mới có lợi cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận, bổ sung khi đánh giá trách nhiệm hình sự với bị cáo. Các điểm mới liên quan đến vụ án phát sinh sau khi xét hỏi và tranh luận được Kiểm sát viên ghi chép và bổ sung kịp thời và dự thảo quan điểm của Kiểm sát viên. Khi tranh luận, “có nhiều Kiểm sát viên đã tự học hỏi, tổng hợp và xây dựng cho mình nhiều kỹ năng tốt: Kỹ năng hỏi, lắng nghe và tổng hợp ý kiến, kỹ năng chứng minh, kỹ năng phản biện, bác bỏ; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong tranh luận” [97].

Các Kiểm sát viên, trong quá trình thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã sử dụng các công cụ phương tiện kỹ thuật hỗ trợ và được Chủ tọa phiên tòa chấp thuận. Các công cụ phương tiện, kỹ thuật hỗ trợ Kiểm sát viên thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa như máy ghi âm, máy chiếu, máy tính xách tay... Trong khi làm nhiệm vụ đội ngũ Kiểm sát viên luôn có tinh

thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người kiểm sát “công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”, không cầu thả, thiếu trách nhiệm trong công việc.

3.2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

**** Nguyên nhân khách quan***

Một là, Đảng ta đã kịp thời ban hành những chỉ thị, nghị quyết về cải cách tư pháp. Chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã thể hiện rất rõ mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nội dung, phương hướng và nhiệm vụ của cải cách tư pháp (Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị) và tổ chức thực hiện một cách mạnh mẽ đến từng cấp VKSND. Tiếp thu những tư tưởng tiến bộ đó vào trong quá trình tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Chất lượng các hoạt động tư pháp đã được nâng lên rõ rệt.

Hai là, hệ thống pháp luật liên quan đến điều chỉnh các quan hệ tố tụng hình sự được cơ quan có thẩm quyền kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung, tạo hành lang pháp lý tương đối đồng bộ, thống nhất, đầy đủ và cụ thể cho các cơ quan tư pháp hình sự hoạt động.

Ba là, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự đã tạo ra nhiều thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung và THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm của Kiểm sát viên nói riêng.

Bốn là, có sự phối hợp chặt chẽ và chủ động giữa VKSND với các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là với cơ quan điều tra và Tòa án, trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

**** Nguyên nhân chủ quan***

Một là, đội ngũ Kiểm sát viên cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII *Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiêu chí Ngành*: vững về chính trị; giỏi về nghiệp vụ; tinh thông pháp luật; kỷ cương và bản lĩnh; công tâm và trách nhiệm.

Hai là, đại bộ phận đội ngũ Kiểm sát viên đã có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về chức năng nhiệm vụ của Ngành cũng như vai trò, quyền hạn và trách nhiệm trong THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

Ba là, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã bố trí, sử dụng đội ngũ Kiểm sát viên phù hợp với năng lực, sở trường và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Bốn là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong Ngành được tăng cường và thực hiện kịp thời.

3.2.2. Những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế, thiếu sót

** Về sự tuân thủ các quy định của pháp luật*

Trong quá trình THQCT trong giai đoạn XXST các vụ án hình sự, hầu hết Kiểm sát viên của VKSND đã làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một số Kiểm sát viên chưa thực sự làm hết trách nhiệm trong công việc được giao, chưa tuân thủ các quy định của pháp luật dẫn đến kết quả THQCT chưa đạt được kết quả như mong muốn, những hạn chế, yếu kém đó được thể hiện qua những hoạt động cụ thể sau:

Thứ nhất, tình trạng vi phạm tố tụng đã được chấn chỉnh rất nhiều, song đôi lúc vẫn còn một số vụ án có vi phạm các quy định của pháp luật, như: bị cáo là người chưa thành niên nhưng không có luật sư, người giám hộ; quyết định khởi tố, bắt giữ, giam, khám xét, thu giữ vật chứng, trưng cầu giám định... không đúng nhưng Kiểm sát viên không phát hiện nên dẫn đến tình trạng tòa án phải trả hồ sơ lại để điều tra bổ sung hoặc hủy án.

Thứ hai, những vi phạm trong hoạt động xây dựng bản cáo trạng

Theo quy định tại Điều 36, 166, 167, BLTTHS thì: VKSND khi THQCT, trên cơ sở kiểm sát điều tra, sau khi nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện, khách quan, đầy đủ hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố của cơ quan điều tra, nếu thấy có đủ cơ sở và cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì Viện Kiểm sát quyết định truy tố bị can ra trước tòa án để xét xử.

Theo Điểm a, khoản 1 Điều 44 *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự* năm 2008 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có quy định như sau:

Nếu thấy đủ căn cứ để quyết định truy tố thì Kiểm sát viên dự thảo Cáo trạng trình Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được Viện trưởng ủy quyền xem xét, duyệt ký. Cáo trạng phải phản ánh đúng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Tố tụng Hình sự và được lập theo mẫu do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

Điều 167 BLTTHS quy định:

1. Nội dung bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra tội phạm; thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, hậu quả của tội phạm và những tình tiết quan trọng khác; những chứng cứ xác định tội trạng của bị can, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị can và mọi tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Phần kết luận của cáo trạng ghi rõ tội danh và điều khoản của Bộ Luật hình sự được áp dụng

2. Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập cáo trạng; họ tên; chức vụ và chữ ký của người ra bản cáo trạng.

+ *Về hình thức của bản cáo trạng*

Hiện nay nhiều bản cáo trạng đã nêu được các căn cứ Điều 36, Điều 166, Điều 167 BLTTHS quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND đối với hoạt động điều tra và là căn cứ để Viện kiểm sát truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng.

Tuy nhiên, có nhiều bản cáo trạng việc vận dụng các căn cứ pháp luật thiếu chính xác, một số bản cáo trạng không trích rõ điểm, khoản, điều luật áp dụng. Hoặc có bản cáo trạng không ghi rõ nơi nhận. Có bản cáo trạng lại chia thành những phần lớn như: nội dung sự việc phạm tội, kết luận, lý lịch bị can,

đánh giá... việc chia cáo trạng thành những phần như thế này làm cho bản cáo trạng thiếu tính logic.

Có nhiều bản cáo trạng khi nêu căn cứ pháp lý còn chung chung, không viện dẫn điều luật cụ thể như: căn cứ Luật tổ chức VKSND; căn cứ BLHS và BLTTHS. Trong khi đó, có bản cáo trạng lại căn cứ vào quyết định khởi tố hình sự của Cơ quan điều tra về hành vi tội phạm của bị can, không căn cứ vào tội danh và điều luật là không đúng với quy định của pháp luật. Nhiều bản cáo trạng khi đề cập đến nhân thân bị can thì viết rất đơn giản, ví dụ bị cáo sinh năm..., trú quán... (không ghi ngày, tháng, năm sinh).

+ *Về mặt nội dung của bản cáo trạng*

Một là, bản cáo trạng còn tập trung các tình tiết tăng nặng, ít chú ý đến tình tiết giảm nhẹ. Thực tiễn cho thấy, các bản cáo trạng thường mô tả như bản kết luận điều tra, chỉ tập trung nêu các tình tiết tăng nặng, ít chú ý đến các tình tiết giảm nhẹ. Đặc biệt nhiều bản cáo trạng chỉ tập trung nêu chứng cứ buộc tội và các tình tiết tăng nặng, còn các chứng cứ gỡ tội, các tình tiết giảm nhẹ thì không chú ý đề cập, làm cho bản cáo trạng phân tích một chiều, không khách quan. Việc phân tích, chứng minh hành vi phạm tội chưa sâu sắc. Vì vậy, nhiều trường hợp tại phiên Tòa bị cáo, người bào chữa đưa ra những chứng cứ gỡ tội, những tình tiết giảm nhẹ yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp thì Kiểm sát viên lúng túng.

Nhiều bản cáo trạng chỉ căn cứ lời khai của người bị hại (như kết luận điều tra) để kết tội bị can mà không xem xét các chứng cứ khác như lời khai của bị can và những người làm chứng khác, các tài liệu đồ vật, vật chứng thu được, nhất là các tài liệu, dấu vết thu lượm tại hiện trường, các dấu vết thương tích trên cơ thể nạn nhân... để xem xét, phân tích, đánh giá, kết luận. Bởi vì một nguyên tắc có tính chất kinh điển mà bất cứ khoa học pháp lý quốc gia nào cũng thừa nhận là: *lời khai của người bị hại chỉ được coi là chứng cứ khi lời khai đó phù hợp với các chứng cứ khác như lời khai của bị can, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, vật chứng khác của vụ án*. Đồng thời khi đã có đủ chứng cứ chứng minh các lời khai và các

vật chứng phù hợp, thì cũng phải xem xét với hành vi đó đã cấu thành tội phạm cụ thể chưa?

Việc chỉ dựa vào lời khai của bị can để xây dựng bản cáo trạng mà không chú ý xem xét các chứng cứ khác làm cho bản cáo trạng không phản ánh đúng thực tế của vụ án.

Hai là, chưa chú trọng việc phân tích, đánh giá các chứng cứ. Nhiều bản cáo trạng chỉ mô tả hành vi phạm tội của bị can, ít quan tâm đến trích dẫn các tài liệu chứng cứ để chứng minh (*như các bút lục*). Có bản cáo trạng chỉ tập trung phân tích hành vi phạm tội của bị can này, để lọt các bị can khác, nhưng khi viện dẫn chứng cứ để chứng minh (các bút lục có trong hồ sơ) lại nêu ở phần "*tang vật thu giữ*". Bên cạnh đó, có bản cáo trạng trong quá trình mô tả hành vi phạm tội không trích dẫn bút lục mà sau khi mô tả mới trích dẫn các bút lục, làm cho bản cáo trạng có bố cục không hợp lý, không logic và rất dài dòng. Cũng có bản cáo trạng, do nghiên cứu hồ sơ không kỹ, quan điểm đánh giá chứng cứ không toàn diện nên dẫn đến để lọt tội.

Ba là, phần trách nhiệm dân sự nêu còn quá sơ sài. Đây là thiếu sót của bản cáo trạng và bản kết luận điều tra. Bản cáo trạng chỉ mới tập trung làm rõ các nội dung về hình sự, còn về dân sự thì nêu rất sơ sài. Vì vậy, trong thực tiễn nhiều trường hợp phải hủy để điều tra xét xử lại.

Bốn là, phần kết luận và quyết định của cáo trạng thiếu những nội dung quan trọng.

Nhiều bản cáo trạng trong phần kết luận không nêu rõ một cách tổng hợp, ngắn gọn hành vi phạm tội của bị can như hướng dẫn đã đề cập, không nêu rõ tội danh và điều khoản của BLHS cần áp dụng mà viết luôn lý lịch bị can sau đó mới tổng hợp hành vi phạm tội của bị can. Khi kết luận hành vi phạm tội của bị can lại không nêu rõ khoản của điều luật áp dụng. Những bản cáo trạng như vậy làm cho người đọc không hiểu bị can bị Viện kiểm sát truy tố về tội gì.

Nhiều bản cáo trạng trong phần kết luận như bản luận tội. Ví dụ, "*Bị can Nguyễn Văn Hùng là một công dân có trình độ hiểu biết pháp luật, nhận*

thức rõ hậu quả do mình gây ra, nhưng bất chấp mọi quy định của pháp luật, bị can cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng và thể hiện quyết tâm rất cao. Do đó, cần phải có biện pháp trừng trị một cách nghiêm khắc đối với người thực hiện hành vi này". Trong khi đó, có bản cáo trạng không nêu bị can hiện có bị tạm giam hay tại ngoại, nếu đang bị tạm giam thì đang tạm giam ở đâu. Ngược lại, có bản cáo trạng nêu quá cụ thể như: lệnh tạm giam theo lệnh số nào và Viện kiểm sát phê chuẩn ra sao... nêu như vậy là không cần thiết.

Về lý lịch của bị can đã được VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) có Thông tư liên ngành số 03/TTLN ngày 20-6-1992 hướng dẫn rất cụ thể về xác minh lý lịch bị can, bị cáo nhưng trong thực tiễn có trường hợp Kiểm sát viên chưa chú ý kiểm tra xem Cơ quan điều tra đã xác minh kỹ chưa, nếu chưa rõ thì yêu cầu xác minh tiếp. Có trường hợp nêu địa chỉ không đúng, hoặc lấy tên người khác nhưng việc xác minh cũng rất sơ sài, không cụ thể dẫn đến kết luận không đúng, người này có hành vi phạm tội lại kết luận cho người khác.

Về tình tiết hoàn cảnh gia đình cũng được hướng dẫn rất chi tiết, nhưng cáo trạng lại không đề cập cụ thể, không chính xác nhất là bị can có vợ con như thế nào, các con bao nhiêu tuổi, người nhà trong gia đình có được hưởng huân chương và các danh hiệu Nhà nước phong tặng không. Hoặc các tình tiết về tiền sự, tiền án... đây là các tình tiết quan trọng liên quan đến xác định việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, nhưng Kiểm sát viên không chú ý.

Có nhiều bản cáo trạng, trong phần ghi nơi nhận không đúng, chưa đầy đủ các thông tin ở mục này. Có bản cáo trạng ghi nơi gửi không chính xác như: cấp ủy địa phương, chính quyền địa phương...

Có bản cáo trạng, trong phần kết luận có viện dẫn điều luật áp dụng đối với bị can, nhưng không viện dẫn khoản của điều luật có cấu thành cơ bản. Viện dẫn như vậy là chưa đúng với các quy định của pháp luật.

Điều đáng quan tâm là hiện nay nội dung bản cáo trạng ít được đề cập đến trách nhiệm dân sự. Nhiều trường hợp Kiểm sát viên chỉ chú ý đến việc

xem xét trách nhiệm hình sự, còn trách nhiệm dân sự thì ít được chú ý. Nguyên nhân của tình trạng trên là hướng dẫn của Viện kiểm sát tối cao về xây dựng bản cáo trạng không đề cập nội dung này. Đây là thiếu sót cần khắc phục trong thời gian tới.

Thứ ba, những vi phạm trong luận tội

Điều 23 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự năm 2007 của VKSND tối cao đã quy định về trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc xây dựng và trình bày bản luận tội tại phiên tòa:

1. Trước khi tham gia phiên tòa Kiểm sát viên phải viết bản dự thảo luận tội theo mẫu hướng dẫn của VKSND tối cao. Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, bản dự thảo luận tội của Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo Viện cho ý kiến.
2. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phải ghi chép những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để bổ sung và sửa chữa bản dự thảo luận tội.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi Kiểm sát viên trình bày luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về khoản khác với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố. Luận tội của Kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa.

- Hạn chế, thiếu sót của luận tội

+ Do việc nghiên cứu hồ sơ không kỹ nên nhiều bản luận tội viện dẫn các chứng cứ - chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội còn sơ sài. Trong lúc đó nhiều bản luận tội còn quá nhấn mạnh việc miêu tả hành vi phạm tội nhưng viện dẫn chứng cứ để chứng minh không đầy đủ và không chặt chẽ nên sức thuyết phục không cao. Thực hiện cơ chế từ "chuyên khâu" sang "thông khâu" đã tạo điều kiện ban đầu cho các Kiểm sát viên nắm chắc hồ sơ vụ án từ giai đoạn điều tra ban đầu cho đến khi THQCT và kiểm sát XXST. Tuy nhiên,

nhiều trường hợp Kiểm sát viên nghiên cứu không kỹ, không nắm chắc các chứng cứ nên khi luận tội chưa chặt chẽ.

+ Về hình thức, nhiều bản luận tội có kết cấu không theo mẫu do Viện kiểm sát tối cao quy định. Có bản luận tội không phân tích, đánh giá chứng cứ để chứng minh tội phạm, chưa thật sự đưa ra các luận cứ, quan điểm của Viện kiểm sát về vụ án. Có bản luận tội chuẩn bị sẵn, không chú ý kết quả thẩm vấn công khai tại Tòa án để bổ sung vào lập luận của mình. Thậm chí có bản luận tội được chuẩn bị một cách sơ sài bằng cách gạch đầu dòng, không lập luận, phân tích, chứng minh. Do vậy, đã có trường hợp, quá trình điều tra bị can chỉ khai nhận một phần hành vi phạm tội của mình, mặc dù có đầy đủ chứng cứ để kết tội, cho nên Kiểm sát viên đã chuẩn bị bản luận tội và sơ bộ kết luận theo hướng bị cáo ngoan cố không thành khẩn nhận tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa, với các chứng cứ được chứng minh nên bị cáo đã thành khẩn nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Thế nhưng tại phiên tòa, Kiểm sát viên không chú ý ghi chép đầy đủ về lời khai nhận tội của bị cáo nên vẫn trình bày một cách "cứng nhắc" trên cơ sở bản luận tội đã được chuẩn bị sẵn để kết luận bị cáo ngoan cố. Sự chuẩn bị thiếu cẩn trọng này đã làm cho người nghe rất bất bình, gây cười cho mọi người tham dự phiên tòa về cách làm việc thiếu trách nhiệm của Kiểm sát viên.

+ Phương pháp luận tội còn yếu. Muốn cho bản luận tội có tính thuyết phục người nghe, thì bản luận tội đó phải kết hợp giữa phân tích và chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Nhiều bản luận tội chưa chú ý phân tích và viện dẫn chứng cứ chứng minh, hoặc chứng minh không chặt chẽ. Đồng thời, nhiều bản luận tội chưa chú ý vận dụng các căn cứ pháp luật để phân tích các cấu thành tội phạm cho phù hợp với hành vi phạm tội cụ thể. Việc phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, các tình tiết về nhân thân còn sơ sài, có bản luận tội còn quên không ghi các tình tiết này. Những bản luận tội này thường "*khô cứng*", không những tính thuyết phục không cao mà còn có lúc lại phản tác dụng. Bởi vì những thiết sót, sơ hở của bản luận tội là cơ sở để bị cáo,

người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác căn cứ vào đó để phản bác bản luận tội.

+ Công tác tuyên truyền còn hạn chế. Những tồn tại thiếu sót trên đây của bản luận tội đều có ảnh hưởng nhất định đến yêu cầu tuyên truyền của bản luận tội. Bản luận tội mà không phân tích, chứng minh hành vi phạm tội một cách logic, chặt chẽ, có tình có lý thì sẽ "*không tâm phục khẩu phục*", như vậy, tác dụng giáo dục thuyết phục sẽ rất hạn chế. Một số bản luận tội phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, phân tích những nguyên nhân, điều kiện phạm tội không sát với thực tế... nên tác dụng tuyên truyền giáo dục pháp luật không cao.

Thứ tư, vi phạm trong xây dựng đề cương xét hỏi

Theo quy định tại Điều 22 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự năm 2007 của VKSND tối cao:

1. Việc tham gia xét hỏi là bắt buộc đối với Kiểm sát viên. Trước khi tham gia phiên tòa Kiểm sát viên phải dự thảo đề cương tham gia xét hỏi và những nội dung cần làm sáng tỏ, dự kiến các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa để tham gia xét hỏi nhằm xác định sự thật của vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến việc định tội và đề xuất hình phạt. Chú ý các mâu thuẫn và cách xét hỏi để giải quyết các mâu thuẫn, để bác bỏ những lời chối tội không có cơ sở; dự kiến nội dung bào chữa và chuẩn bị các câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề mà người bào chữa quan tâm...

Như vậy, theo quy định của pháp luật thì xét hỏi tại phiên tòa là trình tự bắt buộc và quan trọng của tố tụng hình sự. Muốn cho việc xét hỏi tại phiên tòa có kết quả tốt thì Kiểm sát viên phải chuẩn bị kỹ về nội dung. Trong quá trình THQCT, kiểm sát điều tra, Kiểm sát viên đã nắm chắc các tình tiết của vụ án, nắm chắc thái độ khai báo của bị can, người bị hại, người làm chứng, bị đơn dân sự, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên có điều kiện trong việc dự kiến các tình huống xảy ra tại phiên tòa. Vì vậy, trên cơ sở kết quả THQCT, kiểm sát điều tra vụ án, qua nghiên cứu hồ

sơ vụ án, xem xét tại chỗ các vật chứng, gặp bị can, người bị hại, người làm chứng, bị đơn dân sự, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nghiên cứu các dư luận báo chí, các khiếu nại tố cáo của đương sự... Kiểm sát viên cần dự báo bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham dự phiên tòa khác nhau sẽ khai báo như thế nào để chuẩn bị các câu hỏi. Trong đó, Kiểm sát viên hết sức chú ý dự báo có thể bị cáo sẽ chối tội, phản cung như thế nào, người làm chứng sẽ khai khác với trước đây ra sao, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự sẽ tập trung xét hỏi những vấn đề gì để gỡ tội cho bị cáo. Có thể nói, dự báo chính xác diễn biến phiên tòa là nhân tố quyết định sự thành công của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Muốn dự báo tốt thì Kiểm sát viên không những phải nghiên cứu nắm chắc hồ sơ, chứng cứ vụ án mà còn phải am hiểu các dư luận xã hội (các thông tin đại chúng, ý kiến của các cơ quan tổ chức, các khiếu nại, tố cáo) đối với việc đưa vụ án ra xét xử. Thực tiễn cho thấy, có nhiều vụ án, do nắm chắc nội dung vụ án, nắm chắc các khiếu nại của bị cáo, người bị hại, nắm chắc dư luận báo chí về vụ án nên Kiểm sát viên đã dự kiến tốt các tình huống xảy ra tại phiên tòa (bị cáo sẽ chối tội như thế nào, luật sư sẽ phản bác luận tội ra sao, người làm chứng sẽ thay đổi lời khai như thế nào) từ đó đặt ra những câu hỏi sát với tình hình. Tuy nhiên, cũng có trường hợp, Kiểm sát viên chuẩn bị không cụ thể, chỉ chú ý nghiên cứu vụ án mà không quan tâm đến dư luận xã hội nên tại phiên tòa có nhiều tình tiết mới khi người bào chữa đưa ra Kiểm sát viên sẽ bị động. Bên cạnh những cố gắng thời gian qua trong việc xây dựng đề cương xét hỏi tại phiên tòa, nhiều Kiểm sát viên chưa chuẩn bị tốt đề cương xét hỏi. Có trường hợp do Kiểm sát viên chuẩn bị không tốt nên khi bị cáo, người bị hại, người làm chứng khai khác với nội dung tại cơ quan điều tra thì Kiểm sát viên lúng túng.

Thứ năm, hạn chế, thiếu sót trong tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên

Vấn đề đối đáp được BLTTHS năm 2003 quy định có nhiều điểm mới so với BLTTHS năm 1988. Nếu như Điều 192 BLTTHS 1988 quy định

"Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác nhưng chỉ được phát biểu một lần đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý", thì Điều 218 BLTTHS năm 2003 lại quy định: Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày không hạn chế số lần trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên; Kiểm sát viên phải đối đáp với từng ý kiến; chủ tọa phiên tòa cần tạo điều kiện cho những người tham gia phiên tòa tranh luận; trong trường hợp Kiểm sát viên không tranh luận thì chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị Kiểm sát viên đáp lại những ý kiến của những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy, trách nhiệm của Kiểm sát viên theo BLTTHS năm 2003 trong tranh luận đối đáp là rất nặng nề. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc đối đáp cũng còn nhiều thiếu sót tồn tại. Nhiều vụ án chưa được xét xử một cách khách quan, oan sai vẫn còn xảy ra. Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ không kỹ, luận tội thì chuẩn bị sơ sài, ra phiên tòa bị cáo không nhận tội, thay đổi lời khai, người bào chữa phản bác các tình tiết của vụ án mà cáo trạng đã nêu. Kiểm sát viên không xét hỏi, không tranh luận mà cho rằng giữ nguyên quan điểm như cáo trạng. Do vậy, dư luận xã hội cho đây là cách xét xử theo kiểu án bỏ túi. Cách xét xử như vậy đã làm mất tính dân chủ, khách quan của quá trình xét xử và như vậy bản án không thể là một phán quyết chính xác được.

Trong quá trình xét xử vụ án hình sự, Kiểm sát viên là người thay mặt Nhà nước có quyền buộc tội bị cáo. Tuy nhiên, Kiểm sát viên cũng có nghĩa vụ trả lời các ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng về những nội dung buộc tội của Kiểm sát viên. Đây là nhiệm vụ của Kiểm sát viên đã được luật quy định.

Việc đối đáp của Kiểm sát viên đối với các ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng là nhằm làm rõ sự thật các tình tiết của vụ án, góp phần cùng Tòa án ra bản án chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội. Xác định đúng mục đích đối đáp không chỉ giúp cho Kiểm sát viên mà cả những người tham gia tố tụng như: bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác

phải luôn luôn có tinh thần tôn trọng sự thật, khách quan khi đưa ra ý của mình cũng như khi trả lời, đối đáp lại các ý kiến đó. Việc hỏi và trả lời dù nhiều hay ít, dù địa vị pháp lý người trả lời và đối đáp như thế nào cũng phải tôn trọng sự thật khách quan, tuyệt đối không được suy luận chủ quan.

Người trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên cũng phải xuất phát từ các tình tiết của vụ án và phải thật sự khách quan, cầu thị và có thái độ hợp tác với các cơ quan bảo vệ pháp luật để xử lý vụ án chính xác kịp thời. Kiểm sát viên trả lời, đối đáp với các ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng cũng hết sức khách quan, cầu thị. Những ý kiến của người tham gia tố tụng đưa ra nếu có căn cứ, thì Kiểm sát viên nghiên cứu kỹ và đề nghị HĐXX xem xét quyết định, bảo đảm đúng quy định của pháp luật. *Ví dụ:* Nếu người bào chữa thấy vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội, Kiểm sát viên thấy ý kiến đó có căn cứ, thì Kiểm sát viên đề nghị HĐXX trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung. Nếu ý kiến của người tham gia tố tụng không có căn cứ, thì Kiểm sát viên phải phân tích, đánh giá, kết luận có lý, có tình để thuyết phục họ.

Thực tiễn có nhiều trường hợp do không xác định được mục đích của việc trả lời đối đáp, coi đây là vấn đề được thua, nên người đưa ra ý kiến và người trả lời, đối đáp thiếu bình tĩnh, có những lời lẽ thiếu xây dựng. Trong các trường hợp này việc người đưa ra ý kiến cũng như người trả lời thường không khách quan. Có trường hợp bị cáo đưa ra các tài liệu chứng minh mình vô tội, nhưng không được Kiểm sát viên xem xét một cách thận trọng. Như vậy, mục đích làm rõ sự thật các tình tiết của vụ án trong việc đối đáp sẽ không thực hiện được.

Theo quy định của BLTTHS, thì Kiểm sát viên bình đẳng với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng trong việc đưa ra các chứng cứ, đồ vật và đưa ra các nội dung tranh luận (Điều 19 BLTTHS). Trong quá trình xét xử vụ án hình sự, Kiểm sát viên là người thay mặt Nhà nước buộc tội bị cáo, có trách nhiệm kiểm sát việc chấp hành pháp luật đối với những người tham gia tố tụng. Do vậy, nếu không xác định nguyên tắc bình đẳng về việc

đưa ra chứng cứ sẽ rất dễ phát sinh bất bình đẳng giữa Kiểm sát viên với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Trong thực tế đã có Kiểm sát viên dùng các lời lẽ gay gắt, thậm chí quát nạt... với bị cáo, người bào chữa. Đây là hành vi không tôn trọng quyền bào chữa của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

Tóm lại, qua thực tế xét xử cho thấy, hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm vẫn còn tình trạng không tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật về xây dựng cáo trạng, bản luận tội, đề cương xét hỏi, đối đáp tranh luận. Hiện tượng này xảy ra phổ biến ở tất cả các địa phương trên phạm vi toàn quốc. Nguyên nhân chính là do sự cầu thả, thiếu trách nhiệm của một bộ phận Kiểm sát viên trong thực hiện chuyên môn nghiệp vụ.

** Về số lượng án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung*

Tỷ lệ án Tòa án trả để điều tra bổ sung là tiêu chí quan trọng đánh giá trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Qua đó phản ánh chất lượng của hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm. Tỷ lệ này tỷ lệ nghịch với chất lượng THQCT của Kiểm sát viên. Số lượng án Tòa án trả càng nhiều thì chất lượng THQCT càng thấp và ngược lại, số lượng án Tòa án trả càng ít thì chất lượng THQCT càng được đảm bảo. Trong 5 năm qua (từ 2013-2017), tỷ lệ trung bình về lượng án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung về cơ bản đều đáp ứng được chỉ tiêu của Ngành đề ra (4,4% so với $\leq 6\%$). Riêng năm 2015, chỉ tiêu này không đạt được (7,6% so với $\leq 6\%$) [122]. Mặc dù đáp ứng được chỉ tiêu của Ngành nhưng số lượng xảy ra vẫn còn rất lớn, bình quân mỗi năm khoảng 2.760 vụ [122]. Để tránh lạm dụng việc trả hồ sơ từ phía Tòa án, kéo dài thời hạn giải quyết án, BLTTHS năm 2003 đã quy định về căn cứ để Tòa án trả hồ sơ như sau:

a. Khi cần xét xét thêm những chứng cứ quan trọng với vụ án mới không thể bổ sung tại phiên tòa được;

b. Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác;

c. Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (Điều 179).

Qua thực tiễn xét xử có thể khái quát những tác trách, thiếu trách nhiệm của Kiểm sát viên dẫn đến hậu quả Tòa án trả hồ sơ như sau: có những bản cung không ghi rõ ngày, giờ, địa điểm và chữ ký bắt buộc. Có trường hợp thời gian hỏi cung diễn ra trước ngày khởi tố vụ án. Điều này làm cho dư luận nghi ngờ về việc người tiến hành tố tụng yêu cầu bị can, bị cáo ký không vào bản cung. Hỏi cung người chưa thành niên phạm tội nhưng không có mặt người đại diện hợp pháp của họ. Xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, không tổng đạt các quyết định theo quy định cho bị can (cáo trạng). Không có kết quả giám định (về giá trị tài sản, thương tích...). Các lời khai có mâu thuẫn nhưng không tiến hành đối chất, thiếu chứng cứ buộc tội. Định tội sai do không hiểu rõ cấu thành tội phạm trong Luật Hình sự... Để xảy ra tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, trách nhiệm đầu tiên thuộc về Kiểm sát viên. Một bộ phận Kiểm sát viên chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong tình hình mới. Thiếu tinh thần trách nhiệm với công việc được giao. Quá tin tưởng và dễ dãi đối với kết quả hoạt động điều tra của cơ quan điều tra. Bên cạnh đó có sự buông lỏng công tác chỉ đạo điều hành của một số lãnh đạo VKSND đối với hoạt động THQCT của Kiểm sát viên. Ngoài ra, pháp luật chưa quy định một cách cụ thể, rõ ràng về căn cứ trả hồ sơ: phạm một tội khác. Tội khác ở đây là phạm một tội mới hay là hành vi bị truy tố cấu thành tội khác. Điều này cần phải được hướng dẫn cụ thể và thống nhất. Ngoài ra, khoản 1 - Điều 179 quy định về căn cứ để Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, nhưng khoản 2 - Điều 179 lại quy định: Trong trường hợp VKSND không bổ sung được những vấn đề mới Tòa án yêu cầu bổ sung và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Quy định này đã làm triệt tiêu yêu cầu của Tòa án được quy định tại khoản 1, không phát huy được tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên, chỉ làm kéo dài thời gian giải quyết án, đi ngược với nguyên

tắc nhanh chóng, kịp thời trong tố tụng hình sự, không đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp. Luật chỉ nên quy định trường hợp duy nhất Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là khi phát hiện có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và những vi phạm đó cản trở việc xét xử của Tòa án (ví dụ: Viện kiểm sát chưa tổng đạt cáo trạng cho bị cáo). Còn vấn đề chứng cứ không phải là vấn đề quan tâm của Tòa án, vì người phải quan tâm về việc này chính là Kiểm sát viên. Nếu Kiểm sát viên không có đủ chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội thì Tòa án sẽ tuyên bị cáo không phạm tội.

** Sự thuần thực kỹ năng nghiệp vụ*

Bên cạnh những kết quả đạt được trên đây, một số Kiểm sát viên khi tranh tụng với luật sư còn có những lập luận chưa thuyết phục, còn né tránh. Có một số trường hợp Kiểm sát viên ngại tranh luận ngay cả khi được Chủ tọa phiên tòa yêu cầu tranh luận. Tương tự, Kiểm sát viên không tích cực tranh luận với luật sư, hoặc không phản bác được ý kiến của luật sư, bị cáo nên những kiến nghị của Kiểm sát viên không được Hội đồng xét xử chấp thuận. Có Kiểm sát viên không biết cách trình bày luận điểm một cách khoa học, lúng túng trong cách lập luận, sử dụng từ ngữ và thuật ngữ pháp lý không chuẩn xác, dẫn tới hiệu quả tranh luận không cao. Phong cách, thái độ của một số Kiểm sát viên khi tranh luận còn tỏ ra lo lắng, thiếu bình tĩnh, dẫn đến hạn chế khả năng tranh luận. Khi luật sư đưa ra ý kiến phản bác những chứng cứ buộc tội của Kiểm sát viên nhưng Kiểm sát viên không thể đưa ra lời lẽ đối đáp, cuối cùng chỉ nói rằng Viện kiểm sát “giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng” mà không có lời giải thích thỏa đáng.

Một số trường hợp, do không nắm vững các qui định của pháp luật hình sự nên Kiểm sát viên không đủ lý lẽ để tranh luận vấn đề thường hay có vướng mắc về nhận thức giữa luật sư Kiểm sát viên như nhận định về tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ”, “phạm tội chưa đạt”, “tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội” hay vấn đề “trách nhiệm hình sự trong các trường hợp có sai lầm” [97]. Những phân tích, đánh giá của Kiểm sát viên về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không sát với thực tế. Ví dụ có trường hợp

Kiểm sát viên phân tích tính chấp hành vi phạm tội của bị cáo là mức độ rất nghiêm trọng nhưng lại đề nghị mức án nhẹ, hoặc đánh giá bị cáo cần cách ly ra khỏi xã hội mới đủ tác dụng giáo dục nhưng lại đề nghị tòa xử tù nhưng cho hưởng án treo. Một số Kiểm sát viên chưa thuần thực kỹ năng thực hành quyền công tố như chưa chú ý trao đổi kỹ năng khi trình bày bản luận tội, cách diễn đạt quan điểm, luận điểm khi đối đáp. Do đó, một số vụ án so thẩm hình sự, Kiểm sát viên rất khó khăn khi bảo vệ quan điểm truy tố của Viện kiểm sát trong cáo trạng.

Một số Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố còn có tâm lý áp đặt, coi mình có quyền năng cao hơn bị cáo, chưa tuân thủ triệt để các nguyên tắc tranh tụng. Thậm chí, một số Kiểm sát viên thiếu tôn trọng Hội đồng xét xử và bị cáo nên đưa ra câu hỏi có tính chất mớm cung, ép cung. Có Kiểm sát viên làm nhiệm vụ truy tố hỏi đôi co hay thẩm vấn bị cáo theo hướng bất lợi cho họ mà không phải căn cứ chứng cứ có được tại phiên tòa. Ở một số phiên tòa, khi xét hỏi có trường hợp Kiểm sát viên đưa ra những câu hỏi khó hiểu, hoặc có thể dẫn đến nhiều cách hiểu, hoặc vừa hỏi vừa giải thích làm cho các đối tượng tham gia xét hỏi khó trả lời.

Một số Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố chưa quán triệt các nguyên tắc bảo đảm các quyền con người đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và những yêu cầu của cải cách tư pháp. Theo đó, trên phương diện pháp lý, bản luận tội của Viện kiểm sát không nhất thiết chỉ đi theo hướng buộc tội bị cáo mà còn tính toán, xem xét đến những chứng cứ, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và những yếu tố gỡ tội cho bị cáo. Tuy nhiên, thực tiễn thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại nhiều phiên tòa, khi xét hỏi và tranh luận, Kiểm sát viên có xu hướng và nặng về tâm lý buộc bị cáo, chưa quán triệt nguyên tắc suy đoán vô tội theo tinh thần Hiến pháp mới, chưa căn cứ vào những diễn biến tại phiên tòa để từ đó Kiểm sát viên có thể rút truy tố hoặc chuyển tội danh, chuyển khung hình phạt nhẹ hơn cho bị cáo.

Một số Kiểm sát viên do chưa thu xếp thời gian tổng hợp chứng cứ, sắp xếp chứng cứ theo diễn biến khách quan của hành vi phạm tội trong hồ sơ vụ

án nên khi xét hỏi bị cáo và tranh luận đưa ra những chứng cứ mâu thuẫn, chứng cứ không có tính thuyết phục; thực hiện đánh giá các chứng cứ thiếu chứng cứ; Kiểm sát viên chưa dự liệu các tình huống, bị cáo phản cung, chối tội... tại một số phiên tòa, có trường hợp Kiểm sát viên không nghiên cứu kỹ hồ sơ, vì vậy khi người tham gia tranh tụng đưa ra những chứng cứ trong hồ sơ để dùng làm cơ sở cho quan điểm của họ thì Kiểm sát viên nắm không vững chứng cứ đó, không rõ chứng cứ này tại bút lục bao nhiêu, nội dung của nó và nó có ý nghĩa gì trong việc giải quyết vụ án...do vậy Kiểm sát viên không thể đối đáp lại ý kiến của những người tham gia tranh tụng. Thái độ này của Kiểm sát viên gây bức xúc cho người tham gia tranh tụng nên họ yêu cầu Kiểm sát viên phải đối đáp lại, làm rõ thêm, gây căng thẳng trong tranh luận tại phiên tòa [97].

Nhiều vụ án hình sự sơ thẩm, Kiểm sát viên không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, câu hỏi hoặc dễ dãi. Do vậy, Kiểm sát viên không hệ thống được đầy đủ các chứng cứ, chuẩn bị đề cương thẩm vấn không đúng trọng tâm, chuẩn bị dự thảo luận tội không kỹ. Lúc thực hiện nhiệm vụ công tố, đối đáp căng thẳng, có Kiểm sát viên không giữ được bình tĩnh lại nóng nảy, đôi co không cần thiết với bên gỡ tội.

Mặc dù VKSND đã có nhiều cố gắng phấn đấu để đạt được những kết quả như đã nêu trên nhưng vẫn còn bộc lộ một số tồn tại và thiếu sót trong THQCT nên chất lượng THQCT chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót

Những tồn tại hạn chế nêu trên của Kiểm sát viên VKSND trong hoạt động THQCT tại phiên tòa XXST các vụ án hình sự trong thời gian qua có nhiều nguyên nhân. Trong đó, có cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, song có những nguyên nhân cơ bản sau:

**** Nguyên nhân khách quan***

Một là, hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan chưa thực sự cụ thể, đồng bộ, hoàn chỉnh, thống nhất và phù hợp.

Hai là, mặt trái của kinh tế thị trường tác động làm tha hóa một bộ phận không nhỏ Kiểm sát viên.

Ba là, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc còn thiếu thốn, lạc hậu và một số hiện có đã xuống cấp trầm trọng.

Bốn là, chế độ, chính sách đối với cán bộ tư pháp nói chung, Kiểm sát viên nói riêng chưa tương xứng với yêu cầu về nhiệm vụ, chưa thực sự trở thành động lực cho quá trình thực thi công vụ.

Năm là, các hoạt động tổ tụng khác (điều tra, xét xử) chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới đã ảnh hưởng đến chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

Sáu là, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò của luật sư bào chữa.

** Nguyên nhân chủ quan*

Một là, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế, yếu kém.

Hai là, phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận Kiểm sát viên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn cán bộ thời kỳ mới.

Ba là, đội ngũ Kiểm sát viên còn thiếu so với chỉ tiêu biên chế được giao và yêu cầu của công việc.

Bốn là, bố trí, sử dụng Kiểm sát viên chưa thực sự xuất phát từ yêu cầu công việc và năng lực, sở trường.

Năm là, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo VKSND các cấp chưa thực sự sát sao, kịp thời, đôi khi còn buông lỏng.

Tiểu kết chương 3

1. Trên cơ sở tổng số biên chế được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao và những nhiệm vụ mới bổ sung theo quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Viện trưởng VKSNDTC đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan tham mưu, rà soát, điều chỉnh, phân bổ lại biên chế phù hợp với VKSND các cấp.

Chủ động tìm nguồn tuyển dụng cán bộ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng. Ban cán sự Đảng, lãnh đạo VKSNDTC đã chỉ đạo toàn Ngành tổ chức thành công 4 kỳ thi, tuyển chọn và bổ nhiệm được 2.085 Kiểm sát viên các ngạch. Công tác đào tạo, bồi dưỡng trong những năm qua có nhiều tiến bộ, tài liệu giảng dạy, bồi dưỡng đang dần hoàn thiện, đáp ứng những yêu cầu mới theo quy định của luật và thực tiễn công tác đặt ra. Kỹ năng nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị của cán bộ Kiểm sát viên được nâng lên, phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ. Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn những hạn chế nhất định: số lượng Kiểm sát viên công tác tại VKSND cấp huyện và cấp tỉnh vẫn còn thiếu nhiều so với chỉ tiêu được giao và yêu cầu của công việc. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận Kiểm sát viên chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Một bộ phận Kiểm sát viên thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật đảng, kỷ luật công vụ, ảnh hưởng đến chất lượng THQCT và uy tín của Ngành.

2. Thực hiện các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp (Nghị quyết số 08 và số 49 của Bộ Chính trị), trong những năm qua, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đã được nâng lên rõ rệt: chất lượng cáo trạng, luận tội được nâng lên một bước đáng kể; đề cương xét hỏi được chuẩn bị chu đáo, công phu nên việc tham gia xét hỏi, đối đáp, tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa được thực hiện một cách chủ động, sắc sảo, góp phần quan trọng và hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cũng phải thẳng thắn thừa nhận hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp còn nhiều hạn chế, thiếu sót, chất lượng và hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay như: chưa tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật; số lượng án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn nhiều; án oan vẫn xảy ra... Nguyên nhân chủ yếu là: các quy định pháp luật có liên quan chưa thực sự hoàn chỉnh, đồng bộ, thống nhất, cụ thể và khả thi; công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo VKSND các cấp có lúc, có nơi còn buông lỏng; đội ngũ Kiểm sát viên làm nghiệp vụ còn thiếu và yếu; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc...

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986), cùng với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thời gian qua, Đảng đã ban hành và triển khai tổ chức thực hiện nhiều nghị quyết liên quan đến cải cách hệ thống tư pháp, trong đó nêu ra phương hướng đổi mới về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, thẩm quyền và công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp nói chung và VKSND nói riêng.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, thời gian qua các cơ quan tư pháp nói chung và VKSND nói riêng đã có rất nhiều cố gắng trong công tác và cũng đã đạt được những kết quả khả quan trong quá trình hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, qua tổng kết hoạt động của các cơ quan tư pháp cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung và hoạt động THQCT, kiểm sát các hoạt động tư pháp nói riêng trong đó có hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã chỉ rõ: "Chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với nhu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội; vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và với các cơ quan tư pháp" [39]. Do đó, để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động THQCT

của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng cần phải quán triệt các quan điểm của Đảng sau đây:

4.1.1. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải gắn liền với mục tiêu, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp

Mục tiêu, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện ở nhiều văn kiện, nghị quyết nhưng tập trung nhất là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/02/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005 về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI của Đảng; Kết luận số Số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII của Đảng...

Quán triệt các quan điểm trên đây của Đảng về cải cách tư pháp, bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải không ngừng phát huy và bảo đảm Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố. Đảng ta nhấn mạnh “Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp” [39]. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự góp phần thực hiện mục tiêu chung là “nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội” [39]. Đồng thời, nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải không ngừng đề cao và phát huy trách nhiệm trước hết của các kiểm sát viên làm nhiệm vụ tại phiên tòa, trách nhiệm của Viện kiểm sát đang thực hiện chức năng công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự. Nếu chủ thể thực hành quyền công tố không hoàn thành nhiệm vụ được giao, có

hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; lợi ích của Nhà nước và vi phạm quy tắc nghề nghiệp đều bị xử lý trước pháp luật. Không chỉ dừng lại ở xử lý những hành vi vi phạm pháp luật của kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, kiểm sát viên còn có trách nhiệm góp phần “xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ” [39].

Một trong những nội dung, yêu cầu trong cải cách tư pháp của Đảng ta khi bàn về chức năng của Viện kiểm sát và chức năng thực hành quyền công tố là “nâng cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...”. Do vậy, bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải có những biện pháp trước mắt và lâu dài đáp ứng mục tiêu chung phát huy dân chủ tại phiên tòa, thực hành nguyên tắc tranh tụng giữa các bên. Tại phiên tòa hình sự kiểm sát viên phải phát huy tính tích cực, chủ động, không ngừng nâng cao kỹ năng, năng lực thực hành quyền công tố.

Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự không chỉ là những quyết tâm chính trị của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành mà cần phải tạo lập một khuôn khổ pháp lý vững chắc để trên cơ sở đó, một mặt, bảo đảm Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng quyền công tố; mặt khác, kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ công tố có địa vị pháp lý vững chắc để thay mặt, nhân danh Nhà nước thực hành tốt quyền công tố trước tòa. Do vậy, cần phải *“hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân* theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp...” [40]. Cùng với đó, công tác tổ chức hệ thống viện kiểm soát các cấp cũng phải được chú trọng: “tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trong viện kiểm sát các cấp để thực hiện tốt chức năng công tố...” [39]. Bên cạnh đó, để kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, để Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố

cần phải bảo đảm tốt hơn các điều kiện để viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Quán triệt các chủ trương cải cách tư pháp, kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nhấn mạnh “hoàn thiện cơ chế quản lý tổ chức, cán bộ, cơ sở vật chất, cơ chế phân bổ ngân sách của tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp; chuẩn bị những nội dung có liên quan đến việc đổi mới, kiện toàn tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp và cải cách tư pháp giai đoạn 2016 - 2020...”.

Viện kiểm soát có hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự cần phân định rõ ràng giữa hai chức năng. Đồng thời, thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu “xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người” [42]. Vị trí, chức năng của Viện kiểm soát tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra. Như vậy, bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự đòi hỏi các cán bộ, kiểm sát viên phải tích cực, chủ động phát huy đầy đủ trách nhiệm khi tham gia vào hoạt động thực hành quyền công tố.

4.1.2. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải gắn với việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng

Ở bất kỳ mô hình tố tụng hình sự nào, tranh tụng, thẩm vấn hay đan xen thì hoạt động tranh tụng đều có ý nghĩa rất quan trọng cho quá trình giải quyết

vụ án hình sự. Kết quả khách quan của hoạt động tranh tụng là cơ sở chủ yếu để hội đồng xét xử đưa ra những phán xét bảo đảm đúng sự thật khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bên cạnh đó, hoạt động tranh tụng còn là nơi biểu hiện tập trung nhất tính dân chủ, công bằng và bình đẳng của một nền tư pháp.

Cần mở rộng tối đa hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và điều này đã được Đảng ta khẳng định là khâu đột phá của chiến lược cải cách tư pháp "Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp" [41]. Hoạt động tranh tụng được thực hiện tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm không chỉ thay đổi hoạt động của những người tham gia phiên tòa, tạo điều kiện khách quan nhất, cần thiết nhất cho bản án công minh mà còn tác động lan tỏa tích cực đến các chủ thể tố tụng khác, đến các giai đoạn tố tụng khác, góp phần bảo đảm quyền con người của bị cáo. Phiên tòa sơ thẩm tranh tụng chính là con đường chung nhất để lấy lại niềm tin của người dân về công lý, về cơ quan tố tụng. Tranh tụng là một yêu cầu khách quan, cần thiết để tòa án thực hiện chức năng xét xử của mình một cách tốt nhất. Hiến pháp năm 2013 đã quy định: "nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" (Điều 103 - khoản 5) và cụ thể hóa nguyên tắc hiến định này, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có nhiều quy định bảo đảm tranh tụng trong tố tụng hình sự.

Hoạt động tranh tụng được thực hiện chủ yếu từ hai chủ thể: Kiểm sát viên (bên buộc tội) với luật sư bào chữa (bên gỡ tội). Về lý thuyết, để cho hoạt động tranh tụng có chất lượng, hiệu quả, điều kiện trước hết đó là sự hoạt động tích cực của hai chủ thể này. Các cơ quan có trách nhiệm phải chủ động trong việc xây dựng, đào tạo bảo đảm đủ số lượng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đối với đội ngũ kiểm sát viên, với truyền thống hơn 50 năm kinh nghiệm của ngành đã phát huy được những mặt tích cực, hạn chế những tồn tại, yếu kém. Về cơ bản chủ thể này đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được

giao. Tuy nhiên, trước sự diễn biến ngày càng phức tạp của tình hình tội phạm: sự gia tăng về số lượng; tinh vi, xảo quyệt về thủ đoạn; phức tạp, nghiêm trọng về hành vi và hậu quả; sự đa dạng về chủ thể... thì cán bộ tư pháp nói chung, kiểm sát viên nói riêng cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, uyên thâm về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn đặt ra trong tình hình mới. VKSNDTC phải chủ động, nắm bắt kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ kiểm sát viên theo yêu cầu của cải cách tư pháp.

Đối với đội ngũ luật sư: Nghề luật sư ở Việt Nam vẫn còn rất non trẻ, chỉ thực sự phát triển từ năm 2007, lần đầu tiên Luật luật sư được ban hành và có hiệu lực (1/1/2007). Chính vì vậy, năm 2011, Bộ Tư pháp tổng kết 5 năm thực hiện Luật luật sư thì cả nước mới có khoảng 7.200 luật sư. Trong 7.200 luật sư chỉ có khoảng 1,2% có thể sử dụng ngoại ngữ trong quá trình hoạt động. Theo thống kê của Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, số lượng các vụ án hình sự có sự tham gia của luật sư chỉ chiếm khoảng trên 20%. Chất lượng của đội ngũ luật sư còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp [28]. Chính vì vậy, Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư và các cơ quan có liên quan cần phải kịp thời quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển đội ngũ luật sư: "Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm với luật sư" [41].

4.1.3. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải gắn liền với việc thể hiện tính dân chủ trong quá trình tiến hành tố tụng

Dân chủ là một trong những giá trị hướng tới của lịch sử phát triển xã hội loài người. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của các cuộc cách mạng. Đảng ta, sau khi lãnh đạo nhân dân giành chính quyền luôn coi dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

Mục tiêu phấn đấu đã được Đảng ta xác định: Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp, vấn đề dân chủ luôn luôn được Đảng ta chú trọng. Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị xác định: "Bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước Tòa án". "Đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh".

Dân chủ trong hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động tố tụng hình sự nói riêng nghĩa là khi tham gia hoạt động tố tụng, người tham gia tố tụng có quyền làm tất cả những gì pháp luật không cấm để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tôn trọng và bảo đảm thực hiện vấn đề này. Bình đẳng là một trong những biểu hiện tập trung nhất của tính dân chủ. Trong THQCT, kiểm sát viên và người tham gia tố tụng phải bình đẳng nhau trong mọi hành vi tố tụng từ việc thu thập chứng cứ, cung cấp chứng cứ và tranh luận, đối đáp để bảo vệ quan điểm của mỗi bên. Hội đồng xét xử phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho các bên thực hiện các quyền của mình. Thực tế xét xử thời gian qua cho thấy, từ việc quy định của pháp luật đến diễn biến của phiên tòa, có không ít các trường hợp thể hiện sự yếu thế của người tham gia tố tụng. Các chủ thể tiến hành tố tụng với danh nghĩa công quyền đã lấn át, áp đặt ý chí chủ quan của mình đối với bị cáo, người bào chữa... Có những vụ án, nhiều tình tiết, nội dung chưa được tranh luận để làm rõ sự thật khách quan, mặc dù bị cáo, người bào chữa vẫn mong muốn được tiếp tục tranh luận nhưng không được sự đồng tình của Hội đồng xét xử. Đây cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng oan, sai vẫn diễn ra trong thời gian qua và như vậy không thể nói hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Do đó, để hoạt động tư pháp nói chung và THQCT của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói

riêng bảo đảm chất lượng thì vấn đề dân chủ phải được tôn trọng và bảo đảm thực hiện.

4.1.4. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm sát viên

Đội ngũ cán bộ, công chức có vai trò quyết định đến sự thành, bại cách mạng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nói chung, công chức tư pháp, trong đó có đội ngũ kiểm sát viên cần phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

- Có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc mà mình đảm nhiệm. Năng lực, chuyên môn nghiệp vụ được hình thành trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng; trong thực tiễn công tác và trong đời sống xã hội.
- Tận tâm, mẫn cán với công việc, thể hiện trách nhiệm và đạo đức công vụ trong quá trình thực hiện công việc được giao. Có tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp.
- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật với ý thức tự giác và tinh thần kỷ luật nghiêm minh. Không được làm những điều trái với lương tâm đạo đức và trách nhiệm công vụ.
- Tôn trọng quyền con người, quyền công dân; gần dân, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân.
- gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tự giác rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách, tác phong làm việc.

Tóm lại, đội ngũ kiểm sát viên phải đáp ứng được những tiêu chí mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn.

Mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát đã được Ban cán sự Đảng VKSNDTC xác định tại chuyên đề tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước như sau: Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phấn đấu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành nhằm mục tiêu bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, có ý thức tổ chức kỷ luật, sống và làm việc theo đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành. Cán bộ kiểm sát phải được đào tạo cơ bản về lý luận chính trị, trình độ pháp lý, nghiệp vụ kiểm sát, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đã khẳng định: "Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ, tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh".

Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, trong đó có đội ngũ kiểm sát viên trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ, trách nhiệm và tận tâm với công việc nhằm bảo đảm chất lượng hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động THQCT nói riêng. Bởi vì, bên cạnh phần lớn cán bộ tư pháp có lập trường chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, có vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác... góp phần làm cho chất lượng hoạt động tư pháp được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thì vẫn còn không ít cán bộ tư pháp, trong đó có kiểm sát viên thiếu vững vàng về lập trường chính trị, năng lực công tác kém; một số cán bộ thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu dân... như Đảng ta đã đánh giá: "Đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách

nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử", làm cho hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động THQCT nói riêng còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trên đây, VKSNDTC cần phải chủ động, kịp thời bám sát những quan điểm của Đảng được thể hiện trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI sau đây. Theo đó, Viện Kiểm sát cần tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý cán bộ, công chức; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cán bộ, công chức; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật mất uy tín với nhân dân.'

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP

4.2.1. Hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp

Như đã trình bày tại Chương 2, chất lượng THQCT của Kiểm sát viên nói chung và tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố khách quan đầu tiên là sự hoàn thiện của các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự rất phong phú và đa dạng, bao gồm các văn bản pháp luật liên quan

tới chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của VKSND như: Hiến pháp, Luật Tổ chức VKSND, Pháp lệnh Kiểm sát viên VKSND, Quy chế công tác THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (Quy chế số 960); các văn bản pháp luật về tố tụng hình sự: BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản pháp luật về nội dung như: Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản pháp luật về dân sự, kinh doanh, thương mại, đất đai, lao động, môi trường... và các văn bản về quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực. Trong khuôn khổ của một luận án tiến sĩ Luật không thể đề xuất hoàn thiện tất cả các văn bản pháp luật trên, luận án chỉ tập trung phân tích những bất cập trong các quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm và hướng hoàn thiện các quy định đó theo quan điểm của Đảng trong chiến lược cải cách tư pháp như: bảo đảm nguyên tắc tranh tụng; phân định rành mạch các chức năng của tố tụng hình sự: buộc tội, xét xử, bào chữa và trách nhiệm của từng chủ thể trong việc thực hiện các chức năng đó; bảo đảm quyền bình đẳng và quyền bào chữa của bị can, bị cáo với những người tiến hành tố tụng...

Những nội dung mà luận án phân tích và đề cập về sự bất cập được quy định tại BLTTHS năm 2003, nhưng chưa được sửa đổi hoặc quy định mới trong BLTTHS năm 2015. Do đó, luận án vẫn trích dẫn theo BLTTHS năm 2003 - Bộ luật đang có hiệu lực thi hành. Những quy định bất cập đó gồm:

- Để khẳng định rõ hơn quyền quyết định việc khởi tố vụ án hình sự của Viện Kiểm sát, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố cần bổ sung vào Điều 90 BLTTHS quy định: *"Quyết định không khởi tố vụ án hình sự trong thời hạn 48 giờ phải được gửi cho Viện Kiểm sát cùng cấp để kiểm sát việc khởi tố"*. Đồng thời, nên bỏ quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án mà chỉ quy định cho Tòa án có quyền yêu cầu khởi tố vụ án nếu qua việc xét xử phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải được điều tra bổ sung. Khoản 4 - Điều 153 - BLTTHS năm 2015 vẫn quy định: Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm. Chức năng của

Tòa án là xét xử và Tòa án chỉ có thể thực hiện việc xét xử khi Viện Kiểm sát THQCT; một tội phạm được đưa ra Tòa xét xử phải qua các trình tự khởi tố - điều tra - truy tố - xét xử. Do đó, trong trường hợp Tòa án yêu cầu khởi tố, Viện Kiểm sát có trách nhiệm xem xét, nếu xác định có căn cứ thì Viện Kiểm sát quyết định khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố điều tra. Nếu quy định Tòa án có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự sẽ đồng nghĩa Tòa án đã mặc định trước về một hành vi nào đó là tội phạm, mặc dù tại thời điểm đó chưa được điều tra, truy tố. Điều này rất dễ dẫn đến có thể Tòa án sẽ không thực sự khách quan khi xét xử chính vụ án mà Tòa án đã khởi tố.

- Cần sửa đổi quy định về việc Viện Kiểm sát rút quyết định truy tố. Theo Điều 156 BLTTHS hiện hành thì: "Nếu xét thấy có những căn cứ quy định tại Điều 89 Bộ luật này hoặc khi có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Viện Kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án". Chúng tôi cho rằng, quy định này không phù hợp, không bảo đảm tính độc lập của Viện Kiểm sát trong THQCT, bởi vì khi Viện Kiểm sát rút quyết định truy tố thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc chấm dứt việc THQCT. Do đó, cần phải sửa đổi quy định này theo hướng khi Viện Kiểm sát rút quyết định truy tố thì đồng thời Viện Kiểm sát có quyền đình chỉ vụ án.

Tương tự như vậy, để khẳng định rõ vai trò của Viện Kiểm sát là cơ quan duy nhất THQCT, cũng như vai trò của Tòa án là cơ quan xét xử, cần sửa đổi một số quy định tại Điều 169 của BLTTHS theo hướng: Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, Kiểm sát viên có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố. Trong trường hợp rút toàn bộ quyết định truy tố, vụ án phải được đình chỉ, nếu rút một phần quyết định truy tố thì Tòa án chỉ xét xử phần còn lại.

- Về giới hạn xét xử của Tòa án. Không nên quy định Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật, xử khác với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố (Điều 196 - BLTTHS năm 2003; Điều 298 - BLTTHS năm 2015). Trường hợp Tòa án xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật đã cho phép Tòa án buộc tội theo hướng nặng hơn Viện kiểm sát

đã truy tố, bởi vì mỗi khoản quy định trong Bộ luật Hình sự là một trường hợp phạm tội với những tình tiết định khung khác nhau, với những nội dung cần chứng minh khác nhau. Ví dụ tội cướp tài sản (Điều 133 - Bộ luật Hình sự) có 4 khoản với các tình tiết định khung khác nhau và mức án dao động từ 3 năm tù (khởi điểm khoản 1) đến tử hình (mức tối đa khoản 4). Như vậy, với quy định như hiện nay, Viện kiểm sát truy tố khoản 1, Tòa án vẫn có thể xử theo khoản 4 với tính chất về hình phạt là rất khác nhau (tử hình). Với khung hình phạt tử hình đòi hỏi phải thực hiện quy định riêng về quyền bào chữa. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền bào chữa của bị cáo, bởi vì trước đó bị cáo và người bào chữa đã không chuẩn bị cho tình huống xấu hơn này.

Tương tự như vậy, Tòa án có thể xét xử bị cáo về một tội khác (bằng hoặc nhẹ hơn) tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Quy định này tưởng chừng như bằng hoặc có lợi cho bị cáo, nhưng thực ra là bất lợi cho bị cáo. Vì sẽ xảy ra trường hợp nếu tiếp tục xét xử theo tội danh Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo sẽ được tuyên vô tội vì không đủ chứng cứ. Nhưng khi Tòa án không xử được theo tội Viện kiểm sát đã truy tố, lại chuyển sang xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội đã truy tố, thì bị cáo cũng như người bào chữa cho họ sẽ bị động, bất ngờ, không chuẩn bị trước cho tình huống này nên không bào chữa được, dẫn đến bị cáo bị buộc tội và bị xét xử (bằng hoặc nhẹ hơn là về hình phạt, còn cấu thành tội phạm là hoàn toàn khác biệt với tội Viện kiểm sát đã truy tố). Khi Tòa án xét xử về một tội mà Viện kiểm sát không buộc tội thì bản thân Tòa án đã làm cả chức năng buộc tội, trái với chức năng của Tòa án và cũng trái với chủ trương, quan điểm của Đảng về việc phân định rành mạch các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Hơn nữa, việc xét xử sau tội danh khác đã làm cho Viện kiểm sát không sẵn sàng cho việc tranh tụng, do đó không đảm bảo được nguyên tắc đấu tranh - một nguyên tắc hiến định trong tố tụng hình sự của nước ta.

Trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định của Bộ luật theo hướng cơ bản sau đây:

Phân định rõ chức năng công tố của Viện Kiểm sát và chức năng xét xử

của Tòa án; cải tiến thủ tục tại phiên tòa để bảo đảm sự tranh tụng dân chủ, bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa.

Việc phân định rành mạch chức năng công tố của Viện Kiểm sát và chức năng xét xử của Tòa án là một yêu cầu tối quan trọng của nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động tố tụng hình sự. Không chỉ về lý luận mà cả thực tiễn đã chỉ rõ: không thể có công lý, bình đẳng, không thể có tranh tụng nếu cơ quan xét xử làm cả chức năng buộc tội.

Qua nghiên cứu BLTTHS hiện hành và thực tiễn xét xử các vụ án hình sự ở nước ta cho thấy các phiên tòa thường được diễn ra một chiều theo hướng Tòa án (Hội đồng xét xử) buộc tội bị cáo thay cho Kiểm sát viên. BLTTHS hiện hành có nhiều quy định theo hướng này như: Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm (Điều 10), Tòa án khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật quy định để xác định và xử lý người phạm tội (Điều 13, Điều 104), Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi xét thấy hồ sơ chưa đầy đủ để kết tội bị cáo (Điều 179), Tòa án là chủ thể đầu tiên, chủ động và chủ đạo trong việc xét hỏi bị cáo, người làm chứng, người giám định (Điều 207, 209, 210, 211...), Tòa án có quyền kháng nghị các bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại nếu cho rằng có vi phạm pháp luật (Điều 275, 293...). Các quy định này hoàn toàn xa lạ với pháp luật các nước trên thế giới dù theo mô hình tố tụng thẩm vấn hay tranh tụng, làm lu mờ hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự.

Có thể nói rằng, một phiên tòa công minh là một phiên tòa khám phá đến cùng chân lý, chính xác và phù hợp với thực tế khách quan của vụ án, tôn trọng triệt để các nguyên tắc của pháp luật. Không được phép có bất kỳ định kiến nào với các bên tham gia phiên tòa. Từ một phiên tòa diễn ra một cách công minh sẽ dẫn đến một phán quyết công minh, phù hợp và đúng đắn với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và được quần chúng ủng hộ, đồng tình.

Để bảo đảm phân định rạch ròi chức năng buộc tội và chức năng xét xử, cải tiến thủ tục xét xử bảo đảm sự tranh tụng dân chủ, bình đẳng giữa bên buộc

tội và bên bào chữa, bước đầu, chúng tôi cho rằng cần sửa đổi, bổ sung những quy định sau đây:

- Sửa đổi Điều 13 Bộ luật hiện hành theo hướng: Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm mà chỉ có nhiệm vụ xét xử. Điều 15 - BLTTHS 2015 vẫn quy định nghĩa vụ chứng minh có cả Tòa án nhân dân. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các điều tra viên và Kiểm sát viên. Tòa án chỉ xác định sự thật khách quan của vụ án trên cơ sở các chứng cứ hoặc do các bên đưa ra tại phiên tòa chứ Tòa án không đi tìm sự thật về vụ án.

Bỏ quy định về việc thẩm phán trả hồ sơ để điều tra bổ sung (Điều 179 và Điều 199 - Bộ luật năm 2003 và Điều 280 - Bộ luật năm 2015). Những quy định này được xem như là "đường cứu nạn" cho Kiểm sát viên. Tại khoản 1 - Điều 179 quy định những trường hợp thẩm phán có thể trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng khoản 2 - Điều 179 lại quy định trong trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu bổ sung và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử. Luật đã quy định như vậy thì Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm gì? Rõ ràng là chỉ làm mất thời gian. Chỉ nên quy định trường hợp duy nhất mà thẩm phán có quyền trả hồ sơ yêu cầu bổ sung là khi phát hiện có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và những vi phạm đó cản trở việc xét xử của Tòa án (như Viện kiểm sát chưa tổng đạt cáo trạng cho bị cáo). Còn vấn đề chứng cứ đủ hay chưa đủ, có thể xét xử được hay không, chứng cứ nào là chứng cứ quan trọng của vụ án không phải là sự quan tâm của Tòa án, vì người phải quan tâm về việc này là Viện kiểm sát. Tòa án chỉ quan tâm là Viện kiểm sát có chứng minh được cáo trạng của mình hay không. Ví dụ trường hợp Viện kiểm sát cho rằng đã đủ chứng cứ để chứng minh bị cáo trộm cắp 50 triệu đồng, trong khi đó Tòa án lại cho rằng Viện kiểm sát không chứng minh được (do không đủ chứng cứ) thì Tòa án không cần phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để thu thập thêm chứng cứ bổ sung vì Tòa án không có nghĩa vụ phải chứng minh bị cáo có tội hay vô tội. Trong trường hợp này, Tòa án không còn lựa chọn nào khác là phải tuyên bị cáo vô tội, vì Viện kiểm sát không chứng minh được tội của bị cáo. Không

chứng minh được tội có nghĩa là sự vô tội đã được chứng minh. Tương tự, khi Tòa án thấy Viện kiểm sát chỉ chứng minh được bị cáo trộm cắp 10 triệu đồng chứ không phải 50 triệu đồng như cáo trạng thì Tòa án có thể tuyên bản án kết tội bị cáo về trộm cắp 10 triệu đồng, mà không cần phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Chỉ có thể có phiên tòa hình sự sơ thẩm tranh tụng khi Tòa án trở về vai trò đích thực của nó là trọng tài vô tư khách quan, chỉ xét xử chứ không buộc tội thay cho Viện kiểm sát hay cùng Viện kiểm sát buộc tội bị cáo. Và nếu như vậy thì đương nhiên, Viện kiểm sát không còn chỗ dựa nữa, Viện kiểm sát sẽ không thể không tranh tụng. Khi Viện kiểm sát đã sẵn sàng tranh tụng có nghĩa là việc truy tố bị cáo đã được cân nhắc, xem xét thận trọng từ chứng cứ cho đến tội danh. Chứng cứ thì lại do cơ quan điều tra thu thập. Do đó, để có thể tự tin tranh tụng bình đẳng, song phẳng với bên bào chữa, thì Viện kiểm sát không thể dễ dãi với cơ quan điều tra và với kết quả của hoạt động điều tra. Bất kỳ sự dễ dãi nào của Viện kiểm sát với cơ quan điều tra về việc tuân thủ các yêu cầu của BLTTHS trong quá trình điều tra thì sau này tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên sẽ phải trả giá về sự dễ dãi đó bằng chính uy tín của Ngành mình, sinh mệnh chính trị của mình.

- Quy định quyền và trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ của người bào chữa.

So với quy định tại Điều 36 BLTTHS năm 1988 thì Điều 58 BLTTHS năm 2003 đã có sự bổ sung về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa. Điểm d Khoản 2 Điều 58 quy định: Người bào chữa có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác. Tuy nhiên, quy định trên vẫn còn hạn chế phạm vi thu thập chứng cứ của người bào chữa. Theo chúng tôi, người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ gỡ tội cho bị can, bị cáo ở bất kỳ đâu, ở bất kỳ đối tượng nào; pháp luật không nên thu hẹp phạm vi thu thập chứng cứ của họ, trừ trường hợp liên quan

đến bí mật nhà nước, bí mật công tác. Vì trong thực tiễn, người bào chữa không chỉ thu thập được những tài liệu, đồ vật ở những đối tượng trên mà họ còn có thể có được những tài liệu hoặc đồ vật liên quan đến việc gỡ tội của thân chủ ở những người khác, ở những nơi khác, ví dụ: ở bạn bè của bị can, bị cáo... chẳng hạn. Nếu những tài liệu, đồ vật này mà không được tổ tụng hình sự công nhận thì thật sự là không công bằng và khách quan. Hơn nữa, tuy BLTTHS năm 2003 quy định quyền của người bào chữa như vậy, song vấn đề ở chỗ là việc bảo đảm quyền đó được thực hiện như thế nào mới là quan trọng. Như chúng ta đều biết, các cơ quan tiến hành tố tụng có cả một bộ máy, điều kiện, phương tiện hoạt động rất đầy đủ, rất thuận lợi. Trong khi đó người bào chữa thì chỉ có một mình, lại ở thế không được thuận lợi cho lắm khi tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ. Do đó, để quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa được thực thi trong thực tiễn thì luật tố tụng hình sự cần phải có quy định thích hợp, như khi tiến hành thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền yêu cầu sự trợ giúp của các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc trong trường hợp người bào chữa không tự tiến hành thu thập thì có thể yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng thu thập và thông báo kết quả cho họ biết.

- Bổ sung quyền yêu cầu triệu tập người làm chứng của người bào chữa.

Quyền yêu cầu triệu tập người làm chứng của người bào chữa là một trong những quyền quan trọng nhằm bảo đảm cho xét xử của Tòa án được khách quan, toàn diện, bảo đảm việc tranh tụng bình đẳng của bên bị buộc tội tại phiên tòa. Khi Tòa án triệu tập nhân chứng đến phiên tòa không chỉ dựa vào hồ sơ của vụ án, không chỉ dựa vào đề nghị của bên buộc tội mà cũng cần phải lưu ý tới đề nghị triệu tập người làm chứng của người bào chữa. Các nhân chứng được triệu tập do phía buộc tội đưa ra chủ yếu tập trung vào các nhân chứng "buộc tội", còn các nhân chứng được triệu tập theo yêu cầu của người bào chữa, của bị cáo thường là nhân chứng "gỡ tội". Để việc xét xử được công bằng và khách quan, tại phiên tòa không chỉ có nhân chứng "buộc tội" mà còn phải có cả nhân chứng "gỡ tội" nữa. Theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới thì người bào chữa, bị cáo cũng có quyền đề nghị triệu tập những nhân

chúng mà họ cho là có lợi cho việc bào chữa. Do đó, kinh nghiệm này cũng đáng được tham khảo, xem xét áp dụng ở nước ta.

- Quyền có mặt tại phiên tòa xét xử

Điều 190 BLTTHS năm 2003 quy định: Nếu người bào chữa vắng mặt, Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử, trừ trường hợp việc xét xử bắt buộc phải có người bào chữa tham gia theo quy định Khoản 2 Điều 57 Bộ luật này. Như trên đã trình bày, vai trò của người bào chữa là rất quan trọng đối với bị can, bị cáo. Sự có mặt của người bào chữa trong các hoạt động điều tra nhằm bảo đảm việc điều tra được khách quan. Sự có mặt của người bào chữa trong hoạt động xét xử nhằm bảo đảm việc xét xử được khách quan, toàn diện, đúng người đúng tội. Do đó, nếu luật quy định HĐXX có thể xét xử vắng mặt người bào chữa thì khả năng tranh tụng bình đẳng trước tòa sẽ khó thực hiện được.

Cùng với việc bổ sung và bảo đảm thực hiện các quyền của người bào chữa cũng cần thiết quy định thêm trách nhiệm của người bào chữa như: giữ bí mật điều tra (chứ không chỉ bí mật nhà nước), không được xúi giục người bị tình nghi phạm tội, bị can, bị cáo chối tội, phản cung, không được từ chối bào chữa nếu không có lý do chính đáng...

4.2.2. Nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, phẩm chất và tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên trong hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Công tác của kiểm sát nói chung và công tác THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng là một loại hình công tác có tính đặc thù. Các quyết định của Viện Kiểm sát, hành vi của Kiểm sát viên thường liên quan và ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm nên để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình đòi hỏi mỗi Kiểm sát viên ngoài việc phải có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt thì phải có trình độ hiểu biết, có năng lực nghiệp vụ công tác chuyên môn. Khác với hoạt động điều tra của cơ quan điều tra, hoạt động của Kiểm sát viên là hoạt động có tính chất công khai, có nhiều người, nhiều thành phần tham dự tại phiên tòa; ở đó có sự đấu tranh phản bác và bảo vệ quan điểm của mình trước những người tham gia tố tụng khác nên

Kiểm sát viên phải vận dụng kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội để thể hiện rõ quan điểm của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Luật sát viên ngoài kiến thức đã được đào tạo cơ bản ở các trường chuyên nghiệp, luôn phải tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ để có kiến thức chuyên môn giỏi về pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự, tố tụng hình sự... Ngoài ra, còn phải có kiến thức và am hiểu các lĩnh vực kinh tế, xã hội, tâm lý..., đó là những tiền đề để Kiểm sát viên thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác nói chung và hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng.

Để thực hiện tốt việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Kiểm sát viên, bên cạnh sự cố gắng nỗ lực của mỗi Kiểm sát viên thì hàng năm ngành Kiểm sát nhân dân phải có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác THQCT và kiểm sát xét xử; thường xuyên có chuyên đề tổng kết rút kinh nghiệm công tác THQCT tại phiên tòa, thường xuyên kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ của cấp trên với cấp dưới để kịp thời khắc phục, uốn nắn những sai sót, tồn tại trong công tác để hoạt động THQCT và kiểm sát XXST các vụ án hình sự có hiệu quả.

Thời gian qua, VKSND ở nhiều tỉnh đã tổ chức cho các Kiểm sát viên ở cả hai cấp tham dự các phiên tòa mẫu, sau đó rút kinh nghiệm, nhận xét những điểm mạnh cũng như những thiếu sót, hạn chế của từng Kiểm sát viên để tất cả cùng rút kinh nghiệm. Đây là một kinh nghiệm tốt trong việc tự đào tạo, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao chất lượng, kỹ năng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đã được toàn ngành học tập và áp dụng trong phạm vi cả nước. Đây là một phương pháp đào tạo tại chỗ không tốn nhiều kinh phí và thời gian nhưng lại có hiệu quả rất tốt để nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, cần tiến hành thường xuyên và không chỉ giới hạn phạm vi trong một tỉnh nữa mà cần mở rộng ra phạm vi toàn quốc. Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được vì ngành kiểm sát đã đầu tư công nghệ thông tin, thực hiện truyền hình trực tuyến đến tất cả các quận, huyện của 63 tỉnh, thành phố.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên phải có trình độ theo quy định của Luật Tổ chức VKSND và Pháp lệnh Kiểm sát viên VKSND hiện hành. Đây là một trong những yếu tố hết sức quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, vấn đề đặt ra cho ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và VKSND quận, huyện nói riêng là phải đẩy nhanh và quan tâm hơn nữa công tác tuyển dụng và công tác đào tạo cán bộ, bảo đảm chất lượng và số lượng.

Trước hết, mỗi Kiểm sát viên phải tích cực học tập, nghiên cứu để nắm vững các quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, các luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ về tham gia phiên tòa hình sự như kỹ năng trình bày bản luận tội, kỹ năng diễn đạt, đối đáp trôi chảy, khả năng phản xạ linh hoạt trước các vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa... Phải thể hiện sự ứng xử có văn hóa trong thái độ, trong cách xưng hô tại phiên tòa, tôn trọng sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng nhất là những người tham gia tranh tụng với mình. Kiểm sát viên phải đánh giá lại kết quả hoạt động của mình sau mỗi phiên tòa, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc những thiếu sót, chú ý lắng nghe các ý kiến góp ý của đồng nghiệp, dư luận quần chúng tham dự phiên tòa với thái độ cầu thị để không ngừng hoàn thiện hơn kỹ năng nghiệp vụ của mình trong hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự. Cần bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên có bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng; có phẩm chất đạo đức trong sáng, lương tâm, trách nhiệm, tận tụy và có tính tự giác cao với công việc; có tinh thần kiên quyết đấu tranh bảo vệ công lý, không thiên lệch trước bất kỳ áp lực nào; luôn có ý thức, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, kịp thời cập nhật những văn bản pháp luật mới và những kiến thức cơ bản về nhiều chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau.

Bám sát kế hoạch đào tạo chung của ngành, tiếp tục cử cán bộ theo học các chương trình đào tạo, bồi dưỡng như: Lớp hoàn chỉnh kiến thức cử nhân luật, lớp đào tạo sau đại học, cao cấp lý luận chính trị, quản lý nhà nước hệ chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ hình sự cho cấp huyện... Bên cạnh đó, cần quan tâm, động viên và có chính sách hỗ trợ hợp lý cho vấn đề đào tạo kiến thức về tin học, ngoại ngữ... phân đấu tỷ lệ Kiểm sát viên biết sử dụng thành thạo máy vi tính đạt 80%; có kiến thức cơ sở về một loại ngoại ngữ từ 50-60%, có khả năng nghe, viết, nói, dịch thông thạo một loại ngoại ngữ đạt từ 5-7%.

Đây chính là những tiền đề pháp lý cơ bản về trình độ và là đòi hỏi bắt buộc đối với mỗi cán bộ, Kiểm sát viên trong ngành Kiểm sát nhân dân. Chỉ như vậy chất lượng và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ của Kiểm sát viên mới được nâng lên.

Thực tiễn hoạt động của Kiểm sát viên VKSND khi tham gia xét hỏi bị cáo, bị hại, người làm chứng..., tranh luận, đối đáp với luật sư, người bào chữa, bị cáo tại các phiên tòa hình sự trong thời gian qua thực chất mới chỉ đáp ứng được một phần. Vì vậy, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên phải được quan tâm bồi dưỡng nhiều hơn nữa về những kỹ năng này, nhất là kỹ năng tranh luận và đối đáp tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Trước hết về lý luận, Kiểm sát viên phải nắm vững mục đích của tranh luận, đối đáp là để bảo vệ quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát trong cáo trạng. Để làm tốt nhiệm vụ này, Kiểm sát viên phải có sự chuyển biến thực chất về nhận thức, xác định tranh luận tại phiên tòa không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ. Điểm cốt lõi để bảo đảm việc tranh luận tốt là phải nghiên cứu kỹ và nắm vững hồ sơ vụ án. Muốn vậy, Kiểm sát viên phải theo sát tiến trình tố tụng ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra chứng minh tội phạm, hành vi phạm tội, bảo đảm để quá trình điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ nhất về các tình tiết sự kiện của vụ án, từ đó có sự chuẩn bị tốt nhất về nội dung tranh tụng. Chỉ như vậy Kiểm sát viên mới củng cố được niềm tin nội tâm về tính xác thực của vụ án một cách cao nhất, đây cũng chính là yếu tố tâm lý rất cần thiết giúp Kiểm

sát viên vững tin bước vào phần tranh luận. Song cũng cần khắc phục tư tưởng bảo thủ khi có những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, có khả năng làm thay đổi một phần hay toàn bộ nội dung của vụ án, cần được điều tra bổ sung. Nhưng Kiểm sát viên vẫn cố tình lập luận để bảo vệ quan điểm truy tố.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên là người đại diện cho Viện Kiểm sát THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của HĐXX và những người tham gia tố tụng trong vụ án. Chính vì vậy đặt ra đòi hỏi khi thực hiện các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ của mình tại tòa phải bảo đảm những chuẩn mực (giá trị) cơ bản về văn hóa, nhất là văn hóa pháp lý trong xét hỏi, tranh luận, đối đáp... với luật sư, người bào chữa... tại phiên tòa. Kiểm sát viên hết sức chú ý tác phong, tính kỷ luật, tính tôn nghiêm, phải luôn có sự bình tĩnh, sự tập trung cao nhất trong suốt quá trình xét xử, thì mới đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tránh tình trạng nóng vội, phản ứng gay gắt, tác phong luộm thuộm, lập luận văn phong không rõ ràng, không tập trung, trình bày cáo trạng, luận tội rời rạc v.v...

Để đạt được những chuẩn mực giá trị văn hóa nhất định khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại phiên tòa, Kiểm sát viên cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững các quy định về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, khoa học về chứng cứ, dấu vết, tâm lý tội phạm, đồng thời nắm vững các nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về kế toán, thống kê... và các chuyên ngành luật khác; phải thường xuyên rèn luyện tính tư duy logic, khả năng tổng hợp, phân tích đánh giá chứng cứ, phải dự kiến trước những tình huống có thể xảy ra tại tòa và phương án giải quyết; thường xuyên rèn luyện kỹ năng về đọc, nói, viết, kỹ năng cảm hóa, giáo dục, thuyết phục người tham gia phiên tòa, nhất là kỹ năng tranh tụng; phải biết kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức pháp luật, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với sự hiểu biết tổng hợp về các môn khoa học xã hội, khoa học tâm lý, vốn sống, kinh nghiệm nghề nghiệp... khi thực hiện nhiệm vụ; phải có tác phong làm việc, sinh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao, tự giác, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng mọi người; phải thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, biết vượt qua chính mình, kiên quyết đấu tranh

bảo vệ cái đúng, tôn trọng lẽ phải... Tóm lại, Kiểm sát viên khi THQCT tại phiên tòa hình sự cần rèn luyện để có được hai tố chất là khả năng phân tích tổng hợp, tư duy logic và khả năng hùng biện, ứng xử linh hoạt trước đám đông. Những đòi hỏi này yêu cầu mỗi Kiểm sát viên ngành Kiểm sát nhân dân phải tự học hỏi, rèn luyện và thường xuyên trau dồi trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành và của địa phương.

Trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đối với những vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, nhất thiết phải cử Kiểm sát viên có năng lực tham gia. Cần thống nhất một nguyên tắc là khi giao Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa thì Kiểm sát viên đó phải là người trực tiếp kiểm sát điều tra, nghiên cứu hồ sơ vụ án, không phải là hồ sơ kiểm sát do người khác lập. Đối với những vụ án như trên, trước khi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, lãnh đạo đơn vị cần gặp gỡ, trao đổi lại với Kiểm sát viên một lần nữa xem Kiểm sát viên còn băn khoăn gì về tình tiết, nội dung, chứng cứ... trong vụ án không? Tất cả những băn khoăn của Kiểm sát viên cần được lãnh đạo, tập thể đơn vị bàn biện pháp tháo gỡ, giải tỏa, bảo đảm trước khi Kiểm sát viên bước vào phiên tòa tư tưởng hoàn toàn thoải mái, có niềm tin nội tâm cao nhất về các tình tiết và tính khách quan của vụ án. Chỉ trong những trường hợp bất khả kháng như Kiểm sát viên kiểm sát điều tra chuyển công tác khác, bị ốm... mới giao cho Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát điều tra, không trực tiếp nghiên cứu hồ sơ gốc (hồ sơ vụ án chứ không phải hồ sơ kiểm sát) tiến hành hoạt động THQCT tại phiên tòa, nhất là phiên tòa sơ thẩm hình sự.

Đối với đội ngũ Kiểm sát viên trong ngành, nhất là Kiểm sát viên trẻ cần tranh thủ khai thác, học hỏi kinh nghiệm của những Kiểm sát viên đã làm công tác công tố lâu năm, có nhiều kinh nghiệm (đây là nguồn kinh nghiệm quý báu cần khai thác); phải thường xuyên trau dồi, học tập để nâng cao bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, nhất là rèn luyện về kỹ năng "nghề", khả năng tổng hợp, phân tích, khả năng tư duy logic, khả năng hùng biện, ứng xử linh hoạt trước sự chứng kiến của đông người...

Để đội ngũ Kiểm sát viên ngành Kiểm sát nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh về bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, đặc biệt là kỹ năng tranh luận, đối đáp, Ban cán sự Đảng, lãnh đạo VKSND cần có sự chỉ đạo sâu sát, đặt ra thành chỉ tiêu cụ thể và kiểm tra việc thực hiện những giải pháp trên. Chuẩn bị tốt những điều kiện cần thiết, nhất là định hướng về chính sách cán bộ, bảo đảm việc kiện toàn nhanh nhất về công tác tổ chức và công tác cán bộ khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ của ngành theo yêu cầu cải cách tư pháp của Đảng.

Có thể nói, luôn luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ về chính trị và nghiệp vụ, thực hiện đúng lương tâm và trách nhiệm là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục đối với người cán bộ kiểm sát nói chung và đối với Kiểm sát viên nói riêng. Đây còn là đòi hỏi của quá trình cải cách tư pháp. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá về công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp như sau: *"Phần lớn cán bộ làm công tác tư pháp giữ vững phẩm chất chính trị, có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ, nhiều đồng chí đã tận tụy với công việc, có những trường hợp đã hy sinh cả tính mạng trong cuộc đấu tranh chống tội phạm"*. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng đánh giá: *"Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng tới kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước"*. Để nâng cao chất lượng cán bộ đòi hỏi trước hết người cán bộ kiểm sát phải rèn luyện ý thức chính trị. Bên cạnh đòi hỏi công tác THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp phải có tính pháp lý và tính nghiệp vụ thì người cán bộ kiểm sát phải nhận thức được tính chính trị trong công việc của mình. Xa rời tính chính trị sẽ làm cho hoạt động kiểm sát trở nên "pháp lý đơn thuần", không đáp ứng được các yêu cầu chính trị của địa phương. Rèn luyện ý thức chính trị tức là đòi hỏi cán bộ, Kiểm sát viên phải

luôn luôn nắm vững các chủ trương, nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các chủ trương, nghị quyết liên quan đến công tác kiểm sát nói riêng. Các Kiểm sát viên còn phải quán triệt đầy đủ những chủ trương của cấp ủy đảng về các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương để hướng hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp phục vụ có hiệu quả hơn. Rèn luyện để nâng cao ý thức chính trị sẽ giúp Kiểm sát viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành một cách có lý, có tình, được nhân dân tin tưởng và đồng tình; giúp Kiểm sát viên vận dụng pháp luật được đúng đắn. Xa rời ý thức chính trị dễ làm cho Kiểm sát viên đánh mất ý thức rèn luyện, dễ bị những lợi ích vật chất, tinh thần cám dỗ và đi đến vi phạm pháp luật. Việc rèn luyện ý thức chính trị luôn phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ kiểm sát theo tinh thần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn"*. Công việc THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Kiểm sát viên làm cho Kiểm sát viên hàng ngày, hàng giờ phải thường xuyên tiếp xúc với những mặt trái của xã hội, tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm, nếu người cán bộ kiểm sát không trau dồi đạo đức và rèn luyện ý thức chính trị của mình thì rất dễ bị những mặt trái của kinh tế thị trường cám dỗ. Người cán bộ kiểm sát có ý thức chính trị, có phẩm chất đạo đức sẽ biết cách khắc phục những khó khăn chủ quan và khó khăn khách quan trước mắt để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao mà không thụ động, không ỷ lại vào cấp trên, không đổ lỗi cho khách quan. Trong điều kiện đất nước ta đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, việc rèn luyện ý thức chính trị và phẩm chất đạo đức cho cán bộ kiểm sát càng đặt ra cấp bách. Thời gian gần đây đã có những vụ việc cho thấy càng phải tiếp tục chú trọng công tác rèn luyện ý thức chính trị và đạo đức cho cán bộ, Kiểm sát viên. Chỉ thị công tác năm 2003 của Viện trưởng VKSND tối cao đã chỉ rõ: *"Qua vụ án Trương Văn Cam, tổ chức nghiên cứu rút ra những bài học về công tác quản lý, chỉ đạo nghiệp vụ, giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật để giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ trong ngành"*.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan, đầu tư cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ tương xứng với yêu cầu về nhiệm vụ... thì việc nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ ý thức chính trị và tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên đóng vai trò quyết định.

4.2.3. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành

Thực tiễn cho thấy việc quản lý, chỉ đạo, điều hành có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy hiệu quả THQCT. Yêu cầu đặt ra đối với công tác này là phải căn cứ vào diễn biến tình hình tội phạm ở từng địa phương, đặc biệt chú ý đến những tội phạm nổi bật, thường xảy ra phổ biến; nắm chắc tình hình hoạt động của từng khâu công tác kiểm sát hình sự của cấp mình và cấp dưới để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh những thiếu sót trong việc điều tra, lập hồ sơ xử lý các vụ án hình sự. Trong đó một số chỉ tiêu phải thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ để có các biện pháp xử lý kịp thời như: số lượng tin báo, tố giác tội phạm (hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm) và kết quả xử lý; số người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, số vụ án do cơ quan điều tra khởi tố, số vụ án Viện Kiểm sát yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp khởi tố yêu cầu điều tra, số vụ án cơ quan điều tra đình chỉ điều tra, số vụ án Viện Kiểm sát đình chỉ vụ án. Đặc biệt cần lưu ý những trường hợp bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam không có căn cứ, quá hạn; những vụ án Viện Kiểm sát cấp dưới trả tự do vì không phạm tội, các bị cáo do Tòa án cùng cấp và cấp dưới tuyên không phạm tội; các vụ án hình sự mà bị can, bị cáo kêu oan ngay từ đầu, các đương sự khiếu nại nhiều lần về việc giải quyết vụ án không khách quan.

Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phải bảo đảm chế độ tập trung thống nhất trong ngành, Kiểm sát viên chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Viện trưởng cấp mình và chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao. Đồng thời, cần thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý theo quy định tại Quy chế công tác

THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Thực hiện tốt những vấn đề này chính là tăng cường chế độ trách nhiệm và phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng cấp kiểm sát trong việc THQCT.

Một trong những biện pháp quan trọng của công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp cần thực hiện tốt là việc thường xuyên kiểm tra cấp mình và cấp dưới trong việc tiến hành các công tác nghiệp vụ. Thông qua kiểm tra để phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những sai phạm và phải ra thông báo rút kinh nghiệm chung.

Việc hướng dẫn, chỉ đạo cũng như trả lời thỉnh thị đường lối giải quyết vụ án phải được nâng cao về chất lượng, bảo đảm chính xác, kịp thời, tránh việc hướng dẫn không rõ ràng gây khó khăn cho cấp dưới khi thực hiện. Trong trường hợp ý kiến của Viện Kiểm sát cấp trên không thống nhất với ý kiến của Viện Kiểm sát cấp dưới về đường lối giải quyết thì cần trao đổi để làm rõ các tình tiết vụ án, quyết định của Viện Kiểm sát cấp trên phải là quyết định cuối cùng. Viện Kiểm sát cấp dưới chỉ thay đổi đường lối giải quyết vụ án khi xuất hiện các tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án nhưng phải báo cáo lại với Viện Kiểm sát cấp trên.

Trên cơ sở thực tiễn áp dụng các quy chế nghiệp vụ, VKSND tối cao cần có tổng kết kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện Quy chế công tác THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự nhằm hướng dẫn quy trình thực hiện công tác này trong toàn ngành, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý nghiệp vụ và lề lối làm việc tùy tiện hiện nay làm giảm sút chất lượng THQCT. Từng Kiểm sát viên, từng cấp kiểm sát phải tự mình kiểm điểm, đánh giá và tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trong việc THQCT tại phiên tòa XXST án hình sự như: Vẫn còn tình trạng hồ sơ bị Tòa án trả lại nhiều, chất lượng bản cáo trạng, bản luận tội, chất lượng thanh luận tại phiên tòa chưa đáp ứng được yêu cầu... đã đề xuất các biện pháp khắc phục gì và biện pháp nào là có hiệu quả bảo đảm chất lượng THQCT.

Thực hiện nguyên tắc tập trung lãnh đạo thống nhất trong ngành được quy định tại Hiến pháp và Luật Tổ chức VKSND, Viện Kiểm sát các cấp cần phối hợp chặt chẽ với nhau để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Trước hết, hàng năm VKSND tối cao cần xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ để hướng dẫn đường lối giải quyết đối với từng loại án như: án kinh tế, án trị an xã hội, án ma túy... các chuyên đề rút kinh nghiệm trong công tác nghiệp vụ như: chống lọt tội, chống hình sự hóa các quan hệ dân sự, hành chính, kinh tế... Đồng thời các vụ nghiệp vụ ở VKSND tối cao cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra việc giải quyết án hình sự của các ngành pháp luật cấp dưới để kịp thời uốn nắn, khắc phục những lệch lạc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ở các địa phương.

Viện Kiểm sát cấp tỉnh cần tăng cường hơn nữa công tác hướng dẫn nghiệp vụ đối với Viện Kiểm sát cấp huyện bằng nhiều hình thức như: tập huấn chuyên đề giải quyết từng loại án: xây dựng chế độ các phòng nghiệp vụ chỉ đạo đường lối công tác kiểm sát hình sự đối với Viện Kiểm sát cấp huyện; cử Kiểm sát viên phụ trách địa bàn theo từng loại án. Đối với những sai sót phổ biến, điển hình cần ra thông báo rút kinh nghiệm chung cho tất cả các Viện Kiểm sát cấp huyện.

Trong trường hợp những vụ án phức tạp, Viện Kiểm sát cấp dưới cần chủ động xin ý kiến của Viện Kiểm sát cấp trên bằng văn bản, trong đó nêu rõ các quan điểm khác nhau của các ngành pháp luật ở địa phương và quan điểm của mình về vụ án; Viện Kiểm sát cấp trên khi trả lời thỉnh thị của Viện Kiểm sát cấp dưới phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ quan điểm về vị án cần được giải quyết như thế nào trên cơ sở tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án; các khâu kiểm sát hình sự của Viện Kiểm sát cấp trên cần thống nhất ý kiến chung về vụ án khi hướng dẫn Viện Kiểm sát cấp dưới, khắc phục tình trạng một vụ án có nhiều quan điểm hướng dẫn khác nhau dẫn đến địa phương khó thực hiện.

4.2.4. Bảo đảm về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên

Khi đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong công tác tư pháp thời gian qua, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị đã đánh giá: *"Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều nơi trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và trách nhiệm được giao"*. Trong điều kiện cải cách tư pháp, với việc tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án cấp huyện nói riêng và cho các cơ quan tư pháp cấp huyện nói chung, đòi hỏi phải có sự đầu tư mạnh hơn về cơ sở vật chất, trang bị làm việc cho Viện Kiểm sát các cấp.

Báo cáo công tác của Viện trưởng VKSNDTC tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIV, năm 2016 đã chỉ rõ:

- Đối với VKSND cấp tỉnh

+ Số đơn vị có trụ sở ổn định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu làm việc tạm thời (đầu tư từ năm 2005, diện tích làm việc bình quân 8-12m²/01 người) có 49 đơn vị, chiếm 77%.

+ Số đơn vị có trụ sở xây đã lâu, nay đã xuống cấp, thiếu diện tích làm việc, cần đầu tư, sửa chữa cải tạo mở rộng (xây dựng trước năm 2005) có 7 đơn vị, chiếm 11,1%.

+ Số đơn vị cần đầu tư xây dựng mới toàn bộ (xây dựng từ trước năm 2000, hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp, diện tích làm việc bình quân 3-4m²/01 người) có 7 đơn vị, chiếm 12,7% [121].

- Đối với VKSND cấp huyện

+ Tổng số đơn vị được đầu tư từ 2005-2015, cơ bản đáp ứng được yêu cầu làm việc tạm thời (diện tích làm việc bình quân 8-10m²/01 người) có 276 đơn vị chiếm 38,8%.

+ Tổng số đơn vị xây dựng năm 2000-2005, nay đã xuống cấp, thiếu diện tích làm việc, cần đầu tư sửa chữa, cải tạo mở rộng có 274 đơn vị, chiếm 38,6%.

+ Tổng số đơn vị cần đầu tư xây dựng mới toàn bộ (xây dựng từ trước năm 2000, diện tích làm việc bình quân $3-4\text{m}^2/01$ người) đã hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng có 137 đơn vị, chiếm 19,3%.

+ Tổng số đơn vị đang phải đi thuê trụ sở làm việc có 23 đơn vị, chiếm 3,2%.

Số ô tô cần có để phục vụ cho công tác còn thiếu, trong số hiện có thì có đến 47% số xe kém chất lượng, dưới 30% lẽ ra phải thanh lý; nhiều trang thiết bị khác như bàn ghế làm việc, vali dự trữ, máy vi tính và máy photô đều đã được trang bị từ lâu, kém về chất lượng... [121]. Trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu nhiệm vụ:

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp. Phấn đấu đến năm 2005 xây dựng đủ trụ sở và cơ sở làm việc của các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến cấp huyện; xây dựng, cải tạo, sửa chữa các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Có chính sách tiền lương, phụ cấp và chính sách đãi ngộ phù hợp cho cán bộ tư pháp [39].

Như vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp nói chung và công tác THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói riêng đã trở thành yêu cầu khách quan.

Hiện nay thực trạng cơ sở vật chất của các cơ quan tư pháp nói chung, Viện Kiểm sát các cấp nói riêng đang còn thiếu; cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện làm việc phần lớn ở các địa phương còn thô sơ, lạc hậu. Khả năng ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa bố trí đủ theo yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành. Đáng chú ý là khi phân bổ ngân sách, cũng như khi

quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích trụ sở làm việc, trang thiết bị phương tiện làm việc, định mức chi tiêu ngân sách, Nhà nước vẫn coi ngành kiểm sát như các ngành hành chính sự nghiệp khác. Theo số liệu quyết toán hàng năm thì mức chi cho cán bộ, Kiểm sát viên còn rất thấp, mức chi cho công tác nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa trụ sở... không đáp ứng nhu cầu. Trong khi đó khối lượng công việc ngày càng tăng, nhất là trong lĩnh vực giải quyết án hình sự. Thực tế cho thấy hoạt động phạm tội ở nước ta hiện nay diễn biến rất phức tạp trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội; bọn tội phạm có xu hướng hoạt động theo ổ nhóm, theo đường dây, hoạt động lưu động trên nhiều địa phương, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp... Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật và công nghệ thông tin, bọn phạm tội ngày càng sử dụng sâu rộng những thành tựu đó vào quá trình phạm tội nên việc đấu tranh chống tội phạm cũng ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Đặc biệt đáng lưu ý là tình trạng gia tăng của các loại tội phạm dẫn đến quá tải trong việc giải quyết án do lực lượng biên chế còn mỏng đã hạn chế hiệu quả công tác kiểm sát điều tra từ đầu.

Để khắc phục tình trạng yếu kém trong việc tổ chức thực hiện quyền công tố trong tố tụng hình sự cần phải nâng cao năng lực cho các cơ quan tư pháp về nhiều mặt. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã chỉ rõ: *"Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với các cán bộ tư pháp"*. Quán triệt tinh thần Nghị quyết này, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã có nhiều quy định mới để bảo đảm hoạt động của Viện Kiểm sát. Nếu như trước đây, kinh phí hoạt động của ngành Kiểm sát nhân dân do Chính phủ lập dự toán, thì nay Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã quy định cho VKSND tối cao chủ động lập dự toán kinh phí hoạt động của ngành; một trong những điểm đổi mới quan trọng là Luật mới còn quy định rõ việc Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ thông tin và các phương tiện khác để đảm bảo cho ngành kiểm kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình

(Điều 49 Luật Tổ chức VKSND). Trên tinh thần đó, VKSND tối cao cần chủ động đánh giá, thống kê rõ nhu cầu của việc cấp kinh phí, trang thiết bị... cho các khâu công tác ở Viện Kiểm sát mỗi cấp và của toàn ngành nói chung để đề xuất với Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định. Theo chúng tôi, trước hết là chú trọng nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc. Viện Kiểm sát các cấp cần được trang bị máy vi tính để cập nhật, lưu giữ và khai thác thông tin tội phạm, thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo. Ngoài ra, các phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện giao thông cũng cần được sớm tăng cường, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đồng thời cần có chế độ, chính sách hợp lý cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, nhất là ở cấp huyện, khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ có thành tích, chiến công trong đấu tranh, phòng chống tội phạm bảo vệ công lý.

Cải cách một bước cơ bản chế độ tiền lương đối với đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên nhằm từng bước khắc phục sự bất cập về đời sống của cán bộ ngành kiểm sát với các thành phần xã hội khác trong điều kiện cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp tăng cường nhân lực và vật lực cho ngành kiểm sát là những bảo đảm hết sức quan trọng để Viện Kiểm sát các cấp THQCT có chất lượng trong ngành tình hình mới.

Bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị để bảo đảm nhu cầu cho hoạt động, ngành cần quan tâm đầu tư các trang thiết bị khoa học công nghệ cao như các máy vi tính, thiết bị phần mềm máy tính, thuê đường truyền ưu tiên... để bảo đảm hoạt động quản lý trong nội bộ Viện Kiểm sát các cấp cũng như để bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao.

4.2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp là một bộ phận quan trọng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ đổi mới. Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ rất quan trọng của cơ quan tố tụng, đặc biệt là việc triển khai tổ chức thực hiện các quy định về vấn đề này trong Hiến pháp năm 2013. Để nâng cao chất lượng THQCT cần phải xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp của các cơ quan tố tụng;

đồng thời, có phương án bảo đảm các điều kiện để thực hiện tốt nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này vì đây là vấn đề lâu nay ở nước ta chưa được quan tâm đúng mức.

Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị “về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” xác định tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong cải cách tư pháp. Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09-12-2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng xác định các nguyên tắc, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp trong hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Với tinh thần đổi mới, chủ trương tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp đã được các ngành, các cấp triển khai kịp thời, đúng định hướng của Đảng và đạt được những kết quả khả quan. Các cơ quan nhà nước đã từng bước tạo lập cơ sở pháp lý để thực hiện có hiệu quả các điều ước quốc tế với việc ban hành Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007, Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và nhiều văn bản pháp luật liên quan khác. Hiện nay, Nhà nước ta cũng đã ký hơn 40 Hiệp định tương trợ tư pháp song phương, tham gia hàng chục điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp.

Đến nay Việt Nam đã có quan hệ hợp tác về tư pháp với hơn 80 quốc gia và tổ chức quốc tế, là thành viên của nhiều định chế quốc tế như: thành viên Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia; thành viên chính thức của Hiệp hội Công tố viên quốc tế; thành viên của Hội nghị Lahay về tư pháp quốc tế; thành viên của Liên minh công chứng quốc tế, thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc; thành viên của Hiệp hội Luật sư Châu Á, Thái Bình Dương... Thông qua hợp tác quốc tế, chúng ta đã thu nhận được những thông tin pháp lý và kinh nghiệm cần thiết tham khảo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp, đào tạo được nhiều cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật và tư pháp quốc tế. Đồng thời làm cho cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn về mục đích, phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp ở Việt Nam theo hướng dân chủ, pháp

quyền. Có thể nói, việc mở rộng quan hệ về tư pháp với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã đánh dấu sự hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam vào đời sống pháp lý quốc tế, góp phần khẳng định vai trò, vị thế của các cơ quan tư pháp Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh hiện nay, để nâng cao chất lượng THQCT đấu tranh kịp thời với các loại tội phạm, đặc biệt là những tội phạm mới xuất hiện, có tổ chức thì việc tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực tư pháp đang đặt ra hiết sức cần thiết. Để hoạt động này đi vào thực chất và có hiệu quả chúng ta cần thực hiện tốt một số giải pháp cụ thể sau:

- Đa dạng hóa nội dung, hình thức hợp tác quốc tế. Cần đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế như ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, các chương trình, dự án hợp tác với đối tác nước ngoài về tư pháp; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, tập huấn chuyên sâu về tư pháp và pháp luật; trao đổi các đoàn khảo sát, trao đổi tài liệu để nghiên cứu kinh nghiệm của nhau; cung cấp chuyên gia tư vấn và phối hợp nghiên cứu khoa học về tư pháp; tăng cường phối hợp chung trong hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế và khủng bố quốc tế... Các cơ quan tư pháp cần gửi nhiều yêu cầu ủy thác, tương trợ tư pháp của Việt Nam cho nước ngoài và tiếp nhận xử lý những hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp của một số nước (về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù); công nhận cho thi hành tại Việt Nam nhiều bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài. Trong khuôn khổ hợp tác với các nước láng giềng, các nước ASEAN, chúng ta cần chủ động, tích cực đề xuất sáng kiến về tư pháp; tổ chức Hội nghị với các nước ASEAN, Trung Quốc về tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia...

Để đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp Việt Nam cần thông qua việc ký kết các điều ước quốc tế song phương, từng bước tham gia các thiết chế đa phương, khu vực về tương trợ tư pháp. Cùng với việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, Việt Nam cần đẩy mạnh thực hiện việc rà soát, sửa đổi,

bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phù hợp với các cam kết trong ASEAN Để bảo đảm tính tương thích của pháp luật Việt Nam hiện nay với việc gia nhập Cộng đồng ASEAN, Bộ Tư pháp cần rà soát pháp luật Việt Nam với điều ước quốc tế trong ASEAN.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về tư pháp với các tổ chức quốc tế và các quốc gia; tổ chức thực hiện tốt những điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; rà soát, nội luật hoá các nội dung cơ bản của điều ước quốc tế phù hợp với yêu cầu thực tiễn và cam kết của Việt Nam. Tham gia tích cực các định chế, các hội nghị, diễn đàn tư pháp quốc tế và khu vực; đẩy mạnh việc đàm phán, ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước có quan hệ truyền thống, các nước có cộng đồng người Việt Nam sinh sống. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế và khủng bố quốc tế.

- Mở rộng hợp tác đào tạo quốc tế nhằm nâng cao năng lực của cán bộ tư pháp trong thời gian tới. Thông qua việc trao đổi, hợp tác đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực, kinh nghiệm của đội ngũ nhà khoa học chuyên sâu và đội ngũ cán bộ tư pháp. Thông qua sự hỗ trợ của các chương trình, dự án và các hoạt động hợp tác quốc tế đội ngũ cán bộ, công chức sẽ được đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở trong nước và ở nước ngoài, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng làm việc của đội ngũ cán bộ được nâng cao, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ vào trong các hoạt động nghiệp vụ bảo đảm hiệu quả của các hoạt động tổ tụng.

Để triển khai các hoạt động hợp tác trên lĩnh vực đào tạo, thực hiện các chương trình, dự án hợp tác thông qua các thỏa thuận hợp tác ký kết với các đối tác phát triển để hỗ trợ các nước đang phát triển. Trước hết Việt Nam cần phối hợp với Hội đồng Điều hành IDLO nhằm hoàn thiện các thủ tục để Việt Nam chính thức trở thành thành viên của IDLO - tổ chức quốc tế liên Chính phủ có mục tiêu thúc đẩy pháp quyền và phát triển, hỗ trợ các nước trong xây dựng,

cải cách thể chế, pháp luật, hỗ trợ thực hiện các hoạt động tư pháp, bảo đảm tiếp cận công lý và các cơ hội phát triển kinh tế cho người dân. Xây dựng Kế hoạch đào tạo cán bộ, chuyên gia pháp lý và luật sư của Việt Nam trong khuôn khổ hoạt động hợp tác với IDLO, xây dựng các diễn đàn pháp luật về IDLO tại Việt Nam và nhiều hoạt động phối hợp với các Bộ, ngành của Việt Nam, các cơ quan của Liên hợp quốc tại Việt Nam trong việc triển khai các hoạt động trong lĩnh vực IDLO quan tâm.

Tiểu kết chương 4

1. Nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là một yêu cầu cấp thiết, một nội dung trọng tâm của ngành Kiểm sát nhân dân hiện nay. Điều này không chỉ xuất phát từ mục tiêu, nội dung cơ bản của cải cách tư pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân mà các đường lối, nghị quyết về cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước đã xác định mà còn xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót, tồn tại của chính hoạt động này trong thời gian qua cũng như là những yêu cầu của hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự trong thời gian tới.

2. Để nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, cần áp dụng khẩn trương, toàn diện, đồng bộ nhiều giải pháp, từ việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và của Viện Kiểm sát cấp trên đến tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

KẾT LUẬN

1. Thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự là một trong những hoạt động chính, có ý nghĩa quyết định đến sự ra đời và tồn tại của cơ quan Viện Kiểm sát ở Việt Nam nói riêng và cơ quan công tố trên thế giới nói chung. Hoạt động này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, quyết định đến quyền lợi chính trị, kinh tế và nhiều khi là sinh mệnh của con người. Hiệu quả của hoạt động này còn ảnh hưởng đến trật tự, an toàn của cả xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của cả đất nước.

2. Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự chính là: *Thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp là hoạt động đưa người phạm tội ra Tòa án sơ thẩm để xét xử và buộc tội người phạm tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên theo đúng các quy định pháp luật, thể hiện sự thuần thực về kỹ năng nghiệp vụ, hạn chế thấp nhất tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tránh làm oan người vô tội, nhằm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm hiệu quả và chất lượng.* Đây là một khái niệm mang tính lịch sử, cụ thể, tổng hợp nhưng có thể đo, đếm, so sánh được bằng những chỉ số, chỉ tiêu nhất định. Các tiêu chí để đánh giá chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự bao gồm sự tuân thủ các quy định của pháp luật, sự tuân thủ các hướng dẫn, chỉ đạo của Ngành; số lượng án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung; số bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội và sự thuần thực kỹ năng nghiệp vụ. Các tiêu chí này thường được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu, chỉ số nhất định.

3. Chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phụ thuộc vào hàng loạt các yếu tố như: sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, năng lực, trình độ nghiệp vụ, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ này, công tác quản lý, chỉ đạo,

điều hành của lãnh đạo và của Viện Kiểm sát cấp trên, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên...

4. Chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự của Kiểm sát viên VKSND trong thời gian qua, nhất là từ khi có Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, đã được chú trọng và được nâng lên một bước đáng kể. Tuy nhiên, cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. chất lượng, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự của Kiểm sát viên nói chung và của Kiểm sát viên VKSND nói riêng là một yêu cầu bức thiết.

5. Để nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, cần áp dụng toàn diện, đồng bộ nhiều giải pháp, từ việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và của Viện Kiểm sát cấp trên đến tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng. Đây là công việc vừa mang tính khẩn trương, vừa phải thực hiện lâu dài, thuộc trách nhiệm của nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau. Có như vậy mới có thể nhanh chóng nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Văn Quý (2010), "Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (176), tr.17-22.
2. Trần Văn Quý (2014), "Tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự", *Tạp chí Nội chính*, (17), tr.36-40.
3. Trần Văn Quý (2017), "Nâng cao năng lực đội ngũ Kiểm sát viên đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (9), tr.81-85.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trần Bạt (2005), *Cải cách và sự phát triển*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
2. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
3. Dương Thanh Biểu (chủ biên) (2008), *Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
4. Nguyễn Hòa Bình (2003), "Rèn luyện kỹ năng đọc cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa", *Tạp chí Kiểm sát*, (4).
5. Phan Thị Bình (2008), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở tỉnh Thanh Hóa*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 08 ngày 2/01/2002 của Bộ Chính trị Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Chỉ thị 53 CT/TW ngày 21/03/2000 của Bộ Chính trị Về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện năm 2000*, Hà Nội.
8. Bộ Nội vụ (2007), *Tổ chức Nhà nước Việt Nam (1945-2007)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Bộ Tư pháp (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (2002), *Tư điển Luật học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Tư pháp (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

13. Lê Cẩm (1999), "Một số vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố", Kỷ yếu đề tài khoa học *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
14. Lê Cẩm (2001), "Những vấn đề về lý luận và chế định quyền công tố", Báo cáo tại Hội nghị Khoa học *Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tình hình mới* do Ủy ban pháp luật của Quốc hội tổ chức ngày 2/04/2001, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Lê Cẩm (2001), "Nhà nước pháp quyền: Các nguyên tắc cơ bản", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (9).
16. Lê Cẩm (2001), "Tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (11).
17. Lê Cẩm (2002), "Những vấn đề lý luận cơ bản về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (11).
18. Lê Cẩm (2003), "Những vấn đề lý luận cấp bách về cải cách tư pháp cần được triển khai nghiên cứu trong khoa học pháp lý Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Kiểm sát*, (7).
19. Lê Cẩm (2003), "Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", *Tạp chí Khoa học thuộc Đại học quốc gia Hà Nội* (Chuyên san Kinh tế - Luật), (3).
20. Lê Cẩm (2004), "Nguyên tắc tranh tụng trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự", (6).
21. Lê Cẩm (2004), "Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", *Tạp chí Khoa học* (Chuyên san Kinh tế - Luật), (3).
22. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (đồng chủ biên) (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

23. Lê Cẩm (2005), "Bàn về tổ chức quyền tư pháp - nội dung cơ bản của chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020", *Tạp chí Kiểm sát*, (12).
24. Lê Cẩm (2006), "Các nguyên tắc cơ bản của cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (1).
25. Lê Cẩm (2006), "Quyền tư pháp, hệ thống tư pháp, hoạt động tư pháp, cơ quan tư pháp và cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Khoa Luật trực thuộc Đại học quốc gia Hà Nội - 30 năm truyền thống (1976-2006)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Lê Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
27. Hoàng Thị Quỳnh Chi (2005), "Làm tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là thiết thực góp phần vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", *Tạp chí Kiểm sát*, (17).
28. Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp (2011), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Luật luật sư*, Hà Nội.
29. Ngô Huy Cương (2006), *Góp phần bàn về cải cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
30. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên), Ngô Vĩnh Bạch Dương, Võ Trí Hảo và Bùi Ngọc Sơn (2005), *Thế chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
31. Nguyễn Trí Dũng (2003), *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
32. Trần Đình Dũng (2009), *Vững tin trước thềm năm mới; đoàn kết, thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2009, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Bản tin Công tác xây dựng Đảng, Vĩnh Phúc.

33. Trần Thái Dương (1994), "Quyền tư pháp và quyền kiểm sát", *Tạp chí kiểm sát* (2).
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010*, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2010*, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Trần Văn Độ (1999), "Một số vấn đề về quyền công tố", Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

44. Đỗ Văn Dương (1999), "Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố", Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
45. Thạch Giản (1982), *Tìm hiểu bộ máy nhà nước*, Viện kiểm sát nhân dân, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
46. Trương Thị Hồng Hà (chủ biên) (2009), *Vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
47. Phạm Hồng Hải (1994), "Về chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (2).
48. Phạm Hồng Hải (1999), "Bàn về quyền công tố", Kỷ yếu đề tài cấp Bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tế hoạt động công tố ở Việt Nam từ 1995 đến nay*, Hà Nội.
49. Phạm Hồng Hải (2006), "Thực trạng tranh tụng trong phiên tòa hình sự của Kiểm sát viên dưới góc nhìn của luật sư", *Tạp chí Kiểm sát*, (8).
50. Hà Thị Minh Hạnh (2007), *Chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Hiến (2010), *Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
52. Lê Thị Tuyết Hoa (2001), "Bàn về quyền công tố", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (10).
53. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
54. Phạm Tuấn Khải (1999), "Vài ý kiến về quyền công tố và thực hiện quyền công tố", Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

55. Dương Xuân Kính (2008), "Kết quả và những vấn đề đặt ra sau 5 năm thi hành Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân", *Tạp chí Kiểm sát*, (24).
56. Nguyễn Tiến Long (2005), "Một số giải pháp để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người bào chữa khi tranh tụng trong phiên tòa xét xử hình sự", *Tạp chí Kiểm sát*, (17).
57. Trần Đức Lương (2002), "Đẩy mạnh cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản*, (10).
58. Nguyễn Đức Lương (2002), "Bàn về quyền công tố và thực hành quyền công tố trong Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2002", *Tạp chí Kiểm sát*, (8).
59. Nguyễn Đức Mai (1999), "Một số ý kiến về quyền công tố", Kỷ yếu đề tài cấp bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Vũ Mộc (1995), "Về thực hiện quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự, thực tiễn và kiến nghị", Trong cuốn *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
63. Mai Thị Nam (2008), *Chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
64. Đinh Xuân Nam (2006), "Một số vấn đề về văn hóa ứng xử của Kiểm sát viên tại phiên tòa", *Tạp chí Kiểm sát*, (8).

65. Trần Văn Nam (2004), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
66. Trần Đình Nhã (1999), "Bàn về khái niệm công tố", Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ 1945 đến nay*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
67. Võ Quang Nhạn (1984), "Bàn về quyền công tố ", *Tạp chí kiểm sát*, (2).
68. Hoàng Phê (chủ biên), (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
69. Lê Hồng Phong (2013), *Chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
70. Phòng Đối ngoại Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2006), "Tuyên bố của Hội nghị Công tố trưởng các nước á - Âu (ASEM)", Bản dịch, *Tạp chí Kiểm sát*, (01).
71. Nguyễn Thái Phúc (1999), "Một số vấn đề về quyền công tố của Viện Kiểm sát", Kỷ yếu đề tài cấp bộ *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ 1945 đến nay*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
72. Nguyễn Thái Phúc (2003), "Vai trò trách nhiệm của Kiểm sát viên và thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm", *Tạp chí Kiểm sát*, (9).
73. Nguyễn Thái Phúc (2003), "Dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi) và nguyên tắc tranh tụng", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (9).
74. Nguyễn Hữu Phương (2008), *Chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

75. Nguyễn Hồng Quân (2009), *Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự ở tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1993), *Hiến pháp năm 1992*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Hiến pháp 1992 sửa đổi bổ sung năm 2001*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Trần Quyết (2005), "Người cán bộ kiểm sát phải có bản lĩnh và ý chí chiến đấu để bảo vệ công lý và pháp luật", *Tạp chí Kiểm sát*, (13).
87. Hồ Sỹ Sơn (2005), "Hoàn thiện mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (202).
88. *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa* (1976), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976.

89. Nguyễn Văn Thắng (2003), "Nâng cao tính giáo dục, tuyên truyền pháp luật trong bản luận tội của Kiểm sát viên", *Tạp chí Kiểm sát*, (4).
90. Trần Đại Thắng (2003), "Bàn về vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Kiểm sát*, (9).
91. Trần Đình Thắng (chủ biên) (2009), *Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp theo yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
92. Lê Minh Thắng (chủ nhiệm) (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tổng quan khoa học đề tài cấp cơ sở, Khoa Nhà nước và pháp luật - Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I, Hà Nội.
93. Lê Hữu Thê (chủ nhiệm) (1999), Tổng thuật đề tài cấp bộ: *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
94. Lê Hữu Thê (2000), "Bàn về khái niệm quyền công tố", *Tạp chí Kiểm sát*, (8).
95. Lê Hữu Thê (chủ biên) (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
96. Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Dương và Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên) (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Lê Hữu Thê (2014), "Tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp", tại trang <http://www.vksndtc.gov.vn>, [truy cập ngày 20/2/2017].
98. Võ Thọ (1985), *Một số vấn đề về Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
99. *Thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1986), tập 1, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
100. Nguyễn Mạnh Tiến (2005), *Tranh tụng tại phiên tòa - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
101. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

102. *Tội phạm học, Luật hình sự và tổ tụng hình sự Việt Nam* (1994), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Trịnh Khắc Triệu (2003), "Vai trò, nhiệm vụ và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự", *Tạp chí Kiểm sát*, (10).
104. Trung tâm Từ điển học (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
105. Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác kiểm sát phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
106. Trần Đình Tú (2009), *Chất lượng thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các quận ở thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
107. Đỗ Thị Ngọc Tuyết (2004), *Kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự*, Đề tài khoa học cấp trường, Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội, Hà Nội.
108. Đào Trí Úc (2004), "Chiến lược cải cách tư pháp: những vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (9).
109. Đào Trí Úc (2005), "Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng, chống oan, sai", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (204).
110. Đào Trí Úc, Vũ Công Giao (đồng chủ biên) (2014), *Cải cách tư pháp về một nền tư pháp liêm chính*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
111. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Kiểm sát viên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Nguyễn Tường Vi (2009), *Thực hiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, bị cáo ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
113. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), *Chỉ dẫn về công tác công tố. Hiệp hội Công tố viên quốc tế*, Tài liệu tham khảo do Dương Văn Hậu dịch, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
114. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (chủ trì) (2008), *Viện kiểm sát nhân dân trong tiến trình cảnh cách tư pháp*, Hội thảo quốc tế, Hà Nội.

115. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân từ năm 2002 đến nay*, Viện Khoa học kiểm sát, Thông tin khoa học kiểm sát, Hà Nội.
116. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013*, Hà Nội.
117. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2013 và phương hướng hoạt động năm 2014*, Hà Nội.
118. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2014 và phương hướng hoạt động năm 2015*, Hà Nội.
119. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016*, Hà Nội.
120. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017*, Hà Nội.
121. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo công tác của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại kỳ họp Thứ 2, Quốc hội khóa XIV*, Hà Nội.
122. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Cục Thống kê tội phạm, *Cơ sở dữ liệu - bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội*, Hà Nội.
123. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.